

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ HIÊN

“NGHIÊN CỨU LOẠI HÌNH DU LỊCH TÔN GIÁO
TẠI NINH BÌNH”

LUẬN VĂN THẠC SĨ DU LỊCH

Hà Nội, 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ HIỀN

“NGHIÊN CỨU LOẠI HÌNH DU LỊCH TÔN GIÁO
TẠI NINH BÌNH”

Chuyên ngành: Du lịch
(Chương trình đào tạo thí điểm)

LUẬN VĂN THẠC SĨ DU LỊCH

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN TRÙNG KHÁNH

Hà Nội, 2015

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn tốt nghiệp này, trước tiên tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Thầy giáo hướng dẫn – Ts. Nguyễn Trung Khánh đã tận tình, giúp đỡ, hướng dẫn tôi trong suốt thời gian thực hiện đề tài.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô giáo trong khoa Du lịch học-Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn đã tạo cho tôi có một nền tảng kiến thức cơ bản và phương pháp làm việc, nghiên cứu để tôi có thể lựa chọn và thực hiện luận văn đúng hướng.

Qua luận văn tốt nghiệp này, tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Sở Văn Hóa Thể Thao và Du lịch Ninh Bình, Ban quản lý khu Du lịch chùa Bái Đính, Nhà thờ đá Phát Diệm đã cung cấp thông tin và số liệu đồng thời đóng góp ý kiến cho tôi trong quá trình tìm hiểu và thu thập tài liệu.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè và những người thân yêu đã luôn quan tâm, tạo điều kiện cho tôi trong thời gian nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Do thời gian có hạn và trình độ bản thân còn nhiều hạn chế nên luận văn “ Nghiên cứu loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình” của tôi không tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp, phê bình của quý Thầy Cô, nhà khoa học, đọc giả và các bạn đồng nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày 5 tháng 1 năm 2015

Học viên

Trần Thị Hiên

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	5
DANH MỤC BẢNG.....	6
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	6
PHẦN MỞ ĐẦU	8
1. Tính cấp thiết của đề tài	8
2. Lịch sử nghiên cứu của đề tài.....	9
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	12
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	12
5. Phương pháp nghiên cứu.....	13
6. Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài	14
7. Bố cục của đề tài.....	14
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DU LỊCH TÔN GIÁO	15
1.1. Một số khái niệm cơ bản	15
1.1.1. Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng.....	15
1.1.1.1. Khái niệm tín ngưỡng	15
1.1.1.2. Văn hóa tín ngưỡng.....	18
1.1.1.3. Lịch sử hình thành, phát triển tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng	19
1.1.2. Tôn giáo	19
1.1.2.1. Khái niệm tôn giáo	19
1.1.2.2. Vai trò và các hình thức tôn giáo.....	21
1.1.2.3. Lịch sử hình thành và phát triển tôn giáo	24
1.2. Du lịch tôn giáo	24
1.2.1. Khái quát về du lịch.....	24
1.2.1.1. Khái niệm	24
1.2.1.2. Các loại hình du lịch.....	27
1.2.2. Khái quát về du lịch tôn giáo	28

1.2.2.1. Khái niệm	28
1.2.2.2. Đặc điểm du lịch tôn giáo.....	31
1.2.2.3. Các cấp độ phát triển và hình thức du lịch tôn giáo	32
1.2.2.5. Điều kiện phát triển du lịch tôn giáo.	35
1.3. Kinh nghiệm khai thác loại hình du lịch tôn giáo của một số quốc gia. ...	38
1.3.1. Kinh nghiệm của Ấn Độ.....	38
1.3.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc.	40
1.3.3. Kinh nghiệm của Thái Lan.....	43
Tiểu kết chương 1	44
Chương 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH TÔN GIÁO	
TẠI NINH BÌNH	45
2.1. Tiềm năng phát triển du lịch tôn giáo tại Ninh Bình	45
2.1.1. Vị trí địa lý và tài nguyên du lịch tự nhiên.....	45
2.1.1.1. Vị trí địa lý	45
2.1.1.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên	46
2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn.	47
2.1.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội	47
2.1.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.....	49
2.1.3. Khái quát về những điểm đến du lịch tôn giáo chính tại Ninh Bình ...	53
2.1.3.1. Quần thể khu du lịch Nhà thờ đá Phát Diệm.....	53
2.1.3.2. Chùa Bái Đính	54
2.2. Thực trạng khai thác hoạt động du lịch tôn giáo tại Ninh Bình	56
2.2.1. Sản phẩm du lịch tôn giáo tại Ninh Bình	56
2.2.2. Khách du lịch tôn giáo	60
2.2.2.1. Số lượng khách du lịch tôn giáo	60
2.2.2.2. Thị trường khách du lịch tôn giáo	62
2.2.3. Doanh thu và cơ cấu doanh thu du lịch tôn giáo	68
2.2.3.1. Doanh thu.....	68
2.2.3.2. Cơ cấu doanh thu.....	69

2.2.4. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật.....	71
2.2.4.1. Số lượng và phân loại cơ sở kinh doanh lưu trú.....	71
2.2.4.2. Số lượng và chất lượng phục vụ cơ sở kinh doanh ăn uống.....	73
2.2.4.3. Mạng lưới giao thông và phương tiện giao thông vận tải.....	74
2.2.4.4. Kinh doanh các dịch vụ bổ sung khác.....	77
2.2.5. Nguồn nhân lực.....	79
2.2.5.1. Số lượng nguồn nhân lực.....	79
2.2.5.2. Chất lượng nguồn nhân lực.....	81
2.2.6. Công tác tổ chức, quản lý.....	81
2.3. Đánh giá về hoạt động khai thác loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình ..	84
2.3.1. Những kết quả tích cực	84
2.3.2. Những tồn tại, hạn chế	86
2.3.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế.....	91
Tiểu kết chương 2	92
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ LOẠI HÌNH DU LỊCH TÔN GIÁO TẠI NINH BÌNH	94
3.1. Quan điểm và định hướng của Đảng, Nhà nước về tôn giáo	94
3.1.1. Quan điểm và định hướng của Đảng, Nhà nước	94
3.1.2. Định hướng phát triển du lịch tôn giáo của tỉnh Ninh Bình	96
3.2. Một số giải pháp tăng cường quản lý du lịch tôn giáo tại Ninh Bình	98
3.2.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho khách du lịch tôn giáo	98
3.2.2. Xây dựng và tạo hành lang pháp lý cho phát triển loại hình du lịch tôn giáo	99
3.2.3. Phát triển loại hình du lịch tôn giáo một cách bền vững nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống dân tộc	99
3.2.4. Nghiên cứu, xây dựng mô hình và giải pháp tổ chức quản lý, khai thác loại hình du lịch tôn giáo có hiệu quả.....	101
3.2.5. Phát triển bộ máy, đội ngũ quản lý về văn hóa, lễ hội, du lịch tôn giáo	102

3.2.6. <i>Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực</i>	102
3.2.7. <i>Quy hoạch hạ tầng, quản lý hoạt động dịch vụ và cơ sở vật chất kỹ thuật tại địa điểm du lịch tôn giáo</i>	107
3.2.8. <i>Phối hợp 5 bên để xây dựng các sản phẩm du lịch tôn giáo phù hợp</i>	108
3.3. Kiến nghị	109
3.3.1. <i>Kiến nghị đối với Đảng, Nhà nước, Chính phủ</i>	109
3.3.2. <i>Kiến nghị đối với sở, ban ngành VH TTDL</i>	109
3.3.3. <i>Kiến nghị đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình</i>	109
3.3.4. <i>Kiến nghị đối với chính quyền địa phương</i>	109
3.3.5. <i>Kiến nghị đối với các doanh nghiệp du lịch</i>	111
3.3.6. <i>Kiến nghị đối với người dân địa phương</i>	112
Tiểu kết chương 3	113
KẾT LUẬN	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO	115
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TOUR:	Chương trình du lịch
UBND:	Ủy ban nhân dân
UNESCO:	Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên Hợp Quốc
UNWTO:	Tổ chức du lịch thế giới của Liên Hợp Quốc

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Một số chương trình du lịch tôn giáo và du lịch tôn giáo kết hợp đang được khai thác tại Ninh Bình	58
Bảng 2.2: Số lượng khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn từ năm 2005-2013	60
Bảng 2.3: Hình thức tìm kiếm thông tin về du lịch Ninh Bình của khách nội địa....	63
Bảng 2.4: Hình thức tìm kiếm thông tin du lịch Ninh Bình của khách quốc tế.....	63
Bảng 2.5: Thời gian lưu trú của khách du lịch đến Ninh Bình	64
Bảng 2.6: Mục đích của khách du lịch nội địa đến Ninh Bình	66
Bảng 2.7: Mục đích chuyến đi của khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình.....	67
Bảng 2.8: Doanh thu và nộp ngân sách của ngành du lịch Ninh Bình	68
giai đoạn từ năm 2005 -2013	68
Bảng 2.9: Số liệu chi tiêu của khách du lịch đến Ninh Bình từ năm 2005 - 2011....	69
Bảng 2.10: Cơ cấu chi tiêu bình quân một ngày khách du lịch	70
đến Ninh Bình năm 2009	70
Bảng 2.11: Số lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	71
từ năm 2009 đến năm 2013.....	71
Bảng 2.12: Một số cơ sở lưu trú tiêu biểu tại Ninh Bình	73
Bảng 2.13: Một số nhà hàng phục vụ du lịch tại Ninh Bình.....	74
Bảng 2.14: Một số cơ sở vui chơi giải trí tại Ninh Bình.....	79
Bảng 2.15: Nguồn nhân lực du lịch Ninh Bình giai đoạn từ năm 2005 – 2011	80
Bảng 2.16: Trình độ đội ngũ lao động du lịch Ninh Bình	81

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Số lượng khách du lịch Ninh Bình giai đoạn từ năm 2005 -2012.....	60
Biểu đồ 2.2: Thời gian lưu trú của khách quốc tế đến Ninh Bình	65
Biểu đồ 2.3: Cơ cấu mục đích khách du lịch nội địa đến Ninh Bình.....	66
Biểu đồ 2.4: Đánh giá của khách nội địa về trình độ lao động du lịch Ninh Bình ...	89
Biểu đồ 2.5: Đánh giá về chất lượng nhân lực du lịch Ninh Bình của du khách quốc tế	90

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong một số loại hình du lịch, du lịch tôn giáo là một loại hình tương đối mới, đã và đang phát triển ở các nước trên thế giới đặc biệt là ở Châu Á như Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan. Tại Việt Nam, loại hình du lịch này cũng đang có được sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng trở thành sản phẩm du lịch quan trọng có sức hấp dẫn lớn. Bên cạnh đó, hiện nay sự chuyển hoá các khuynh hướng nhu cầu du lịch rất đa dạng, đặc biệt là xu hướng chuyển hoá từ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng sang du lịch văn hóa tâm linh. Nắm bắt để cung ứng và tiếp cận phù hợp là một yêu cầu rất quan trọng đối với chính quyền địa phương và các nhà đầu tư, kinh doanh du lịch tại điểm.

Du lịch tôn giáo là sự kết hợp giữa việc đi du lịch với nhu cầu tôn giáo. Trong loại hình du lịch này, du khách vừa đi tham quan, tìm hiểu về tự nhiên và văn hóa địa phương. Đồng thời, cũng là tìm về với cội nguồn tôn giáo, đến với chùa chiền, nhà thờ, thánh địa, những điểm linh thiêng để cảm thấy thanh thản và cầu khấn những điều tốt đẹp. Loại hình du lịch này xuất hiện muộn hơn so với các loại hình du lịch khác ở nước ta. Tuy nhiên, những năm gần đây do sự phát triển của kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao, khi các nhu cầu vật chất được đáp ứng, con người có xu hướng tìm về với các giá trị văn hóa và tâm linh. Đây là động lực thúc đẩy du lịch tôn giáo phát triển và khẳng định vị trí của mình trong tổng thể nền du lịch Việt Nam.

Ninh Bình là một tỉnh có tiềm năng du lịch phong phú, bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Nơi đây hội tụ rất nhiều di tích lịch sử, di tích tôn giáo, tín ngưỡng có giá trị cao như Cố Đô Hoa Lư, nhà thờ đá Phát Diệm, Chùa Bái Đính... Ngoài ra, Ninh Bình có rất nhiều lễ hội truyền thống diễn ra quanh năm. Đó là điều kiện thuận lợi để tỉnh có các chính sách phát triển du lịch, đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đồng thời đây cũng là nguồn tài nguyên quan trọng cho sự phát triển của du lịch tôn giáo. Dù vậy, do nhiều nguyên nhân khác nhau, ngành du lịch của Ninh Bình thời gian qua phát triển chưa

thực sự tương xứng với tiềm năng, du lịch của tỉnh chủ yếu mới khai thác ở một số loại hình như: du lịch tham quan thắng cảnh tự nhiên, du lịch tham quan di tích lịch sử - văn hóa, du lịch lễ hội. Du lịch tôn giáo mặc dù đã xuất hiện từ lâu nhưng còn mang tính tự phát, tồn tại nhiều biểu hiện tiêu cực, đi ngược lại các giá trị văn hóa truyền thống và chưa được khai thác có hiệu quả, cho dù lượng khách du lịch đến các điểm thánh tích khá lớn, nhất là vào các dịp lễ hội.

Chiến lược phát triển du lịch Ninh Bình giai đoạn 2010 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030 luôn xác định du lịch văn hóa nói chung, trong đó có du lịch tôn giáo, là định hướng ưu tiên phát triển. Trong thực tế, nhiều giá trị văn hóa truyền thống bước đầu đã được quản lý và khai thác có hiệu quả, tạo thành nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn, góp phần quan trọng vào phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Tuy nhiên, một vấn đề không thể phủ nhận là du lịch tôn giáo vẫn chưa phát triển như mong muốn với tư cách là một loại hình du lịch văn hóa quan trọng. Việc quản lý và khai thác loại hình du lịch này cho đến nay vẫn còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được quan tâm nghiên cứu và tổng kết, đánh giá một cách đúng mức.

Với những lý do trên tác giả lựa chọn đề tài “ ***Nghiên cứu loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình***” để có cái nhìn toàn diện hơn về tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch tôn giáo tại Ninh Bình, từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm quản lý, khai thác hiệu quả loại hình du lịch này trong thời gian tới, tuân thủ các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo ở Việt Nam.

Do phạm vi tư liệu rất rộng, địa bàn khảo sát rất lớn, vấn đề khảo sát rất nhiều nên tác giả giới hạn phạm vi khảo sát nghiên cứu vấn đề du lịch tôn giáo tại một số điểm du lịch tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình- nơi diễn ra nhiều hoạt động sinh hoạt tôn giáo tâm linh và có đông đảo người dân tham gia.

2. Lịch sử nghiên cứu của đề tài

Cho đến nay, đã có một số lượng tương đối lớn các công trình nghiên cứu liên quan đến đối tượng nghiên cứu của đề tài. Đây cũng chính là nguồn tài liệu phong phú và

bổ ích để tác giả kế thừa và phục vụ cho việc nghiên cứu luận văn. Có thể kể đến các công trình tiêu biểu là: Trong “ Religion Tourism in Asia and Pacific” do Tổ Chức Du Lịch Thế Giới(UNWTO) phát hành năm 2011 có đề cập tới tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch tôn giáo ở một số nước ở Châu Á như Malaysia, Indonesia, Thái Lan.. Ngoài ra, trong cuốn sách này cũng viết rằng: Khu vực Châu Á -Thái Bình Dương được xem là cốt lõi tôn giáo trên thế giới với số lượng lớn nhất của những người hành hương và khách du lịch cho các sự kiện tôn giáo, cho cả du lịch quốc tế và nội địa. Người ta ước tính rằng có khoảng sáu trăm triệu chuyến du lịch tôn giáo trên thế giới, trong đó 40% xảy ra ở châu Âu và hơn một nửa ở châu Á. Du lịch tôn giáo là nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng và hấp dẫn đối với sự phát triển du lịch ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Tác giả Sarah Bill Schott cũng đưa ra những quan điểm rất sắc bén và bổ ích về việc thành lập những trang web chuyên về du lịch tôn giáo dành riêng cho khách du lịch trong cuốn “ *Religious Tourism in America: Identity Formation of Sites and Visitors*”. Tác giả kết luận: Các trang web du lịch tôn giáo có chức năng như các sản phẩm văn hóa và chúng tạo ra bản sắc tôn giáo và văn hóa dựa trên nhận thức của những người sáng tạo của trang web về vai trò của tôn giáo trong thế giới. 2 tác giả R. Raj và N.D.Morpeth trong cuốn “*Religious Tourism and Pilgrimage Festivals Management: An International Perspective*” có nghiên cứu về du lịch tôn giáo và lễ hội hành hương. Các tác giả nhận định tôn giáo và tâm linh là động lực chung cho du lịch, với nhiều điểm du lịch lớn đã phát triển chủ yếu là kết quả của kết nối các điểm du lịch với thần thánh, địa điểm và các sự kiện. Cuốn sách này cung cấp một cái nhìn sâu sắc vào việc quản lý du lịch tôn giáo, bao gồm cả các trang web thiêng liêng cổ và các điểm đến mới nổi. Nó hoàn toàn khám phá những tiềm năng về không gian thiêng liêng để trở thành khu vực du lịch và lễ hội lớn, trong khi vẫn duy trì tính toàn vẹn tôn giáo và tinh thần tôn giáo. Tuy nhiên, trong các công trình nghiên cứu này, du lịch tôn giáo ở Việt Nam nói chung, ở Ninh Bình nói riêng hoàn toàn chưa được đề cập tới.

Tại Việt Nam những cơ sở lý luận về du lịch tôn giáo hầu như chưa được nói đến nhiều trong các công trình nghiên cứu mà chủ yếu là những quan điểm chung chung

về vấn đề này. Cũng có rất nhiều cách hiểu khác nhau về loại hình du lịch tôn giáo, tuy nhiên thì chưa đi đến một định nghĩa thống nhất, rõ ràng. Hoạt động du lịch tâm linh được hiểu gần như là hoạt động du lịch tôn giáo tại Việt Nam. Hoạt động này ở nước ta nói chung và ở Ninh Bình nói riêng đã được nhiều nhà khoa học quan tâm và đề cập trong các cuốn sách tiêu biểu sau: “*Chùa Việt Nam*” - Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long, “*Văn hóa tâm linh*” – Nguyễn Đăng Duy – NXB Hà Nội, “*Nhà thờ lớn Phát Diệm*”- Tòa Giám Mục Phát Diệm - NXB Tôn giáo, “*Bái Đính – ngàn năm tâm linh và huyền thoại*” – Trương Đình Tường, “*Nghiên cứu loại hình du lịch tâm linh ở Việt Nam*” – Nguyễn Trùng Khánh (đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ năm 2014 – Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch), “*Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch văn hóa ở Ninh Bình đến năm 2020*” – Nguyễn Mạnh Quỳnh (đề tài nghiên cứu khoa học tỉnh Ninh Bình năm 2012 – Trường Đại học Hoa Lư), “*Phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Ninh Bình*” – Lâm Thị Hồng Loan (đề tài luận văn thạc sĩ ngành kinh tế trình trị 2012) – Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị.

Các nghiên cứu này chủ yếu đề cập tới các khía cạnh như vị trí địa lý, lịch sử văn hóa, kiến trúc của các di tích tiêu biểu trong địa bàn tỉnh Ninh Bình hay thực trạng khai thác và phát triển du lịch, du lịch văn hóa nói chung tại đây. Bên cạnh đó, các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần, đặc điểm kinh tế xã hội, phong tục tập quán của người Ninh Bình cũng là những nội dung mà các công trình trên nói đến.

Như vậy, tất cả các công trình nghiên cứu trên đã đưa ra nội dung rất phong phú về văn hóa, du lịch văn hóa, tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Ninh Bình nói chung. Tuy nhiên, vấn đề du lịch tôn giáo, thực trạng hoạt động khai thác du lịch tôn giáo tại Ninh Bình hay ở một số điểm du lịch tôn giáo như Nhà thờ đá Phát Diệm, chùa Bái Đính thì chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập. Vì thế, việc tìm hiểu về vấn đề thực trạng hoạt động du lịch tôn giáo tại Ninh Bình có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá tiềm năng phát triển du lịch tôn giáo của tỉnh Ninh Bình. Khai thác tối ưu du lịch tôn giáo cũng sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển du lịch nói chung của tỉnh Ninh Bình.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- **Mục đích nghiên cứu:** Nghiên cứu nhằm đề xuất các giải pháp góp phần quản lý và khai thác có hiệu quả các giá trị văn hóa tôn giáo, phục vụ phát triển du lịch tôn giáo nói riêng, du lịch văn hóa nói chung phù hợp với các định hướng và chiến lược phát triển của tỉnh Ninh Bình, của ngành du lịch Việt Nam và tuân thủ các chủ trương, đường lối, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

- **Nhiệm vụ nghiên cứu:**

+ Nhận diện cụ thể loại hình du lịch tôn giáo (khái niệm, đặc điểm, cấp độ phát triển, điều kiện phát triển, yếu tố ảnh hưởng, vai trò...)

+ Làm rõ thực trạng tổ chức khai thác hoạt động du lịch tôn giáo tại Ninh Bình (công tác quản lý, đối tượng khách, doanh thu...)

+ Đề xuất các giải pháp quản lý và khai thác loại hình du lịch tôn giáo phù hợp với các định hướng và chiến lược phát triển tỉnh Ninh Bình, của ngành du lịch Việt Nam và tuân thủ các chủ trương, đường lối, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:**

Tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch tôn giáo tại Ninh Bình

- **Phạm vi nghiên cứu:**

+ *Phạm vi thời gian:* giai đoạn 2005 – 2013

+ *Phạm vi không gian:*

• **Ngoài nước:** Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý và tổ chức khai thác loại hình du lịch tôn giáo tại một số quốc gia Châu Á tiêu biểu.

• **Trong nước:** Nghiên cứu thực trạng quản lý và tổ chức khai thác các giá trị văn hóa tôn giáo tín ngưỡng phục vụ các hoạt động du lịch tôn giáo trên phạm vi tỉnh Ninh Bình, tập trung nghiên cứu đến những địa điểm có nhiều giá trị văn hóa tôn giáo Phật giáo, Thiên chúa giáo tiêu biểu như Chùa Bái Đính, Nhà thờ đá Phát Diệm.

5. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp liên ngành:** Du lịch tôn giáo là một loại hình du lịch có những đặc trưng riêng cho nên phương pháp liên ngành sẽ mang lại cho luận văn cái nhìn toàn diện, bao quát, hệ thống và logic về loại hình này cũng như tiềm năng và thực trạng quản lý, khai thác du lịch tôn giáo tại Ninh Bình khi nó luôn được nghiên cứu và nhìn nhận trong mối liên hệ với các lĩnh vực khác như lịch sử, tâm lý, giao tiếp ứng xử, phong tục tập quán... Việc vận dụng những tri thức của các ngành khác giúp cho kết quả nghiên cứu trở nên khách quan, đúng đắn, phong phú và hấp dẫn hơn. Phương pháp liên ngành là phương pháp cơ bản trong khoa học xã hội nói chung và sẽ được vận dụng hữu hiệu trong luận văn này.

- **Phương pháp thực địa, thu thập, xử lý thông tin:** Trong chương 2 tác giả sẽ áp dụng phương pháp thực địa. Thực hiện đi thực tế, điều tra trực tiếp bằng quan sát, bảng hỏi (200 phiếu), chụp ảnh, phỏng vấn... tại không gian các điểm du lịch trong phạm vi nghiên cứu. Qua đó tìm hiểu tiềm năng cũng như thực trạng khai thác du lịch tôn giáo ở những di tích tôn giáo tín ngưỡng này. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin áp dụng chủ yếu ở chương 1 và chương 2. Trong quá trình nghiên cứu, luận văn dựa trên những nguồn tài liệu tìm hiểu được về du lịch, du lịch tôn giáo, du lịch tôn giáo tại Ninh Bình qua sách, báo, internet, nguồn tư liệu của Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch... để đưa ra những quan điểm phù hợp nhất với vấn đề cần nghiên cứu và qua đó đánh giá tiềm năng, thực trạng khai thác hoạt động du lịch tôn giáo tại Ninh Bình.

- **Phương pháp thống kê:** Tổng hợp các số liệu, tư liệu đã thu thập được để tiến hành phân tích, so sánh nhằm làm rõ những vấn đề cần tìm hiểu. Ví dụ các số liệu thu thập được qua điều tra bảng hỏi, phỏng vấn.... Qua đó rút ra được những nhận xét và kết luận đúng đắn.

- **Phương pháp so sánh:** Tiến hành so sánh quan điểm về du lịch, du lịch tôn giáo, so sánh hoạt động du lịch tôn giáo của các quốc gia ở Châu Á. So sánh sự phát triển của du lịch tôn giáo với các loại hình du lịch khác ở Ninh Bình.

6. Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài

- **Ý nghĩa khoa học:** Đề tài nghiên cứu là cơ sở khoa học giúp cho cơ quan quản lý nhà nước về du lịch các cấp, địa phương, các doanh nghiệp du lịch đề xuất các giải pháp quản lý và khai thác loại hình du lịch này phù hợp với điều kiện và tiềm năng.

- **Ý nghĩa thực tiễn:** Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần phát triển bền vững cho loại hình du lịch tôn giáo, góp phần ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực trong phát triển du lịch tâm linh như: mê tín dị đoan, thương mại hóa... Đồng thời, đây cũng là tài liệu tham khảo bổ ích đối với các hoạt động nghiên cứu và triển khai công tác giáo dục của các cơ sở đào tạo.

7. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục minh hoạt, kết cấu của đề tài nghiên cứu bao gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về du lịch tôn giáo

Chương 2: Thực trạng khai thác loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình

Chương 3: Một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình.

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ DU LỊCH TÔN GIÁO

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng

1.1.1.1. Khái niệm tín ngưỡng

Tín ngưỡng là hệ thống các niềm tin mà con người tin vào để giải thích thế giới và để mang lại sự bình an cho cá nhân và cộng đồng. Tín ngưỡng đôi khi được hiểu là tôn giáo. Điểm khác biệt giữa tín ngưỡng và tôn giáo ở chỗ, tín ngưỡng mang tính dân tộc, dân gian nhiều hơn tôn giáo, tín ngưỡng có tổ chức không chặt chẽ như tôn giáo. Khi nói đến tín ngưỡng người ta thường nói đến tín ngưỡng của một dân tộc hay một số dân tộc có một số đặc điểm chung còn tôn giáo thì thường là không mang tính dân gian. Tín ngưỡng không có một hệ thống điều hành và tổ chức như tôn giáo, nếu có thì hệ thống đó cũng lẻ tẻ và rời rạc. Tín ngưỡng nếu phát triển đến một mức độ nào đó thì có thể thành tôn giáo. Cơ sở của mọi tôn giáo, tín ngưỡng là niềm tin, sự ngưỡng vọng của con người vào những cái "siêu nhiên" (hay nói gọn lại là "cái thiêng") - cái đối lập với cái "trần tục", cái hiện hữu mà con người có thể sờ mó, quan sát được. Niềm tin vào "cái thiêng" thuộc về bản chất con người, nó ra đời và tồn tại, phát triển cùng với con người và loài người, nó là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người, cũng giống như đời sống vật chất, đời sống xã hội tinh thần, tư tưởng, đời sống tình cảm...

Tùy theo hoàn cảnh, trình độ phát triển kinh tế, xã hội của mỗi dân tộc, địa phương, quốc gia mà niềm tin vào "cái thiêng" thể hiện ra các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng cụ thể khác nhau. Chẳng hạn như niềm tin vào Đức Chúa Trời, của Kitô giáo, niềm tin vào Đức Phật của Phật giáo, niềm tin vào Thánh, Thần của tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng Thành Hoàng, Đạo Mẫu... Các hình thức tôn giáo tín ngưỡng này dù rộng hẹp khác nhau, dù phổ quát toàn thế giới hay là đặc thù cho mỗi dân tộc... thì cũng đều là một thực thể biểu hiện niềm tin vào cái thiêng chung của con người.

Hiện tại, có nhiều ý kiến khác nhau khi sử dụng khái niệm tôn giáo và tín ngưỡng. Theo quan điểm truyền thống, người ta có ý thức phân biệt tôn giáo và tín ngưỡng, thường coi tín ngưỡng ở trình độ phát triển thấp hơn so với tôn giáo. Loại quan điểm thứ hai là đồng nhất giữa tôn giáo và tín ngưỡng và đều gọi chung là tôn giáo, tuy có phân biệt tôn giáo dân tộc, tôn giáo nguyên thủy, tôn giáo địa phương, tôn giáo thế giới (phổ quát).

Ở nước ta hiện nay, thuật ngữ tín ngưỡng có thể hiểu theo hai nghĩa. Khi nói tự do tín ngưỡng, chúng ta có thể hiểu đó là tự do về ý thức hay tự do về tín ngưỡng tôn giáo. Nếu hiểu tín ngưỡng là ý thức thì tín ngưỡng bao trùm trên tôn giáo, là một bộ phận chủ yếu nhất cấu thành tôn giáo. Không có tín ngưỡng sẽ không có tôn giáo. Trong chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo ở nước ta, cụm từ “tín ngưỡng tôn giáo không phân biệt hai phạm trù tín ngưỡng và tôn giáo.

Tuy nhiên, Từ điển tiếng Việt định nghĩa tín ngưỡng là: “lòng tin và sự tôn thờ một tôn giáo” [Nguyễn Như Ý (chủ biên) 2004], tức là tín ngưỡng chỉ tồn tại trong một tôn giáo.

Theo giải thích của Đào Duy Anh, tín ngưỡng là: “lòng ngưỡng mộ, mê tín đối với một tôn giáo hoặc một chủ nghĩa” [1, tr.283].

Ngô Đức Thịnh đưa ra quan điểm rõ ràng hơn: “Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin của con người vào cái gì đó thiêng liêng, cao cả, siêu nhiên, hay nói gọn lại là niềm tin, ngưỡng vọng vào “cái thiêng”, đối lập với cái “trần tục”, hiện hữu mà ta có thể sờ mó, quan sát được. Có nhiều loại niềm tin, nhưng ở đây là niềm tin của tín ngưỡng là niềm tin vào “cái thiêng”. Do vậy, niềm tin vào cái thiêng thuộc về bản chất của con người, nó là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người, cũng như giống đời sống vật chất, đời sống xã hội tinh thần, tư tưởng, đời sống tình cảm...” [13, tr.16].

Trần Ngọc Thêm cho rằng, tín ngưỡng được đặt trong văn hóa tổ chức đời sống cá nhân: “Tổ chức đời sống cá nhân là bộ phận thứ hai trong văn hóa tổ chức cộng đồng. Đời sống mỗi cá nhân trong cộng đồng được tổ chức theo những tập tục được lan truyền từ đời này sang đời khác (phong tục). Khi đời sống và trình độ hiểu

biết còn thấp, họ tin tưởng và ngưỡng mộ vào những thần thánh do họ tưởng tượng ra (tín ngưỡng). Tín ngưỡng cũng là một hình thức tổ chức đời sống cá nhân rất quan trọng. Từ tự phát lên tự giác theo con đường quy phạm hóa thành giáo lý, có giáo chủ, thánh đường... tín ngưỡng trở thành tôn giáo. Ở xã hội Việt Nam cổ truyền, các tín ngưỡng dân gian chưa chuyển được thành tôn giáo theo đúng nghĩa của nó - mới có những mầm mống của những tôn giáo như thế - đó là Ông Bà, đạo Mẫu. Phải đợi khi các tôn giáo thế giới như Phật, Đạo, Kitô giáo... được du nhập và đến thời điểm giao lưu với phương Tây, các tôn giáo dân tộc như: Cao Đài, Hòa Hảo mới xuất hiện” [12, tr.262].

Các hình thức tín ngưỡng mang đặc thù theo từng không gian văn hóa, chủ thể văn hóa cũng như thời gian văn hóa khác nhau nhưng vẫn là biểu hiện niềm tin vào cái thiêng, sự ngưỡng mộ và sùng bái của con người. Do vậy, tín ngưỡng là một hiện tượng văn hóa mang tính lịch sử, một phạm trù lịch sử.

Hiện nay, có cách hiểu về tín ngưỡng họ cho rằng: tín ngưỡng có trình độ phát triển thấp hơn so với tôn giáo về mặt tổ chức, thiết chế, giáo chủ... Bên cạnh đó có những cách suy nghĩ cho rằng tôn giáo và tín ngưỡng đồng nhất và gọi chung là tôn giáo, đồng thời có sự phân biệt giữa tôn giáo dân tộc, tôn giáo quốc tế, tôn giáo vùng miền. Chúng tôi không đi sâu vào sự khác biệt giữa tín ngưỡng và tôn giáo, mà chủ yếu kế thừa các quan điểm nghiên cứu về tín ngưỡng của các nhà khoa học đi trước để tìm kiếm các giá trị văn hóa của tín ngưỡng mà thôi: “Dù hiểu trên góc độ nào, tín ngưỡng - tôn giáo vẫn là một hình thái ý thức xã hội, cũng là một nhu cầu của xã hội. Và một khi những nhu cầu ấy chưa được những hình thái khác của ý thức xã hội hoàn toàn thỏa mãn thì đối với một số tầng lớp xã hội, tín ngưỡng - tôn giáo vẫn là nguồn gốc của giá trị đạo đức, niềm an ủi, sự nâng đỡ về tâm lý” [14, tr. 12]. Hoặc nói theo Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên hợp quốc (UNESCO): “Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia cần có tự hào về quá khứ của mình để bảo vệ và phát triển văn hóa của mình vào kho tàng văn hóa nhân loại. Sự đa dạng trong tín ngưỡng, tức niềm tin tín ngưỡng, biểu hiện rất khác nhau, xuyên qua không gian và thời gian, phụ thuộc hoàn cảnh địa lý - lịch sử của từng quốc gia, từng dân tộc”

[19, tr.71]. Theo quan điểm của người viết, thì tín ngưỡng được hiểu như sau: *Tín ngưỡng là hệ thống những niềm tin và cách thức biểu lộ đức tin của con người đối với những hiện tượng tự nhiên hay xã hội, nhân vật lịch sử hay huyền thoại có liên quan đến cuộc sống của họ nhằm cầu mong sự che chở, giúp đỡ từ những đối tượng siêu hình mà người ta thờ phụng.*

1.1.1.2. Văn hóa tín ngưỡng

Dưới góc nhìn văn hóa, tín ngưỡng chứa đựng những giá trị thiêng liêng và nhạy cảm đối với đời sống văn hoá tinh thần của con người. Hiện nay, ngoài khái niệm tín ngưỡng nói chung và tín ngưỡng thờ mẫu nói riêng, văn hóa tín ngưỡng được nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Ngô Đức Thịnh đề cập nhiều trong các công trình như: *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam* (Ngô Đức Thịnh 2001 (chủ biên)), bài viết: *Các dạng thức văn hoá ở Việt Nam* (2006), công trình: *Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền* (2007)... Trong các công trình kể trên, ông cũng chưa đưa ra một khái niệm cụ thể nào mà mới chỉ dừng lại ở những vấn đề chung chung về văn hoá tín ngưỡng mà thôi. Trong bài viết về “*Các dạng thức văn hoá ở Việt Nam*” ông cho rằng: “Tương ứng với các cộng đồng tôn giáo tín ngưỡng như Phật giáo, Kitô giáo, Hồi giáo, Nho giáo, đạo Mẫu... đều có các dạng thức văn hoá tương ứng: văn hoá Phật giáo, văn hoá Kitô giáo, văn hoá Nho giáo, văn hoá Hồi giáo, văn hoá đạo Mẫu... Bản thân các tôn giáo tín ngưỡng đã là một hình thức văn hoá đặc thù. Đây là chưa kể, trong quá trình hình thành và phát triển, mỗi tôn giáo tín ngưỡng bao giờ cũng sản sinh, tích hợp trong nó những hiện tượng, những sinh hoạt văn hoá nghệ thuật” [13, tr.28].

Văn hoá tín ngưỡng chính là sự gắn kết từ một hình thức tín ngưỡng nào đó, rồi tích hợp các giá trị văn hoá khác như: di tích, lễ hội, truyền thuyết, diễn xướng nghệ thuật... có liên quan. Tín ngưỡng mang tính nguyên hợp chính là sự tích hợp nhiều giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể cùng tồn tại như một tổng thể văn hoá. Tính nguyên hợp là một đặc trưng cơ bản của văn hóa dân gian, dùng để nói một hiện tượng văn hóa không chỉ tồn tại riêng biệt, đơn lẻ mà còn tồn tại và tích hợp các hiện tượng văn hóa khác vào xung quanh như một tổng thể.

Dựa vào cách tiếp cận của những nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi đưa ra quan niệm của mình về văn hóa tín ngưỡng như sau: *Văn hóa tín ngưỡng là hệ thống giá trị về những phương cách ứng xử của con người đối với thế giới siêu nhiên hay xã hội có liên quan đến đời sống của mình. Những phương cách ứng xử đó phản ánh các điều kiện vật chất và tinh thần tương ứng với môi trường tự nhiên và xã hội của một cộng đồng cư dân.*

Như vậy, văn hóa tín ngưỡng sẽ được tiếp cận từ những giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể thông qua các cơ sở thờ tự, nghi thức thờ cúng, các giai thoại dân gian, địa danh và lễ hội có liên quan đến các hình thái tín ngưỡng của người Việt: tín ngưỡng sùng bái tự nhiên; tín ngưỡng sùng bái con người; tín ngưỡng phồn thực; tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt...

1.1.1.3. Lịch sử hình thành, phát triển tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng

Tín ngưỡng là một hiện tượng xã hội, là một thành tố văn hóa. Nó chứa đựng nội dung phong phú về lịch sử, tư tưởng, triết học, đạo đức, văn hóa, chính trị... Tín ngưỡng là một bộ phận đời sống tinh thần của con người, là chất kết dính tập hợp con người trong một cộng đồng nhất định và phân rẽ với các cộng đồng khác. Tín ngưỡng được hình thành tự phát nhưng có vai trò rất quan trọng trong đời sống con người. Quá trình tồn tại và phát triển của tín ngưỡng ảnh hưởng khá sâu sắc đến đời sống chính trị, văn hóa, xã hội, tâm lý, đạo đức, lối sống, phong tục, tập quán của nhiều quốc gia, dân tộc.

Tín ngưỡng của người Việt thể hiện ở các mặt: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người. Ra đời trên nền tảng xã hội nông nghiệp cổ truyền, tổ chức nông dân mạnh về tư duy tổng hợp, thiếu tư duy phân tích nên tín ngưỡng của người Việt là tín ngưỡng dân dã đang ở giai đoạn hình thành những mầm mống của tôn giáo sơ khai.

1.1.2. Tôn giáo

1.1.2.1. Khái niệm tôn giáo

“Tôn giáo” là một thuật ngữ không thuần Việt, được du nhập từ nước ngoài vào từ cuối thế kỷ XIX. Xét về nội dung, thuật ngữ “Tôn giáo” khó có thể hàm chứa được tất cả nội dung đầy đủ của nó từ cổ đến kim, từ Đông sang Tây.

“Tôn giáo” bắt nguồn từ thuật ngữ “religion” (Tiếng Anh) và “religion” lại xuất phát từ thuật ngữ “legere” (Tiếng Latinh) có nghĩa là thu lượm thêm sức mạnh siêu nhiên. Vào đầu công nguyên, sau khi đạo Kitô xuất hiện, đế chế Roma yêu cầu phải có một tôn giáo chung và muốn xóa bỏ các tôn giáo trước đó cho nên lúc này khái niệm “religion” chỉ mới là riêng của đạo Kitô. Bởi lẽ, đương thời những đạo khác Kitô đều bị coi là tà đạo. Đến thế kỷ XVI, với sự ra đời của đạo Tin Lành - tách ra từ Công giáo – trên diễn đàn khoa học và thần học châu Âu, “religion” mới trở thành một thuật ngữ chỉ hai tôn giáo thờ cùng một chúa. Với sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản ra khỏi phạm vi châu Âu, với sự tiếp xúc với các tôn giáo thuộc các nền văn minh khác Kitô giáo, biểu hiện rất đa dạng, thuật ngữ “religion” được dùng nhằm chỉ các hình thức tôn giáo khác nhau trên thế giới.

Thuật ngữ “religion” được dịch thành “Tông giáo” đầu tiên xuất hiện ở Nhật Bản vào đầu thế kỷ XVIII và sau đó du nhập vào Trung Hoa. Tuy nhiên, ở Trung Hoa, vào thế kỷ XIII, thuật ngữ Tông giáo lại bao hàm một ý nghĩa khác, nó nhằm chỉ đạo Phật (Giáo: đó là lời thuyết giảng của Đức Phật, Tông: lời của các đệ tử Đức Phật).

Thuật ngữ Tông giáo được du nhập vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, nhưng do kỵ húy của vua Thiệu Trị nên được gọi là “Tôn giáo”.

Như vậy, thuật ngữ tôn giáo ban đầu được sử dụng ở châu Âu nhằm chỉ một tôn giáo sau đó thuật ngữ này lại làm nhiệm vụ chỉ những tôn giáo.

Tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề trên trần thế cũng như ở thế giới bên kia. Niềm tin đó được biểu hiện rất đa dạng, tùy thuộc vào những thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh địa lý - văn hóa khác nhau, phụ thuộc vào nội dung từng tôn giáo, được vận hành bằng những nghi lễ, những hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội tôn giáo khác nhau.

Khái niệm tôn giáo là một vấn đề được giới nghiên cứu về tôn giáo bàn cãi rất nhiều. Trong lịch sử đã từng tồn tại rất nhiều quan niệm khác nhau về tôn giáo:

- Các nhà thần học cho rằng “Tôn giáo là mối liên hệ giữa thần thánh và con người”.

- Khái niệm mang dấu hiệu đặc trưng của tôn giáo: “Tôn giáo là niềm tin vào cái siêu nhiên”.

- Một số nhà tâm lý học lại cho rằng “Tôn giáo là sự sáng tạo của mỗi cá nhân trong nỗi cô đơn của mình, tôn giáo là sự cô đơn, nếu anh chưa từng cô đơn thì anh chưa bao giờ có tôn giáo”.

“Tôn giáo là hình thái ý thức xã hội gồm một hệ thống những quan niệm dựa trên cơ sở tin tưởng và sùng bái những lực lượng tự nhiên, thần thánh, cho rằng những lực lượng này quyết định số phận con người, con người phải phục tùng, tôn thờ”[22, tr.102]

Trên cơ sở có nhiều định nghĩa về tôn giáo như trên, theo quan điểm của đề tài thì tôn giáo được hiểu như sau: “Tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề trên trần thế cũng như ở thế giới bên kia” Niềm tin đó được biểu hiện rất đa dạng, tùy thuộc vào những thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh địa lý – văn hóa khác nhau, phụ thuộc vào nội dung từng tôn giáo, được vận hành bằng những nghi lễ, những hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội tôn giáo khác nhau.

1.1.2.2. Vai trò và các hình thức tôn giáo

*** Vai trò của tôn giáo**

Tôn giáo là một phổ quát văn hóa nên nó đóng vai trò quan trọng trong xã hội loài người. Tôn giáo có các vai trò chủ yếu sau:

• ***Vai trò tích hợp xã hội hay còn gọi là kết hợp xã hội:*** Tôn giáo có các giá trị, tiêu chuẩn của nó, vì thế những người có cùng một tôn giáo gắn bó với nhau hơn nhờ những giá trị và tiêu chuẩn chung ấy. Từ xã hội nguyên thủy, những thành viên của xã hội đã có chung một vật tổ - biểu hiện hữu hình của sự gắn kết. Tuy vậy, tôn giáo không phải là định chế xã hội duy nhất có chức năng tích hợp, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc...cũng là chất keo gắn kết những thành viên của một xã

hội. Mặt khác, cũng có khi sự "rối loạn chức năng" xảy ra, đó là lúc tôn giáo góp phần vào sự căng thẳng, thậm chí xung đột giữa các nhóm hoặc giữa các quốc gia với nhau. Thời Trung Cổ, niềm tin tôn giáo thúc đẩy tín đồ Cơ Đốc châu Âu tổ chức thành những đạo quân Thập tự chống lại tín đồ Hồi giáo phương Đông.

• **Vai trò hỗ trợ xã hội:** Dù ít hay nhiều, con người thường phải đối mặt với khó khăn, hiểm nguy, thất bại, thiên tai, bệnh tật,... cái chết của những người thân thuộc, yêu quý và cái chết của chính bản thân mình. Trong những lúc như thế, cuộc sống rất dễ bị tổn thương và trở nên vô nghĩa, niềm tin tôn giáo giúp cho con người khó bị rơi vào tuyệt vọng hơn. Một số tôn giáo còn cung cấp cho con người những biện pháp như cầu nguyện, cúng bái thần linh trong niềm tin rằng những việc làm như vậy sẽ giúp cải thiện tình hình. Trên góc độ khác, tôn giáo còn cho con người một cứu cánh trong bất hạnh đó là coi bất hạnh ấy là ý của đấng thiêng liêng và có một ý nghĩa nào đấy mà con người không nhận thức được. Trong nghĩa cơ bản, tôn giáo tạo ra phương tiện để giải quyết những vấn đề sau cùng: sống, chết mà không có lẽ phải thông thường nào có thể đưa ra lời giải đáp. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu cứu của nhà xã hội học người Mỹ Peter Berger nêu rằng khi đối mặt với những đe dọa như tai họa hay cái chết, sức mạnh hỗ trợ của niềm tin thần thánh hay sự thiêng liêng giảm đi rất nhiều nếu con người xem thần thánh đơn thuần chủ yếu là công cụ để giải quyết bị kịch.

*** Hình thức tôn giáo**

Trong lịch sử, tôn giáo có một số hình thức sau:

- *Tôn giáo trong xã hội chưa có giai cấp* (Tôn giáo nguyên thủy): Ăng ghen cho rằng tôn giáo xuất hiện từ ngay trong thời kỳ nguyên thủy, từ những quan niệm hết sức đốt nát, tối tăm, nguyên thủy của con người về bản thân mình và thiên nhiên bao quanh họ. Các tôn giáo nguyên thủy, sơ khai thể hiện niềm tin bản năng của con người và lúc ấy chưa gắn với các lợi ích về kinh tế - xã hội. Các hình thức phổ biến của tôn giáo nguyên thủy là các dạng sau:

+ *Tô tem giáo (thờ vật tổ):* Tô tem theo ngôn ngữ của thổ dân Bắc Mỹ nghĩa là giống loài. Đây là hình thức tôn giáo cổ xưa nhất, thể hiện niềm tin vào mối quan hệ

gắn gũi, huyết thống giữa một cộng đồng người (thị tộc, bộ lạc) với một loài động thực vật hoặc một đối tượng nào đó. Tô tem giáo thể hiện hình thức nhận biết đầu tiên về mối liên hệ của con người với các hiện tượng xung quanh.

+ Ma thuật giáo : Ma thuật theo tiếng Hi Lạp cổ là phép phù thủy. Đây là biểu hiện của việc người nguyên thủy tin vào khả năng tác động đến tự nhiên bằng những hành động tượng trưng (cầu khẩn, phù phép, thần chú...) nghĩa là bằng con đường siêu nhiên.

+ Bái vật giáo: Bái vật theo tiếng Bồ Đào Nha là bùa hộ mệnh, phép lạ. Bái vật giáo xuất hiện vào lúc mới hình thành tôn giáo và sự thờ cúng. Bái vật giáo đặt lòng tin vào những thuộc tính siêu nhiên của các vật thể như hòn đá, gốc cây, bùa, tượng...

+ Vật linh giáo: Vật linh giáo là lòng tin ở linh hồn. Lòng tin này là cơ sở quan trọng để hình thành nên quan niệm về cái siêu nhiên của người cổ xưa. Giai đoạn này đã có ảo tưởng cho rằng có hai thế giới: một thế giới tồn tại thực sự và một thế giới siêu nhiên, trong đó thế giới siêu nhiên thống trị thế giới thực tại. Thế giới siêu nhiên này của người nguyên thủy cũng đầy đủ động vật, thực vật, các đối tượng do tinh thần tưởng tượng ra và không khác biệt gì lắm so với thế giới thực tại.

- *Tôn giáo trong xã hội có giai cấp*: khi xã hội phân chia giai cấp, xuất hiện các nhà nước, quốc gia với các vùng lãnh thổ riêng biệt, tôn giáo lúc này không chỉ còn là một nhu cầu tinh thần của quần chúng mà còn là một phương tiện để giai cấp thống trị duy trì sự thống trị áp bức giai cấp và bóc lột của mình và thực hiện sự bành trướng, xâm lược vì vậy tôn giáo gắn liền với chính trị và bị dân tộc hóa. Từ đó đã dẫn đến sự xuất hiện các tôn giáo dân tộc và tôn giáo thế giới.

+ Tôn giáo dân tộc: Đặc trưng của tôn giáo dân tộc là tính chất quốc gia dân tộc của nó. Các vị thần được tạo lập mang tính quốc gia dân tộc và phạm vi quyền lực giới hạn trong phạm vi quốc gia.

+ Tôn giáo thế giới: Sự phát triển của các tôn giáo vượt ra khỏi biên giới của một quốc gia đã hình thành nên các tôn giáo khu vực và thế giới như Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo...

1.1.2.3. Lịch sử hình thành và phát triển tôn giáo

Tôn giáo xuất hiện rất sớm, từ trong lòng chế độ công xã nguyên thủy, với tư cách là sự phản ánh nhận thức của con người trước các lực lượng khủng khiếp và bí ẩn của tự nhiên. Trước tiên, họ nhân cách hóa các lực lượng tự nhiên, sau đó, họ tin rằng có thần thánh ở khắp mọi nơi và chỉ huy lực lượng tự nhiên. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, nguồn gốc của tôn giáo chủ yếu gắn liền với sự bóc lột và cảnh bần cùng của quần chúng. Sự bất lực, tiếng thở dài của con người trước những quá trình phát triển tự phát của xã hội bóc lột không thể không làm cho con người tin tưởng vào những thần linh, vào một đời sống của thế giới bên kia. Với sự ra đời của chủ nghĩa duy vật và thế giới quan Mác xít, tôn giáo dần dần mất đi ảnh hưởng của nó đối với ý thức xã hội. Tôn giáo ra đời và phát triển từ hàng ngàn năm nay và sẽ tồn tại cùng loài người trong một thời gian khó mà đoán định trước được. Song, tôn giáo là do con người sáng tạo ra, việc tôn giáo mất đi không phải là một quá trình tự động, nó đòi hỏi phải kiên trì hoạt động giáo dục quần chúng, tuyên truyền rộng rãi những hiểu biết khoa học tự nhiên, xã hội và thế giới quan Mác xít.

Cho đến nay, ở Việt Nam có nhiều mặt hình thức tôn giáo từ cổ đến kim, từ đông sang tây, nội sinh hay ngoại nhập. Bên cạnh các tín ngưỡng dân tộc : thờ Vua Hùng, thờ thành Hoàng, thờ tổ tiên là các tôn giáo : Phật giáo, Đạo giáo, Kito giáo, Hồi giáo cũng như đạo Hòa Hảo, đạo Cao Đài. Tín ngưỡng- tôn giáo bản địa cũng như các tôn giáo ngoại nhập đều chung sống hòa bình với nhau, tuy có tranh chấp nhưng chưa bao giờ có xung đột, có chiến tranh dưới lá cờ tôn giáo. Xu thế của các tôn giáo là cởi mở, khoan dung đối với nhau và tôn trọng, bổ sung cho nhau. Các tôn giáo ngoại nhập vào Việt Nam đều chịu sự tác động của hệ thống tín ngưỡng bản địa. Cho nên, các tôn giáo ở Việt Nam có sắc thái riêng, cho dù tên chung là tôn giáo phổ quát thế giới như : Phật giáo, Thiên chúa giáo...

1.2. Du lịch tôn giáo

1.2.1. Khái quát về du lịch

1.2.1.1. Khái niệm

Ngày nay, khi xã hội càng phát triển thì đời sống của người dân lao động càng không ngừng được nâng lên, nhu cầu hiểu biết xã hội và thế giới bên ngoài dần

trở thành một nhu cầu tất yếu. Mặt khác, con người luôn luôn có khát vọng tìm hiểu, chiếm lĩnh các giá trị của cuộc sống quanh mình. Du lịch ra đời chính là nhằm đáp ứng nhu cầu đó của con người. Hoạt động du lịch phát triển ngày càng mạnh mẽ và đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế đất nước, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác.

Thuật ngữ “du lịch” được sử dụng trong ngôn ngữ của nhiều nước đều bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp với ý nghĩa là “*đi một vòng*”. Thuật ngữ này được Latinh hóa thành *tornus* và sau đó thành *tourisme* (tiếng Pháp), *tourism* (tiếng Anh)... Trong tiếng Việt, thuật ngữ *tourism* được dịch thông qua tiếng Hán. “Du” có nghĩa là “*chơi*”, “lịch” có nghĩa là “*từng trải*”.

Tuy nhiên, do nhận thức khác nhau, góc độ nghiên cứu cũng khác nhau mà các học giả nghiên cứu về du lịch có quan niệm khác nhau về “du lịch”.

Năm 1941, hai học giả Thụy Sĩ là W.Hunziker và Karff đã đưa ra định nghĩa: “*Du lịch là tổng hợp những và các hiện tượng và các mối quan hệ nảy sinh từ việc di chuyển và dừng lại của con người tại nơi không phải là nơi cư trú thường xuyên của họ; hơn nữa, họ không ở lại đó vĩnh viễn và không có bất kỳ hoạt động nào để có thu nhập tại nơi đến*” [20, tr.6].

Guer Freuler cho rằng: “*Du lịch là một hiện tượng thời đại của chúng ta dựa trên sự tăng trưởng của nhu cầu khôi phục sức khỏe và sự thay đổi của môi trường xung quanh, dựa vào sự phát sinh, phát triển tình cảm đối với vẻ đẹp của thiên nhiên*”.

Nhà kinh tế học Kalfiotis thì lại quan niệm rằng: “*Du lịch là sự di chuyển tạm thời của cá nhân hay tập thể từ nơi này đến nơi khác nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần, đạo đức, do đó tạo nên các hoạt động kinh tế*”.

Không chỉ các nhà kinh tế, các chuyên gia nghiên cứu về du lịch thuộc các lĩnh vực khác như địa lý cũng thấy yếu tố kinh tế là không thể thiếu được trong khái niệm du lịch. Nhà địa lý học Michaud cho rằng: “*Du lịch là tập hợp những hoạt động sản xuất và tiêu thụ phục vụ cho việc đi lại và ngủ lại ít nhất một đêm ngoài*

nơi ở thường ngày với lý do giải trí, kinh doanh, sức khỏe, hội họp, thể thao hoặc tôn giáo” [20, tr.11].

Nhưng trong quá trình hoạt động du lịch, ngoài việc tiếp cận với môi trường thì cần phải có sự tiếp cận với cộng đồng để đảm bảo cho sự phát triển được lâu dài. Do đó, M.Coltman cho rằng: *“Du lịch là tổng thể những hiện tượng và những mối quan hệ phát sinh từ sự tác động qua lại lẫn nhau giữa khách du lịch, nhà kinh doanh du lịch, chính quyền sở tại và cộng đồng cư dân địa phương trong quá trình thu hút và lưu giữ khách du lịch”.*

Quan điểm của Robert W.Mc.Intosh, Charles R.Goeldner, J.R Brent Ritcie, cũng cho rằng: *“Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ nảy sinh từ tác động qua lại giữa khách du lịch, nhà cung ứng, chính quyền và cộng đồng chủ nhà trong quá trình thu hút và đón tiếp khách du lịch” [20, tr.12].*

Như vậy, với cách tiếp cận tổng hợp thì các thành phần tham gia vào hoạt động du lịch bao gồm: khách du lịch, các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách du lịch, chính quyền sở tại và cộng đồng dân cư địa phương.

Năm 1963, với mục đích quốc tế hóa du lịch, tại Hội nghị Liên Hợp Quốc về du lịch ở Roma, các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa về du lịch như sau: *“Du lịch được hiểu là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi cư trú thường xuyên của họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến không phải là nơi làm việc của họ” [20, tr.13].*

Qua các quan niệm về du lịch như trên cho thấy sự biến đổi trong nhận thức về nội dung của thuật ngữ du lịch. Bên cạnh các ý kiến cho du lịch là một hiện tượng xã hội, có các kiến giải du lịch như là hoạt động kinh tế. Nhiều học giả lại cố gắng gắn kết hai nội dung trên vào định nghĩa của thuật ngữ này, tức là tất cả các mối quan hệ (xã hội và kinh tế) phát sinh từ hoạt động di chuyển.

Ở Việt Nam, du lịch là một lĩnh vực khá mới mẻ nhưng cũng được các nhà nghiên cứu quan tâm, tìm hiểu ở nhiều góc độ khác nhau.

Theo Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam, du lịch được hiểu trên hai khía cạnh:

Thứ nhất, du lịch là một dạng nghỉ dưỡng sức, tham quan tích cực của con người ngoài nơi cư trú với mục đích: nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa nghệ thuật. Theo nghĩa này, du lịch được xem xét ở góc độ cầu, góc độ người du lịch.

Thứ hai, du lịch là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt: nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, từ đó góp phần làm tăng thêm tình yêu đất nước, đối với người nước ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình; về mặt kinh tế du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả rất lớn; có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tại chỗ. Theo nghĩa này, du lịch được xem xét ở góc độ một ngành kinh tế.

Luật Du lịch Việt Nam được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7, Khóa XI năm 2005 đã nêu: *“Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”*.

Như vậy, *du lịch có thể được hiểu là: sự di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao tại chỗ nhận thức về thế giới xung quanh, có hoặc không kèm theo việc tiêu thụ một số giá trị tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ do các cơ sở chuyên nghiệp cung ứng.*

1.2.1.2. Các loại hình du lịch

Hiện nay, hoạt động du lịch diễn ra đa dạng và được chia thành nhiều nhóm khác nhau tùy thuộc vào các tiêu chí phân loại. Trong các ấn phẩm về du lịch đã được phát hành, khi phân loại về du lịch các tiêu chí phân loại sau thường được sử dụng:

- Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ của chuyến đi du lịch: du lịch được phân thành du lịch quốc tế và du lịch nội địa.

- Căn cứ vào nhu cầu nảy sinh hoạt động du lịch (mục đích chuyến đi du lịch) du lịch được phân thành:

- + Du lịch chữa bệnh
- + Du lịch nghỉ ngơi, giải trí
- + Du lịch thể thao
- + Du lịch văn hóa
- + Du lịch công vụ
- + Du lịch thương gia
- + Du lịch tôn giáo
- + Du lịch thăm thân

- Căn cứ vào đối tượng khách du lịch:

- + Du lịch thanh, thiếu niên
- + Du lịch dành cho người cao tuổi
- + Du lịch phụ nữ, du lịch gia đình.

- Căn cứ vào hình thức tổ chức chuyến đi:

- + Du lịch theo đoàn
- + Du lịch cá nhân

- Căn cứ vào phương tiện giao thông được sử dụng như ô tô, xe máy, xe đạp, tàu thủy... để phân loại du lịch.

- Phân loại căn cứ vào phương tiện lưu trú được sử dụng như: khách sạn, lều, trại...

- Căn cứ vào thời gian du lịch: du lịch dài ngày và du lịch ngắn ngày.

- Căn cứ vào vị trí địa lý của nơi đến du lịch có:

- + Du lịch nghỉ núi
- + Du lịch nghỉ biển, sông, hồ.
- + Du lịch thành phố
- + Du lịch đồng quê

1.2.2. Khái quát về du lịch tôn giáo

1.2.2.1. Khái niệm

Du lịch tôn giáo trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng có những quan niệm khác nhau và đến nay vẫn chưa có một khái niệm chung nhất.

Có người hiểu rằng du lịch tôn giáo cũng chính là du lịch tâm linh. Tuy nhiên “Tâm linh” là một khái niệm có nội hàm rộng lớn, trong nó bao trùm cả yếu tố tôn giáo. Nói cách khác, niềm tin tôn giáo cũng chính là một hình thức thể hiện văn hóa tâm linh của con người. Như vậy, du lịch tôn giáo là một trong những khía cạnh của du lịch tâm linh.

Thuật ngữ du lịch tâm linh đã được nhiều học giả phân tích và định nghĩa trong nhiều công trình nghiên cứu có liên quan từ nhiều năm nay. Học giả Mu và các cộng sự (2007), trong công trình nghiên cứu có tên « *Du lịch và hành hương văn hóa : Quan điểm của Trung Quốc* » đã định nghĩa du lịch văn hóa như một hoạt động du lịch đặc biệt, được định nghĩa bởi văn hóa tâm linh, với sự hỗ trợ của môi trường văn hóa – sinh thái cụ thể, và nó liên quan tới các hoạt động du lịch đặc biệt như thờ cúng, nghiên cứu, văn cảnh và văn hóa được thực hiện bởi các tín đồ tâm linh và du khách thế tục. Một định nghĩa khác thường được trích dẫn nhiều nhất trong các công trình nghiên cứu về du lịch tâm linh có lẽ phải kể đến định nghĩa của Rinschede (1992) khi ông cho rằng du lịch tâm linh là khi « có sự tham gia của du khách được thúc đẩy một phần hoặc hoàn toàn vì những lý do tâm linh ». Như vậy với những định nghĩa này của hai học giả trên thì du lịch tâm linh bao gồm các chuyến tham quan tới các địa điểm tâm linh bởi cả khách đi hành hương và du khách thông thường, là những người có động cơ một phần hoặc hoàn toàn là tâm linh (Matina Terzidou et al, 2008).

Du lịch tâm linh có thể được hiểu là sự kết hợp du lịch trong chuyến đi vì mục đích tôn giáo. Từ xa xưa, đây đã là một loại hình du lịch khá phổ biến, đó là các chuyến đi vì mục đích tôn giáo như truyền giáo của các tu sĩ, dự các lễ hội tôn giáo... Ngày nay trên thế giới, loại hình du lịch này được hiểu là các chuyến đi của du khách chủ yếu để thỏa mãn nhu cầu thực hiện các lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng... Điểm đến của các luồng du khách này là chùa chiền, nhà thờ, thánh địa...

Du lịch tâm linh tuy xuất hiện ở nước ta từ rất sớm nhưng mới chỉ thực sự phát triển mạnh mẽ trong thời gian gần đây, do đó hiện nay chưa có khái niệm chính xác về loại hình du lịch này. Ở nước ta, các nhà nghiên cứu và những người làm du lịch mới chỉ đưa ra cách hiểu khái quát về loại hình du lịch tâm linh.

Có quan niệm cho rằng : Du lịch tâm linh chính là sự kết hợp của việc “*đi cho biết đó biết đây*” với “*tín ngưỡng*”.

- *Đi cho biết đó biết đây*: Đây chính là mục đích của du lịch nhằm mở mang kiến thức về thiên nhiên và con người nơi đến. Du lịch giúp con người được nghỉ ngơi thư giãn, tạm quên đi những phiền toái đời thường để tận hưởng cái đẹp của cuộc sống.

- *Tín ngưỡng*: Nói đến tâm linh là phải nói đến tín ngưỡng (tín ngưỡng tôn giáo và tín ngưỡng dân gian). Hoạt động này thường gắn với các lễ hội tôn giáo (lễ hội chùa Hương, lễ hội Quán Thế Âm...), hay các lễ hội dân gian (lễ hội Thánh Gióng, lễ hội Tể Cá Ông...).

Trong cách hiểu về du lịch tâm linh nổi bật lên hai vấn đề “*du lịch*” và “*tín ngưỡng*”. Hai vấn đề này có mối quan hệ tác động qua lại, ngang bằng nhau. Trong du lịch tâm linh, có khi nhu cầu tâm linh là động cơ chính, có khi nhu cầu du lịch là động cơ chính. Tuy nhiên, kết quả hưởng thụ của du khách luôn luôn là cùng một mức độ mặc dù đi với động cơ nào.

Như vậy, có thể hiểu du lịch tôn giáo chính là du lịch tâm linh được biểu hiện ở cấp độ cao. Hay du lịch tôn giáo cũng chính là du lịch hành hương: Du lịch hành hương là đến thăm những chùa chiền, thánh đường hoặc những thánh tích mà du khách từng ngưỡng vọng. Đến nơi ấy họ không chỉ lĩnh hội được đầy đủ thông tin về cội nguồn tín ngưỡng, tôn giáo của mình mà trong suốt quá trình hành hương đó, họ còn được sống cùng nhau trong một môi trường tâm linh: chiêm bái, cầu nguyện, thực tập phép an tâm tu dưỡng tinh thần, tạo sức mạnh cho niềm tin và sự chuyển hóa tâm thức, thực hành các nghi lễ truyền thống... Nói cách khác, đến một địa điểm hành hương có xuất xứ từ cội nguồn tâm linh mang yếu tố tín ngưỡng tôn giáo là cách giúp họ xây dựng cho mình một niềm tin về sức mạnh của nội tâm, tìm đến sự

an lạc trong tâm tư, thăng hoa cuộc sống hướng thượng... Đó cũng là mục đích cao nhất của các hành trình du lịch tâm linh. Đây là một hình thức du lịch tâm linh ở cấp độ cao, phần lớn những người tham gia là những du khách đã có giác ngộ nhất định. Họ đi du lịch về nguồn gốc xuất tích của tôn giáo. Với loại hình này du khách thường đi theo đoàn và đi vào bất kỳ thời gian nào trong năm.. Chuyến hành trình là cuộc đi trong không gian, trong thời gian và trong bản thân mình, là sự hóa thân làm cuộc sống trần tục có ý nghĩa trong sự nối kết với cái thiêng liêng, cao cả với giá trị mà lịch sử - văn hóa đã kết tụ lại. Con đường ấy cũng tạo ra mối quan hệ: nó nối kết những hành giả với nhau trong một khoảnh khắc đặc biệt của cuộc đời mình, làm cho các ý tưởng và các mô hình giao lưu với nhau, liên kết những cá nhân cùng chia sẻ một niềm tin, một hệ giá trị đạo lý và văn hóa. Như vậy là hành hương góp phần hoàn thiện con người. Tâm người hành giả được tái tạo mới nhờ cuộc du hành đầy tác dụng giáo dục và được thăng hoa nhờ sự bồi bổ tri thức của kết quả “đi một ngày đàng, học một sàng khôn”. Sau cuộc du lịch hành hương là thời gian để hồi tưởng và suy gẫm: những ý tưởng mới được xác lập để định hướng cho những hành động và lối sống của chính mình. Cho nên cuộc hành hương đó chính là hành trình tâm linh.

Như vậy, cuối cùng có thể hiểu “*Du lịch tôn giáo là loại hình du lịch thực hiện các chương trình du lịch với điểm đến là chùa chiền, nhà thờ, thánh địa, thánh tích... nhằm mục đích thăm quan và tìm hiểu các giá trị văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo. Qua đó, con người có thể mở rộng sự hiểu biết hướng thiện, hòa hợp với thiên nhiên, nâng cao các giá trị tâm hồn, hiểu rõ về nguồn gốc tôn giáo, tín ngưỡng của mình*”.

1.2.2.2. Đặc điểm du lịch tôn giáo.

Du lịch tôn giáo là một loại hình du lịch đặc thù, mỗi chương trình du lịch bên cạnh việc đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của du khách về lưu trú, ăn uống, vận chuyển... như các loại hình du lịch khác, nó còn phải thỏa mãn nhu cầu về tôn giáo, tín ngưỡng của du khách.

Các tour du lịch tôn giáo vừa phải đáp ứng yếu tố “*tâm linh*”(*niềm tin tôn giáo*) vừa phải đáp ứng yếu tố “*du lịch*”. Đây là hai yếu tố không thể thiếu trong bất cứ chương trình du lịch tôn giáo nào. Các chương trình du lịch tôn giáo mang đến cho du khách cảm giác gần gũi, dễ thông cảm, sẵn sàng sẻ chia và cởi mở với nhau.

Bản chất của du lịch tôn giáo chính là tính hướng thiện. Cho nên các chương trình du lịch tôn giáo phải đảm bảo cho du khách có cơ hội thực hành và sống trong môi trường của cầu nguyện và chiêm bái, thực tập việc tu tập và thư giãn, chăm sóc thân và tâm, tạo niềm tin và tìm nơi nương tựa trong tâm hồn.

1.2.2.3. Các cấp độ phát triển và hình thức du lịch tôn giáo

*** Cấp độ phát triển của du lịch tôn giáo**

Cấp độ 1: Tham quan/ khám phá địa danh tôn giáo: Là hoạt động tham quan, văn cảnh và kết hợp tìm hiểu về tín ngưỡng, tôn giáo ở các thánh tích như đình, chùa, nhà thờ... Tại đây, du khách sẽ hòa vào dòng tín đồ để cảm nhận yên bình, thanh thản ở những thánh tích tôn giáo nổi tiếng.

Đối với những đối tượng không phải là tín đồ tín ngưỡng tôn giáo thì khám phá triết lý, cách hành xử tại địa danh tâm linh cũng rất cần thiết. Điều đó không chỉ làm cho họ có thêm kiến thức và niềm tin sau chuyến đi mà còn hạn chế được những hành động “ phản cảm” cố ý hoặc vô ý từ phía một bộ phận du khách.

Cấp độ 2: Tổ chức cách hoạt động hành lễ: Hoạt động hành lễ tại các đại điểm tôn giáo là hoạt động chủ đạo trong chương trình du lịch tôn giáo thông thường. Vì hầu hết du khách đến với địa danh tôn giáo tiến hành hành lễ theo “ cái tâm” chứ không phải theo “ trí” nên họ thường làm theo cảm nhận và sự mách bảo của người khác. Việc tiến hành các nghi lễ khi đến các địa điểm tôn giáo trong chuyến du lịch nếu được giải thích và tổ chức sẽ góp phần làm cho các nghi thức tôn giáo đó trở nên đúng cách và trang trọng hơn. Ở cấp độ này, du lịch tôn giáo thường liên quan tới hoạt động du lịch lễ hội. Bản thân lễ hội là một kho tàng văn hóa, là nơi lưu giữ những giá trị tín ngưỡng tôn giáo, phản ánh tâm thức con người một cách trung thực. Du lịch tôn giáo thường được tổ chức thành đoàn, nhóm có quy mô, có tổ chức đến thăm chùa chiền, thánh địa, nhà thờ... là các công trình tôn

giáo tiêu biểu, thắng cảnh nổi tiếng của địa phương. Họ có thể đi thăm nhiều công trình trong cùng một chuyến du lịch. Trong chuyến du lịch đó rất chú trọng tới các nghi thức, hoạt động hành lễ.

Cấp độ 3: : Hành hương và Trải nghiệm đời sống tâm linh: Du khách đến với các thánh tích tôn giáo không chỉ đơn giản là văn cảnh, cúng bái, cầu nguyện hay tìm hiểu một nền văn hóa khác mà là để giác ngộ, tìm những thông điệp chứa đựng trong các giáo triết, tìm sự hòa hợp giữa con người với thế giới. Trải nghiệm đời sống tâm linh thông qua các khóa tu thiền, nghe thuyết giảng... du khách sẽ có cơ hội được thực sự hòa mình và có những giây phút lắng lại để suy ngẫm về bản thân, về cuộc đời và học cách sống có ý nghĩa hơn. Trong hoạt động du lịch tôn giáo qua các khóa tu thiền tại chỗ, du khách có thể có được những câu trả lời cho bản thân về bí ẩn kiếp nghiệp của mình... Những cuộc hành hương hàng năm của các tín đồ trên khắp thế giới về trung tâm tôn giáo như thánh địa Mecca (đạo Hồi), Thánh địa Jerusalem (Do Thái giáo và Ki Tô giáo), Thánh địa Tây Tạng và Ấn Độ... có thể được coi là hoạt động du lịch tôn giáo ở cấp độ cao.

*** Hình thức của du lịch tôn giáo**

Xuất phát từ đặc điểm riêng của từng quốc gia, đặc biệt là có liên quan đến các loại hình tôn giáo và tài nguyên du lịch tôn giáo có các hình thức du lịch tôn giáo sau đây:

- *Du lịch hành hương*
- *Du lịch sự kiện tôn giáo*
- *Du lịch học tập(khí công, thiền, thuyết giảng Phật giáo...)*
- *Du lịch chữa bệnh, nghỉ dưỡng có yếu tố tâm linh*

1.2.2.4. Mục đích và ý nghĩa của du lịch tôn giáo.

Mục đích

Du lịch tôn giáo thường gắn với lịch sử, gắn với đức tin và mang tính hướng thiện. Loại bỏ yếu tố mê tín dị đoan, loại bỏ yếu tố “ buôn thần bán thánh”, du lịch tôn giáo hướng con người đến những điều tốt lành.

Ngoài việc thúc đẩy kinh tế du lịch, phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch tôn giáo nếu được phát triển lành mạnh, đúng hướng sẽ mang lại nhiều giá trị truyền thống, những giá trị tinh thần, những giá trị văn hóa, lịch sử. Xã hội càng phát triển với những mâu thuẫn, phức tạp, con người càng hướng tới đức tin. Những đức tin lành mạnh sẽ giúp con người hướng thiện, loại dần cái ác, đem đến sự an lành của hồn người trong một xã hội đầy biến động và sự vô thường.

Bên cạnh đó, loại hình du lịch này cũng góp phần làm thỏa mãn nhu cầu về sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo cũng như nhu cầu trải nghiệm du lịch nâng cao nhận thức của du khách.

Trong bối cảnh hiện nay, loại hình du lịch tôn giáo ngày càng phát triển đa dạng, tuy vậy, qua quá trình phát triển đã bộc lộ một số hạn chế nhất định, đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước cần có hành lang pháp lý phù hợp, đồng thời các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp và địa phương cùng ban quản lý các điểm du lịch tôn giáo cần có sự phối hợp trong phát triển loại hình này để đảm bảo sự phát triển mang tính bền vững.

Ý nghĩa của du lịch tôn giáo

- Đối với du khách:

+ Khi tham gia các chương trình du lịch tôn giáo, du khách sẽ được hiểu về cội nguồn tín ngưỡng tôn giáo của mình. Du khách cũng sẽ được tìm hiểu về lịch sử văn hóa của các ngôi chùa, nhà thờ... mà mình đến, được chiêm ngưỡng những công trình kiến trúc nghệ thuật tôn giáo độc đáo.

+ Du khách sẽ được sống trong một môi trường tâm linh, được chiêm bái, cầu nguyện và có thể được thực tập phép an tâm để tu dưỡng tinh thần. Qua đó, giúp du khách xây dựng cho mình một niềm tin về sức mạnh của nội tâm, tìm đến sự an lạc.

+ Du lịch tôn giáo nâng cao nhận thức cá nhân của mỗi du khách đối với các giá trị tôn giáo. Du khách sẽ cảm thấy tâm thanh thản, nhẹ nhàng. Với loại hình du lịch này, du khách không chỉ được tham quan, thưởng ngoạn các công trình tôn giáo mà còn như đang thực hiện một cuộc hành hương về vùng đất của tôn giáo.

- Đối với các doanh nghiệp du lịch:

Việc phát triển loại hình du lịch tôn giáo, giúp cho các doanh nghiệp có thể đa dạng hóa được sản phẩm du lịch của mình, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách. Từ đó đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, mở rộng thị trường nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp.

- Đối với địa phương:

+ Du lịch tôn giáo góp phần làm tăng nguồn thu ngân sách của địa phương thông qua các khoản trích nộp ngân sách của các cơ sở du lịch trực thuộc quản lý trực tiếp của địa phương và các khoản thuế phải nộp của doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

+ Du lịch tôn giáo cũng góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác tại địa phương phát triển như: giao thông vận tải, tài chính, nông nghiệp...

Phát triển du lịch tôn giáo cũng thúc đẩy quá trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng như: mạng lưới giao thông công cộng, các phương tiện thông tin đại chúng...

+ Phát triển du lịch tôn giáo góp phần tích cực vào việc giải quyết việc làm cho người lao động ở địa phương.

+ Thông qua hoạt động du lịch tôn giáo, người dân địa phương sẽ có ý thức hơn trong việc bảo vệ, giữ gìn các giá trị lịch sử văn hóa nói chung và các giá trị văn hóa tâm linh nói riêng của địa phương mình.

1.2.2.5. Điều kiện phát triển du lịch tôn giáo.

Du lịch tôn giáo là một loại hình du lịch nên nó có những đặc điểm chung của hoạt động du lịch, đồng thời nó cũng có những điểm đặc thù riêng. Vì vậy việc phát triển du lịch tôn giáo vừa chịu ảnh hưởng của các nhân tố chung của hoạt động du lịch, vừa chịu ảnh hưởng của các nhân tố riêng.

*** Những nhân tố ảnh hưởng chung tới sự phát triển du lịch.**

- Thời gian rỗi: Muốn đi du lịch đòi hỏi con người phải có thời gian. Do đó, thời gian rỗi là điều kiện tất yếu cần thiết phải có để con người tham gia vào hoạt động du lịch nói chung và du lịch tôn giáo nói riêng.

- Mức sống về vật chất của con người: Thu nhập của người dân là chỉ tiêu quan trọng và là điều kiện vật chất để họ có thể tham gia du lịch. Khi đi du lịch, du khách luôn luôn phải tiêu dùng nhiều loại hàng hóa, dịch vụ, phần lớn các hàng hóa, dịch vụ này có giá cả cao hơn các hàng hóa, dịch vụ thường ngày. Đặc biệt đối với du lịch tôn giáo, khi tham gia chương trình du khách thường muốn sắm đồ lễ để chiêm bái tại các chùa chiền, thánh địa... Vì vậy, muốn thực hiện chuyến đi du khách phải có mức sống vật chất khá nhằm đáp ứng khả năng thanh toán.

- Tình hình chính trị hòa bình, ổn định và các điều kiện an toàn đối với du khách: Đây là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới việc phát triển kinh doanh du lịch, cũng như việc thu hút khách du lịch. Nếu tình hình chính trị tại một đất nước, một địa phương bất ổn, an ninh trật tự không được đảm bảo, có các dịch bệnh xảy ra... thì hoạt động du lịch nói chung và hoạt động du lịch tâm linh nói riêng tại nơi đó khó có thể phát triển.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng xã hội (hệ thống đường giao thông, nhà ga, sân bay, bến cảng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện nước...): đây là yếu tố cơ sở tạo tiền đề cho việc khai thác tiềm năng du lịch và nâng cao chất lượng của sản phẩm du lịch.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm toàn bộ nhà cửa và phương tiện kỹ thuật giúp cho việc phục vụ thỏa mãn các nhu cầu của du khách như: khách sạn, nhà hàng, phương tiện giao thông vận tải...

** Những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển du lịch tôn giáo:*

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: Nền kinh tế tăng trưởng ổn định, đời sống của người dân được nâng cao... khi yếu tố vật chất được đáp ứng tương đối đầy đủ thì con người sẽ muốn tìm đến các giá trị văn hóa tinh thần. Đồng thời, kinh tế phát triển cùng với đó là quá trình đô thị hóa khiến cho con người có nhiều áp lực, họ có tâm lý muốn tìm về với các yếu tố tâm linh để được thanh thản trong tâm hồn.

- Niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân: Mỗi một con người, một dân tộc có niềm tin khác nhau vào các tôn giáo, tín ngưỡng. Niềm tin vào một tôn giáo,

tín ngưỡng nhất định có thể quyết định lớn tới mọi hành động của con người trong cuộc sống. Niềm tin đó là yếu tố thúc đẩy con người đi đến và tìm hiểu những nơi được coi là cội nguồn tôn giáo, tín ngưỡng của mình, đồng thời đó cũng là yếu tố thôi thúc họ thực hiện các nghi thức tôn giáo, tín ngưỡng. Do vậy, niềm tin vào tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân là nhân tố quan trọng để hoạt động du lịch tôn giáo có thể diễn ra và phát triển.

- Tài nguyên du lịch: Cũng giống như các loại hình du lịch khác, tài nguyên du lịch là nhân tố cần thiết để hoạt động du lịch tôn giáo có thể diễn ra. Tài nguyên du lịch được phân làm hai nhóm: tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Hai nhóm này có tác động khác nhau đến việc phát triển du lịch tôn giáo.

+ Tài nguyên du lịch tự nhiên: So với các loại hình du lịch khác, du lịch tôn giáo chịu ảnh hưởng của các yếu tố tài nguyên du lịch tự nhiên không nhiều. Trong đó, nổi bật lên là yếu tố địa hình, các dạng địa hình khác nhau thường chế định cảnh đẹp và sự đa dạng của phong cảnh khác nhau. Dù vậy, khi du khách tham gia vào loại hình du lịch tôn giáo, bên cạnh yếu tố tâm linh thì nhu cầu được tham quan, ngắm phong cảnh cũng tương đối lớn. Nếu một địa phương vừa có điểm du lịch tâm linh lại có cả các thắng cảnh tự nhiên, địa hình đa dạng thì sẽ góp phần làm phong phú thêm chương trình du lịch.

Bên cạnh đó, yếu tố khí hậu cũng có ảnh hưởng nhất định tới hoạt động du lịch tôn giáo, thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều, bão lụt... sẽ hạn chế việc tham quan, chiêm bái của du khách.

+ Tài nguyên du lịch nhân văn: Đây là nhân tố có ảnh hưởng quan trọng, tạo tiền đề cần thiết để hoạt động du lịch tôn giáo có thể hình thành và phát triển. Trong nhóm này, hai yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đó là các công trình tôn giáo và lễ hội. Các công trình tôn giáo như: chùa chiền, thánh tích, thánh địa... Lễ hội thì chính là lễ hội tôn giáo.

Điều đặc biệt phải quan tâm là *tính thiêng* của hai yếu tố này. Trên tất cả các tỉnh thành của Việt Nam, ở đâu cũng có các công trình tôn giáo và lễ hội được tổ chức hằng năm. Nhưng không phải địa phương nào cũng có thể phát triển loại hình

du lịch tôn giáo, chỉ những công trình tôn giáo, lễ hội có sức ảnh hưởng lớn đối với nhân dân, có truyền thống từ lâu đời, nó phải mang tính Thiêng được đông đảo nhân dân thừa nhận thì mới có thể phát triển loại hình du lịch này.

- Nguồn nhân lực: Du lịch tôn giáo vừa mang những đặc điểm chung vừa có tính đặc thù. Du khách khi tham gia du lịch tôn giáo, bên cạnh việc mong muốn được đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, tham quan thì còn mong muốn được đáp ứng các nhu cầu về tín ngưỡng, được chiêm bái, cầu khấn. Vì vậy, lao động trong loại hình du lịch này, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên ngoài việc phải nắm chắc nghiệp vụ chuyên môn thì còn phải am hiểu về tôn giáo tín ngưỡng của du khách, hiểu các yêu cầu của từng điểm du lịch tâm linh để hướng dẫn du khách trong suốt quá trình thực hiện chương trình du lịch.

1.3. Kinh nghiệm khai thác loại hình du lịch tôn giáo của một số quốc gia.

1.3.1. Kinh nghiệm của Ấn Độ.

Ấn Độ được mệnh danh là đất nước của tôn giáo và triết học. Quốc gia này là nơi khởi nguyên của các tôn giáo lớn trên thế giới trong đó nổi bật là Phật giáo, bởi vậy rải rác khắp đất nước này là hàng ngàn Phật tích, danh thắng liên quan đến Phật giáo. Với hơn một tỷ tín đồ Phật giáo trên khắp thế giới, Ấn Độ đương nhiên trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn nhất cho du lịch tâm linh. Hiểu rõ điều này nên từ rất sớm chính phủ Ấn Độ đã chú ý xây dựng chính sách liên kết du lịch Ấn Độ với tâm linh Phật giáo.

Để các Phật tích thu hút du khách, chính phủ Ấn Độ thiết lập các đường bay mới từ các thủ đô của các bang quan trọng đến thẳng các thánh địa Phật giáo, thêm các chuyến xe lửa độc lập dành cho du khách hành hương đến đất Phật. Trong vùng phụ cận các thánh tích, họ cho xây dựng nhiều khách sạn đủ loại và các căn hộ cho thuê để du khách có thể lưu trú nhiều ngày tại đây. Các nhà hàng cũng đã có nhiều loại thực phẩm châu Á để giúp cho du khách chưa quen với hương vị thực phẩm Ấn Độ có thể ăn uống được dễ dàng. Hoàn thiện hơn, họ còn thiết lập các điểm dịch vụ y tế, đáp ứng kịp thời và đảm bảo sức khỏe cho du khách.

Mặc dù chính phủ Ấn Độ rất quan tâm đầu tư phát triển công nghệ du lịch, nhưng không cho các yếu tố thương mại hóa chi phối du lịch tâm linh. Nói khác đi, một mặt chính phủ tạo phương tiện đầy đủ và tiện nghi cho các du khách như nâng cấp đường xá, thiết lập thêm các phương tiện giao thông, đảm bảo vệ sinh môi trường ở những nơi công cộng và các sân ga, đặc biệt là những khu phụ cận các Phật tích, nhưng mặt khác khuyến khích và tạo điều kiện cho các giáo hội Phật giáo trên khắp thế giới mở các khoá tu thiền trong khuôn viên của các Phật tích, giúp cho du khách thanh lọc thân tâm trong những ngày ở trên đất Phật.

Chẳng hạn, toàn bộ quần thể Tháp Bồ Đề Đạo Tràng- một trong số 84.000 công trình chùa tháp được chính quyền bao bọc bởi một hàng rào với kiến trúc Phật giáo thời kỳ Gupta, vừa đảm bảo được an ninh trong khuôn viên, đồng thời đảm bảo được tính tương thích của hai giai đoạn kiến trúc xưa và nay. Để biến Bồ Đề Đạo Tràng thành thánh địa linh thiêng nhất của Phật giáo, chính phủ Ấn Độ chọn ngày Rằm tháng 4, ngày Phật đản sinh làm ngày hành hương Phật giáo. Lễ hội hành hương về Bồ Đề Đạo Tràng được truyền hình và đưa tin trực tiếp trên khắp thế giới.

Ấn Độ được coi là một đất nước có thể mang đến cho con người những trải nghiệm sâu sắc nhờ vào sự đa dạng của loại hình du lịch tâm linh. Sự đa dạng này được biểu hiện rõ rệt ở hệ thống di sản, văn hóa, thần thoại, phong tục, lễ hội và trong cả đời sống sinh hoạt thường ngày của người dân Ấn Độ. Ngày nay, sự thể hiện này chính là động lực và là điểm thu hút khách du lịch. Sự giao thoa giữa tâm linh và du lịch Ấn Độ đã xảy ra từ thời kỳ xa xưa, dưới hình thức phổ biến nhất là hành hương. Giáo lý cơ bản nhất của hành hương là bắt nguồn từ nền tảng triết lý của đạo Hindu. Trong đạo Hindu, hành động du hành vì các mục đích linh thiêng là một trong nhiều cách thức để đạt được sự giác ngộ và phù hộ.

Kể từ những năm 1960, Ấn độ được thế giới biết đến như là một điểm đến tâm linh cho các du khách phương Tây. Một cuộc điều tra thực hiện bởi Bộ Du Lịch Ấn Độ năm 2002 cho biết rằng có trên 100 triệu du khách đã đến Ấn Độ với mục đích ban đầu là tâm linh và hành hương. Trong đó 8/10 điểm tham quan của du khách nội địa là các địa điểm hành hương.

Sức hút của Ấn Độ nằm ở sự muôn hình vẻ của tâm linh, sự phong phú của các lễ hội và di tích thiêng liêng. Mỗi tâm linh có một thánh địa và tuyến đường hành hương riêng ngoài các hoạt động tâm linh hay lễ hội có liên quan. Ví dụ như các tuyến hành hương của tín đồ Phật giáo ở khu vực thung lũng sông Hằng, cung điện Taj Mahal, một kiệt tác nghệ thuật và di sản văn hóa của đạo Hồi, Hari Mandir, ngôi đền thiêng liêng của Độc thần giáo và các đền thờ của đạo Jaina trên khắp Ấn Độ...

Tại Ấn Độ, các tour du lịch hành hương của đạo Hindu tới địa điểm linh thiêng: đền Jagganath, những ngọn núi đỉnh phủ tuyết trắng của Badrinath, Kedarnath, Amarnath hay các tour hành hương của tín đồ Phật giáo đền Mahabodhi, Vaishali... đã được khai thác hiệu quả và thu hút số lượng lớn du khách quốc tế cũng như du khách nội địa.

Bên cạnh đó, sự nỗ lực của chính quyền các cấp từ trung ương tới các bang của Ấn Độ trong việc quảng bá và phát triển du lịch tôn giáo tới các thị trường châu Á đã mang lại sự tăng trưởng rõ nét cho ngành du lịch Ấn Độ, đặc biệt là du lịch Phật giáo. Patna, một thành phố của bang Uttar Pradesh, được coi là cửa ngõ bắt đầu cho “vòng du hành của phật tử”. Trong mùa cao điểm (từ tháng 10 tới tháng 3), Patna thu hút được số lượng lớn khách du lịch đến từ các quốc gia châu Á như: Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc...

1.3.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc.

Ở Trung Quốc, du lịch tôn giáo được coi là một tiểu ngành quan trọng của ngành du lịch văn hóa. Theo số liệu thống kê gần đây, Trung Quốc có khoảng 100 triệu tín đồ của nhiều loại hình tôn giáo khác nhau, 85000 các địa điểm tôn giáo và tâm linh trong đó bao gồm 13000 chùa và thiền viện, với khoảng 300000 người làm việc tại các địa điểm này. Hiện nay, Trung Quốc có tới 1500 đền thờ đạo giáo, trong số đó có 143 đền thờ là di tích văn hóa và 20000 nhà thờ với 80 trong số này là điểm đến du lịch văn hóa (Robert G. Lanquar, 2011).

Trung Quốc rất nhiều loại hình du lịch như: du lịch văn hóa, du lịch mạo hiểm, phiêu lưu, du lịch thể thao, du lịch chữa bệnh, du lịch kinh doanh, du lịch nghiên

cứu... Các đại lý lữ hành ở Trung Quốc khi bán chương trình đều ghi rõ sản phẩm du lịch của họ, chủ trương và quan niệm du lịch, điều kiện di chuyển, ăn ở, tham quan rất chi tiết cho khách hiểu rõ và lựa chọn. Chẳng hạn với một chương trình đi du lịch do người Trung Quốc xây dựng, họ nhấn mạnh đến tính chất du lịch tôn giáo. Trong đó vấn đề ăn ở, di chuyển không phải là mối quan tâm hàng đầu mà điểm nổi bật là vai trò của người hướng dẫn viên du lịch. Du khách đi du lịch ở Trung Quốc sẽ được hướng dẫn viên có kiến thức sâu rộng hướng dẫn, giảng giải tỉ mỉ về cội nguồn tôn giáo, văn hóa lịch sử...

Trung Quốc hiện sở hữu một số lượng lớn các di sản thế giới được UNESCO công nhận, một phần ba số đó là các di tích tôn giáo:

- Núi Phật giáo: Núi Emei, núi Wutai, núi Taoist...

- Đền: Cung Potala Palace ở Tây Tạng, các ngôi đền xung quanh cung điện mùa hè Thành Đô

- Di sản tôn giáo: Động Mogao ở Đôn Hoàng, động Longmen, động và tranh khắc đá Dazu và con đường Tơ lụa cổ xưa kết nối Âu, Á.

Các di tích, di sản tôn giáo của Trung Quốc liên quan đến tôn giáo khác nhau (Phật giáo, Đạo giáo, Hồi giáo...) đã thu hút một số lượng lớn khách quốc tế (đặc biệt là khách Nhật Bản, Hàn Quốc, vốn là những quốc gia có mối quan hệ thân mật về tôn giáo trong lịch sử Trung Quốc) và khách nội địa.

Điểm đặc trưng của các điểm thu hút du khách tôn giáo của Trung Quốc là hầu hết các địa điểm đều tọa lạc ở các ngọn núi hoặc cạnh các con sông. Phần lớn đền, chùa, hang động ở Trung Quốc đều nằm ở các vị trí có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có sự kết hợp hài hòa giữa tự nhiên và văn hóa.

Đặc biệt, tỷ lệ du khách quay trở lại trong các loại hình du lịch liên quan tới Phật giáo luôn cao hơn so với các loại hình du lịch thông thường khác. Bởi lẽ ở Trung Quốc có 4 ngọn núi thiêng lớn nhất của Phật giáo, bao gồm núi Emei ở tỉnh Tứ Xuyên, núi Wutai ở tỉnh Sơn Tây, núi Putuo ở tỉnh Triết Giang và núi Jiuhua ở tỉnh An Huy. Bốn ngôi đền ở các ngọn núi này có mối liên hệ chặt chẽ với các ngôi đền Phật giáo khắp nơi trên thế giới. Một ví dụ điển hình cho thấy sự phát triển

mạnh mẽ của du lịch tôn giáo, đó là núi Võ Đan. Đây là ngọn núi của Đạo giáo nổi tiếng nhất với trên một nghìn năm lịch sử. Toàn bộ phức hợp này bao gồm 9 địa điểm, 8 đền, 36 thiền viện và 72 động. Sức hút của khu vực này là ở sự hòa trộn giữa Đạo giáo, võ thuật, âm nhạc, chăm sóc sức khỏe và trà đạo. Vì nằm trong một khu vực núi non cách trở, nên địa điểm này rất khó tiếp cận đối với du khách. Năm 2003, chính quyền địa phương tỉnh Hubeu đã quyết định thành lập một vùng kinh tế du lịch đặc biệt của Wudang nhằm phát triển du lịch vùng dựa trên các nguyên tắc bảo vệ để phát huy các kế hoạch khoa học và quản lý nghiêm ngặt vùng du lịch này. Từ đó đến nay, khu vực này tiếp nhận nhiều thay đổi tích cực, nhiều công trình lịch sử được đầu tư khôi phục. Bên cạnh đó, việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng cho du lịch cũng ngày càng tăng, bao gồm việc tái cấu trúc các ga tàu, bảo tàng, phố đi bộ, trung tâm thông tin du lịch, bãi đỗ xe, các phương tiện trung chuyển bên trong phức hợp tôn giáo... Nhờ vậy mà đến năm 2008, số lượng du khách đến núi Võ Đan tăng từ 300.000 khách(2003) lên 1.22 triệu người và thu nhập từ du lịch đạt con số 560 triệu tệ(Xu Fan, 2011). Như vậy, dự án vùng kinh tế du lịch đặc biệt Võ Đan đã được chứng minh là một thành công lớn trong việc bảo vệ di sản tôn giáo và phát triển du lịch, dưới sáng kiến và sự bảo trợ của chính quyền địa phương.

Ngoài ra, các chương trình du lịch tôn giáo kết hợp với tour du lịch sức khỏe cũng được ngành du lịch Trung Quốc khai thác một cách hiệu quả. Nhiều du khách thực hiện chuyến du lịch tới các di tích tôn giáo để học khí công hay võ thuật trong những ngôi đền ở trên núi cao, hưởng thụ không khí miền núi trong lành, dưỡng tâm và mang đến cho cơ thể một trạng thái cân bằng, khỏe mạnh. Du khách tới các địa điểm này và ở lại đó vài tuần để hoàn thành khóa luyện tập. Một số du khách trung thành, quay trở lại để nâng cao kỹ năng võ thuật, lựa chọn các điểm nghỉ dưỡng miền núi để tập Thái Cực, Yoga, Khí công, luyện tập sức khỏe hay tìm kiếm phương pháp chữa bệnh. Núi Tianzhu thuộc tỉnh An Huy là một trong những nơi nổi tiếng với loại hình du lịch luyện tập khí công này.

Bên cạnh đó còn có các chương trình du lịch tôn giáo kết hợp với học tập. Đó là chương trình tham gia vào các sinh hoạt Phật giáo và theo chế độ ăn chay giống

các vị sư đồng thời có được trải nghiệm sâu sắc về văn hóa và Phật giáo của Trung Quốc. Song hành là các tour du lịch hành hương tới địa điểm thiêng để cầu nguyện và thực hiện lời hứa với thần thánh.

1.3.3. Kinh nghiệm của Thái Lan

Ngành du lịch là một ngành chính của nền kinh tế Vương quốc Thái Lan, đặc biệt, mảng du lịch phát triển nhất ở Thái Lan hiện nay là du lịch tâm linh, nói một cách chính xác đó là du lịch Phật giáo. Thị trường du lịch Phật giáo này hàng năm không chỉ thu hút một lượng lớn du khách quốc tế mà còn thúc đẩy mạnh du lịch nội địa và đóng góp lớn cho nền kinh tế các địa phương.

Chương trình tham quan đền, chùa ở Thái Lan đã được các công ty du lịch khai thác một cách hiệu quả. Đó là tour du lịch tham quan 9 ngôi chùa/ đền đại diện cho chín giá trị may mắn khác nhau mà mỗi con người muốn có được: Wat Suthat, Wat Chanasongkram, Wat Arun, City Pillar Shrine, Wat Kanlayanmit, Wat Rakhang, Wat Phra Kaeo, Wat Pho, Đền Chao Phor Sua. Bất kỳ du khách nào đặt chân lên đất Thái đều mong muốn tới tham quan những di tích này. Từ năm 2009 đến nay, hãng hàng không Thái Airways đã và đang cung cấp các chặng bay giới thiệu loại hình du lịch văn hóa và hành hương tới các địa điểm Phật giáo nổi tiếng trên tám nước Châu Á như tỉnh Surathani ở Thái Lan, Đá vàng ở Burma, địa điểm nơi Đức Phật giác ngộ ở Bodhgaya ở Ấn Độ. Việc này đã giúp thúc đẩy nhu cầu đi du lịch của du khách đồng thời đẩy mạnh trực tiếp loại hình du lịch tôn giáo tại Thái phát triển không chỉ ở trong nước mà còn trong phạm vi quốc tế.

Theo thông tin của Tổng Cục Du Lịch Thái Lan, “thiền” đang là một mảng du lịch tâm linh phát triển ở nước này, với số lượng du khách chủ yếu đến từ các quốc gia Mỹ, Canada, Anh, Đức, Nga, Tây Ban Nha, Hàn Quốc... Du khách có thể tham gia vào các lớp thiền hướng dẫn bằng tiếng Anh tại nhiều trung tâm hoặc chùa ở Bangkok hay tham gia vào các khóa học dài ngày và tập trung ở những khu vực yên tĩnh vắng vẻ tại các tỉnh nông thôn. Hiện trên khắp đất nước Thái Lan có tới 40 trung tâm thiền, chuyên về yoga, thiền và những điểm di tích được liệt kê vào danh mục địa điểm “thiền” trên khắp Thái Lan. Hầu hết các địa điểm này đều cung cấp

các khóa thiền bằng tiếng Anh cho du khách quốc tế. Bên cạnh đó, Tổng cục du lịch Thái Lan đã quảng bá Thiền như một phần của du lịch Phật giáo và cũng cho xuất bản một cẩm nang giới thiệu các địa điểm học Phật giáo trên khắp cả nước. Ngoài ra, việc thành lập website: www.dhammathai.org của đơn vị này có ý nghĩa quảng bá rất lớn cho các địa điểm thiền tại nước mình. Một tuyến du lịch tâm linh trên quy mô cả nước đã được hình thành, gọi là “ OM Buun Uun Jai” vào năm 2010 nhằm chào mừng kỷ niệm 50 năm thành lập Tổng Cục Du Lịch Thái Lan, với mục tiêu thúc đẩy du lịch văn hóa trong cộng đồng dân cư và mọi loại hình tâm linh khắp Thái Lan.

Tiểu kết chương 1

Du lịch tôn giáo là loại hình du lịch còn khá mới mẻ ở nước ta, nhưng trong những năm gần đây nó đã có được vị thế nhất định. Hiện nay chưa có một khái niệm chính xác nào về loại hình du lịch này được đưa ra, mà các nhà nghiên cứu mới chỉ đưa ra cách hiểu khái quát nhất. *“Du lịch tôn giáo là loại hình du lịch thực hiện các chương trình du lịch với điểm đến là chùa chiền, nhà thờ, thánh địa, thánh tích... nhằm mục đích thăm quan và tìm hiểu các giá trị văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo. Qua đó, con người có thể mở rộng sự hiểu biết hướng thiện, hòa hợp với thiên nhiên, nâng cao các giá trị tâm hồn, hiểu rõ về nguồn gốc tôn giáo, tín ngưỡng của mình”*.

Trong chương 1 tác giả đã nghiên cứu và đưa ra các khái niệm cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng, du lịch, du lịch tôn giáo, đặc điểm, điều kiện phát triển du lịch tôn giáo...cùng một số kinh nghiệm khai thác loại hình du lịch tôn giáo tại một số quốc gia điển hình ở Châu Á như: Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ.

Chương 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC LOẠI HÌNH DU LỊCH TÔN GIÁO TẠI NINH BÌNH

2.1. Tiềm năng phát triển du lịch tôn giáo tại Ninh Bình

2.1.1. Vị trí địa lý và tài nguyên du lịch tự nhiên.

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở cực Nam đồng bằng Bắc Bộ, 19°50' đến 20°27' độ Vĩ Bắc, 105°32' đến 106°27' độ Kinh Đông. Dãy núi Tam Điệp chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, làm ranh giới tự nhiên giữa hai tỉnh Ninh Bình và Thanh Hoá. Phía Đông và Đông Bắc, Ninh Bình có sông Đáy bao quanh, giáp với hai tỉnh Hà Nam và Nam Định, phía Bắc giáp tỉnh Hoà Bình, phía Nam là biển Đông. Quốc lộ 1A, Quốc lộ 10 và đường sắt Bắc Nam chạy qua tỉnh (<http://www.ninhbinh.gov.vn>)

Theo số liệu Cục Thống kê Ninh Bình thì tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh là 1.390 km² với dân số 93 vạn người, bao gồm 8 đơn vị hành chính; mật độ dân số đạt khoảng 675 người/km² thấp hơn mật độ trung bình của vùng. Có thể nói Ninh Bình đang nằm trong “thời kỳ dân số vàng”, là lợi thế không nhỏ để cung cấp nguồn lao động, thuận lợi trong quản lý và không gây sức ép lớn đối với phát triển kinh tế.

Ninh Bình lại nằm trên địa bàn trung chuyển của các hệ thống tự nhiên. Lãnh thổ của tỉnh ở rìa Tây Nam đồng bằng sông Hồng giáp với đồng bằng sông Mã (Thanh Hóa) qua vùng núi thấp Tam Điệp là phần cuối cùng phía Tây Nam của vùng núi Tây Bắc trong khu đệm Hòa Bình, Thanh Hóa và tiếp giáp với biển Đông (15-16 km) mà hàng năm vẫn tiến ra biển với tốc độ khoảng 80-100m.

So với các đơn vị hành chính trong cả nước, về mặt tự nhiên Ninh Bình là một tỉnh tập trung nhiều tiềm năng tự nhiên và nhân văn, có vị trí thuận lợi về giao thông để giao lưu và phát triển. Đó là tuyến đường bộ quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc – Nam xuyên Việt chạy qua. Với vị trí này Ninh Bình hoàn toàn có thể liên hệ dễ dàng với tất cả các tỉnh trong cả nước qua hai tuyến giao thông quan trọng này.

Ninh Bình còn là tỉnh phụ cận với thủ đô Hà Nội – một trung tâm văn hóa chính trị kinh tế lớn nhất Việt Nam nên Ninh Bình có điều kiện rất thuận lợi để mở rộng, giao lưu du lịch.

2.1.1.2. Tài nguyên du lịch tự nhiên

Địa hình Ninh Bình tương đối phong phú và đa dạng, bao gồm cả núi, đồng bằng, bờ biển. Với quá trình kiến tạo lâu dài của tự nhiên, Ninh Bình càng trở nên hấp dẫn với những hang động kỳ diệu ở Cố đô Hoa Lư, Tam Cốc – Bích Động, Tràng An... Ninh Bình có hệ thống hang động được coi như là những tài sản quý hiếm. Những hang động này có sự phong phú về hình thái và chủng loại. Mỗi hang động có sắc thái riêng biệt. Trong hang có thạch nhũ với nhiều hình dáng tuyệt đẹp đã tạo nên sự hấp dẫn đối với du khách trong nước cũng như du khách quốc tế.

Cùng với hệ thống hang động là những công trình kiến trúc lịch sử - văn hóa lâu đời làm nên một quần thể di tích hiếm có như: di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư; nhà thờ đá Phát Diệm; chùa Bái Đính...

Ninh Bình có rất nhiều con sông chảy qua (sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Vân...), có nhiều đầm hồ tạo nên nguồn nước ngọt, có nguồn nước khoáng chất lượng tốt, tập trung chủ yếu ở Cúc Phương (Nho Quan) và Kênh Gà (Gia Viễn) có thể khai thác phục vụ sinh hoạt và du lịch với trữ lượng lớn. Đặc biệt nước khoáng Kênh Gà có độ mặn, thường xuyên ở độ nóng $53\div 54^{\circ}\text{C}$. Nước suối phun mạnh và đều với lưu lượng $5\text{m}^3/\text{giờ}$. Nước khoáng này rất sạch, để lâu ngày không bị vẩn đục, thành phần hóa học tương ứng như nước suối Wesbaden (Đức) với các nguyên tố như: Na, K, Mg, Cl, S... tạo nhiều hợp chất muối nên có vị mặn chát và có giá trị đối với chữa bệnh ngoài da, bệnh đường ruột. Ngoài ra nước khoáng Cúc Phương có thành phần Magiê carbonat cao, sử dụng chế phẩm nước giải khát và chữa bệnh. Ngoài ra các tuyến đường giao thông, đường sắt, đường bộ, nối liền các danh lam thắng cảnh đã tạo điều kiện hình thành các tuyến du lịch hợp lý. Hệ thống cảng sông của Ninh Bình cơ bản đáp ứng được nhu cầu vận chuyển khách du lịch với nhiều loại hình, phương tiện khác nhau trong bán kính hoạt động xấp xỉ 100km.

Ninh Bình nằm trong hệ thống các tuyến điểm du lịch quan trọng của vùng du lịch Bắc Bộ nói chung và đồng bằng sông Hồng nói riêng. Đặc biệt Ninh Bình cách Hà Nội khoảng 90km trên tuyến đường giao thông quan trọng Bắc Nam nên là một trong những địa bàn nhận khách du lịch từ thủ đô Hà Nội.

Khí hậu của Ninh Bình nhìn chung tương đối thuận lợi cho hoạt động du lịch trong cả năm. Ninh Bình có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Thời tiết hàng năm chia thành 4 mùa rõ rệt là xuân, hạ, thu, đông. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C. Số lượng giờ nắng trong năm trung bình trên 1100 giờ. Lượng mưa trung bình/năm đạt 1.800mm. Tuy nhiên hoạt động du lịch ở Ninh Bình cũng chịu sự chi phối mạnh của thời tiết. Ví dụ vào các tháng đầu mùa đông (từ tháng 10 đến tháng Giêng) thời tiết rất thích hợp cho việc tham quan, nghiên cứu rừng quốc gia Cúc Phương vì rừng khô ráo, dễ đi lại. Tuy nhiên nếu du lịch tham quan hang động, đặc biệt là vào các hang luôn thì không phù hợp vào mùa mưa khi nước dâng cao mà chỉ phù hợp vào mùa thu.

So với các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Ninh Bình là tỉnh có diện tích rừng lớn nhất với khoảng 19.033ha, chiếm 23,5% diện tích rừng của vùng, chiếm 13,3% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Rừng tự nhiên có tổng diện tích là 13.633,2ha, trừ lượng gỗ 1,1 triệu m³, tập trung chủ yếu ở huyện Nho Quan. Rừng nguyên sinh Cúc Phương thuộc loại rừng nhiệt đới điển hình với hệ động thực vật đa dạng, phong phú

2.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội và tài nguyên du lịch nhân văn.

2.1.2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Ngoài những ưu đãi của thiên nhiên ban tặng, Ninh Bình còn có nhiều di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng với các loại hình kiến trúc, nghệ thuật, lịch sử, tín ngưỡng, tôn giáo và di tích lịch sử cách mạng rất phong phú. Sự đa dạng còn được thể hiện ở loại hình du lịch: Sinh thái, văn hoá, nghỉ dưỡng, mạo hiểm, thể thao. Nhiều di tích danh thắng đã trở thành điểm tham quan du lịch hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế. Thiên nhiên đã tạo cho Ninh Bình nhiều danh thắng kỳ vĩ, mật độ di tích và danh thắng tương đối dày, phân bố rộng khắp từ vùng đồi núi tới đồng bằng, ven biển. Trong nhóm các điểm du lịch danh lam thắng cảnh nổi tiếng

có khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, khu du lịch sinh thái Tràng An, khu bảo tồn thiên nhiên ngập nước Vân Long, chùa Địch Lộng, Hồ Yên Thắng... Trong các điểm du lịch di tích lịch sử - văn hoá tâm linh tiêu biểu có Cố đô Hoa Lư; chùa Bái Đính - chùa lớn nhất Việt Nam; quần thể nhà thờ Phát Diệm... Trong nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng ở Ninh Bình du khách có thể tìm đến hồ Đồng Chương, hồ Yên Thắng, khu nước khoáng Kênh Gà, khu Linh Cốc - Hải Nham, Thung Nắng... Trong nhóm các sản phẩm du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học ở Ninh Bình nổi bật có khu du lịch sinh thái Tràng An; Vườn quốc gia Cúc Phương; Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long. Những năm gần đây, nhiều điểm du lịch được đầu tư mạnh như: khu du lịch sinh thái Tràng An, khu du lịch tâm linh chùa Bái Đính, Cố Đô Hoa Lư, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long... đã tạo nên diện mạo mới cho du lịch Ninh Bình và thu hút hơn 3 triệu lượt khách du lịch/năm.

Theo các tài liệu địa chí thì dân số tỉnh Ninh Bình năm 1900 là 254.385 người. Năm 1933 là 303.950 người. Đến năm 2006 là 905.795 người. Hiện nay dân số của Ninh Bình khoảng 93 vạn người. Đại bộ phận người dân Ninh Bình sinh sống ở vùng đồng bằng, ven biển, tập trung đông tại các trung tâm hành chính thành phố, thị xã, thị trấn huyện lỵ.

Cộng đồng cư dân sinh sống trên đất Ninh Bình gồm 2 dân tộc là người Kinh và người Mường. Dân tộc Kinh sinh sống chủ yếu ở vùng đồng bằng, ven biển và các trung tâm hành chính của tỉnh, chiếm tới 95% dân số toàn tỉnh. Dân tộc Mường có 18.149 người sinh sống chủ yếu ở một số xã thuộc vùng núi huyện Nho Quan và một số ít ở thị xã Tam Điệp.

Xưa kia, người dân Ninh Bình theo đạo Phật là chính. Cố đô Hoa Lư đã từng là trung tâm Phật giáo của quốc gia Đại Cồ Việt dưới thời Đinh – Tiền Lê thế kỷ X. Năm 1627, Công giáo được truyền vào Ninh Bình. Từ đó người dân Ninh Bình theo hai tôn giáo chính là Phật giáo và Công giáo. Người dân theo đạo Phật ở hầu khắp các huyện, thị trấn, thị xã, thành phố, còn người dân theo Công giáo sống tập trung ở huyện Kim Sơn, một số ít ở các huyện, thành phố trong tỉnh.

Tuy mỗi dân tộc, tôn giáo ở Ninh Bình đều có những nét riêng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng tâm linh nhưng đều có chung bản sắc văn hóa dân gian truyền thống tạo nên giá trị lịch sử, văn hóa, phẩm chất của người dân Cố đô Hoa Lư.

Môi trường xã hội lành mạnh, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Ninh Bình luôn ổn định, chi phí sinh hoạt cũng như giá cả sản phẩm du lịch và dịch vụ ở mức trung bình là điều kiện hết sức thuận lợi để thu hút khách du lịch đến với Ninh Bình.

2.1.2.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

Ninh Bình là tỉnh có tài nguyên du lịch phong phú, với nhiều danh thắng du lịch hấp dẫn như: Khu du lịch sinh thái Tràng An, khu du lịch Tam Cốc – Bích Động; động Thiên Tôn (huyện Hoa Lư); núi Cánh Diều (núi Ngọc Mỹ Nhân); núi Dục Thúy (thành phố Ninh Bình); Khu du lịch bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long; khu du lịch suối nước khoáng nóng Kênh Gà (huyện Gia Viễn); khu bảo tồn thiên nhiên Vườn quốc gia Cúc Phương; động Vân Trình; hồ Đồng Chương (huyện Nho Quan)... Cùng với những danh thắng cảnh đó là các cụm, quần thể di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc nổi tiếng, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế như: Cố đô Hoa Lư; điện Thái Vi; chùa Địch Lộng; chùa Bái Đính; nhà thờ đá Phát Diệm; đền Nguyễn Công Trứ... Du lịch làng nghề và du lịch cảnh quan sinh thái nông nghiệp đồng bằng, cảnh quan sinh thái ven biển cũng là tiềm năng du lịch triển vọng phát triển của tỉnh như: làng nghề thêu ren Văn Lâm (xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư); làng nghề chạm khắc đá mỹ nghệ Xuân Vũ (xã Ninh Xuân, huyện Hoa Lư); các làng nghề sản xuất chiếu cói mỹ nghệ ở huyện Kim Sơn...

Đặc biệt tài nguyên du lịch văn hóa ở Ninh Bình đa dạng là điều kiện thuận lợi để Ninh Bình tổ chức khai thác tốt loại hình du lịch tôn giáo với những tài nguyên du lịch tôn giáo – tín ngưỡng và các lễ hội tiêu biểu như sau:

** Cố đô Hoa Lư*

Cố đô Hoa Lư là kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến trung ương tập quyền Việt Nam, ra đời cách đây hơn 10 thế kỷ, thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, cách thủ đô Hà Nội gần 100km về phía Nam. Cố đô Hoa Lư gắn liền với tên

tuổi Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành và Lý Thái Tổ. Đến thăm Cố đô Hoa Lư, du khách có dịp chiêm ngưỡng các công trình kiến trúc hoành tráng, nguy nga và những dấu tích của thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ của nước Đại Cồ Việt dưới triều Đinh – Tiền Lê – Lý. Trải qua biến thiên hơn 10 thế kỷ, các di tích lịch sử của kinh đô Hoa Lư hầu như bị tàn phá, đổ nát. Hiện nay, chỉ còn lại đền vua Đinh, vua Lê được xây dựng vào thế kỷ XVII. Đây thực sự là một điểm du lịch hấp dẫn của Ninh Bình có giá trị về lịch sử, kiến trúc, và văn hóa.

** Chùa Nhất Trụ*

Chùa Nhất Trụ tọa lạc ở thôn Yên Thành, xã Trường Yên, chỉ cách đền Lê Đại Hành về phía bắc 100m. Chùa được xây dựng từ đời Tiền Lê, qua nhiều lần trùng tu, đến nay còn khá nguyên vẹn. Trước cửa chùa có một cột kinh đá, do vua Lê Đại Hành (980 – 1005) tạo dựng vào năm 995 (niên hiệu Ứng Thiên thứ 2) để dâng Phật. Cột kinh đá có chiều cao tính từ tầng đến chóp là 4,16m, gồm sáu bộ phận đá được gá thành. Thứ nhất là một tầng đá hình vuông có chạm hình cánh sen. Thứ hai là đế tròn, trên to, dưới nhỏ. Thứ ba là thân cột hình bát giác bằng đá xanh nguyên khối cao 2,4m. Đây là bộ phận chính của cột kinh, tám mặt đều được mài nhẵn, khắc khoảng 2.500 chữ Hán nhưng nay đã mờ nhiều, chỉ còn đọc được khoảng 1.200 chữ. Nội dung của các bản khắc là Kinh Đà La Ni, Thủ Lăng Nghiêm và bài thần chú ca ngợi Đức Phật. Thứ tư là một thớt bát giác đặt trên cột kinh cao khoảng 13cm. Thứ năm là đầu tám cạnh và thứ sáu là chóp có hình một chiếc hồ lô thóp bụng, cổ dài, miệng tù, cao khoảng 80cm. Chóp cũ của cột kinh đã mất, hiện nay là chóp mới được thay.

Sáu bộ phận của cột kinh đều làm bằng đá, được gá lắp vào nhau bằng các lỗ mộng và ngỗng trong, không hề có chất kết dính. Đây là một công trình nghệ thuật độc đáo, thể hiện tính khoa học và tính nghệ thuật trong kiến trúc của các nghệ nhân xưa, cũng như trình độ thư pháp của cha ông ta.

** Chùa Bích Động*

Được xây dựng trên sườn núi Bích Động thuộc thôn Đạm Khê Trong, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Bích Động là một trong những danh thắng nổi tiếng nhất

của Ninh Bình, nằm trong dãy núi Ngũ Nhạc Sơn thuộc địa phận thôn Đạm Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Động này từng được mệnh danh là “Nam thiên đệ nhị động” (*động đẹp thứ nhì ở trời nam*).

Chùa Bích Động là một ngôi chùa có dáng vẻ trang nghiêm, cổ kính. Núi, động và chùa đan quyện, ẩn hiện hài hòa giữa những cây đại thụ xanh biếc làm cho cảnh trí ở đây càng thêm thâm nghiêm, huyền hoặc. Đây là điểm du lịch nằm trong tuyến du lịch Tam Cốc – Bích Động rất hấp dẫn khách trong và ngoài nước.

** Nhà thờ Phát Diệm*

Nhà thờ Phát Diệm cách Hà Nội 129km về phía nam, thuộc địa phận thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn. Tọa lạc trên một diện tích khoảng 22ha, khu thánh đường Phát Diệm là sự kết hợp hài hòa về nghệ thuật kiến trúc châu Âu và Á Đông, với phong cách kiến trúc độc đáo vừa lớn lao, vừa trọng điểm trải rộng trong không gian cùng với phong cảnh sơn thủy hữu tình, non xanh nước biếc vô cùng ngoạn mục.

Quần thể nhà thờ Phát Diệm là một công trình kiến trúc độc đáo, có một không hai ở Việt Nam, nguy nga, tráng lệ nhưng hài hòa với cảnh vật thiên nhiên, mang đậm phong cách kiến trúc Á Đông. Đây là thành quả của trí tuệ, công sức và sự cần cù của linh mục Trần Lục và các giáo dân trong mấy chục năm trời.

** Chùa Bái Đính – khu tâm linh lớn nhất Việt Nam*

Chùa Bái Đính gồm chùa Bái Đính cổ trên núi Bái Đính và khu chùa Bái Đính được xây dựng tọa lạc gần núi Bái Đính nằm trên khuôn viên rộng 700 ha với hơn 20 hạng mục công trình kiến trúc, thuộc thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn. Đây là ngôi chùa không chỉ có giá trị lớn về du lịch và còn là di tích mang đậm dấu ấn lịch sử cũng như ý nghĩa văn hóa tâm linh.

Các lễ hội truyền thống

Các lễ hội ở Ninh Bình được tổ chức chủ yếu vào mùa xuân, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc. Du khách đến tham quan Ninh Bình vào dịp lễ hội không chỉ được thưởng ngoạn, thỏa mãn nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng, cầu mong những điều tốt đẹp mà còn được biết đến những nét văn hóa đẹp về đất và người Ninh Bình.

** Lễ hội Trường Yên*

Hội Trường Yên (xã Trường Yên, huyện Hoa Lư) là lễ hội cổ truyền có quy mô lớn nhất tỉnh Ninh Bình. Hội được tổ chức để tưởng nhớ công đức của vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành.

Hội được mở vào dịp mừng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm. Hội Trường Yên có phần lễ và phần hội, gồm các nghi thức và trò diễn rước nước; tập trận cờ lau, “kéo chữ Thái Bình”, viết thư pháp, múa rồng...

** Lễ hội đền Thái Vi*

Hội được tổ chức hàng năm từ ngày 14 đến 16 tháng 3 âm lịch tại thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Đây là dịp để nhân dân Ninh Bình và nhân dân cả nước tưởng nhớ công lao của các vị vua nhà Trần.

Phần lễ được tiến hành dưới hai hình thức rước kiệu và tế còn phần hội thực sự là hoạt động vui chơi, giải trí của nhân dân và những người đến dự hội, với các trò: múa lân, múa rồng, đánh cờ người, đấu vật, bơi thuyền...

** Lễ hội chùa Bái Đính*

Hội được tổ chức vào ngày mùng 6 tháng Giêng âm lịch hàng năm tại thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn. Lễ hội chùa Bái Đính cũng gồm có hai phần là lễ và hội. Phần lễ thường tổ chức dâng hương, tưởng nhớ các vị anh hùng có công với nước với dân. Phần hội kéo dài 3 đến 5 ngày, tổ chức các trò chơi dân gian như: đánh cờ, đấu vật...

** Lễ hội đền Đức Thánh Nguyễn*

Đây là lễ hội được tổ chức tại hai xã Gia Tiên và Gia Thắng của huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, từ ngày 12 đến ngày 14 tháng Giêng âm lịch hàng năm, tưởng nhớ Thiền sư Nguyễn Minh Không, vị Quốc sư thời nhà Lý. Hội có phần tế lễ và các trò chơi như múa lân, múa rồng.

** Lễ hội đền Nguyễn Công Trứ*

Lễ hội được tổ chức trong ba ngày, từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 11 âm lịch tại đền Nguyễn Công Trứ thuộc xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn. Ngày 13 tế yết

cáo, ngày 14 tế chính kỵ, ngày 15 tế tạ. Phần hội có các trò chơi dân gian như múa lân, đấu vật, thi bơi chải trên sông Ân...

2.1.3. Khái quát về những điểm đến du lịch tôn giáo chính tại Ninh Bình

2.1.3.1. Quần thể khu du lịch Nhà thờ đá Phát Diệm

Nhà thờ chính tòa Phát Diệm (thường gọi là Nhà thờ đá Phát Diệm) là một quần thể nhà thờ Công giáo rộng khoảng 22 ha, nằm tại thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, cách Hà Nội khoảng 120 km về hướng Nam. Hiện nay, tỉnh Ninh Bình và các nhà nghiên cứu Nhật Bản đang hoàn thiện hồ sơ về kiến trúc nhà thờ Phát Diệm để đề nghị UNESCO công nhận nhà thờ Phát Diệm là di sản văn hóa thế giới. Nhà thờ đá Phát Diệm được báo chí đánh giá là một trong những nhà thờ đẹp nhất Việt Nam, được ví như "kinh đô công giáo" của Việt Nam. Đây là một công trình lớn, là nhà thờ chính tòa của giáo phận Phát Diệm rộng lớn ở phía bắc Việt Nam. Nhà thờ được xây dựng toàn bằng đá và gỗ. Nhà thờ Phát Diệm được khởi công vào năm 1875 và đến năm 1898 thì cơ bản hoàn thành. Nét độc đáo của công trình này ở chỗ: mặc dù là nhà thờ Công giáo nhưng được mô phỏng theo những nét kiến trúc đình chùa truyền thống của Việt Nam. Quần thể kiến trúc này được chủ trì xây dựng dần dần bởi linh mục Phêrô Trần Lục (còn gọi là cụ Sáu) - linh mục ở giáo phận Phát Diệm từ năm 1865) và các giáo dân Công giáo trong hơn 30 năm.

Nhà thờ được xây dựng với trình độ kỹ thuật và điều kiện giao thông của những năm cuối thế kỷ 19. Từ hướng Nam đi vào nhà thờ Phát Diệm gồm các phần: Ao hồ, Phương Đình, Nhà thờ lớn, ba hang đá nhân tạo và nhà thờ đá. Quần thể nhà thờ Phát Diệm gồm 1 nhà thờ lớn và 5 nhà thờ nhỏ (trong đó có một nhà thờ được xây dựng bằng đá tự nhiên, được gọi là nhà thờ đá), 1 phương đình (nhà chuông), ao hồ và 3 hang đá nhân tạo. Theo ông Nguyễn Văn Giao, hướng dẫn viên phục vụ nhà thờ cho biết: "Nói công trình này giống đình chùa là rất đúng. Cha Trần Lục - người kiến trúc sư của công trình có mong muốn rằng, qua công trình này nói lên tính chất hòa hợp và sự hội nhập giữa đạo Công giáo với nền văn hóa kiến trúc của dân tộc cũng như sự hòa hợp giữa Công giáo với các tôn giáo khác ở Việt Nam.

2.1.3.2. Chùa Bái Đính

Chùa Bái Đính là một quần thể chùa bao gồm một khu chùa cổ và một khu chùa mới. Quần thể chùa này nằm trên núi Bái Đính thuộc địa phận xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Ngọn núi này nằm cách khu di tích cố đô Hoa Lư 5 km về phía tây bắc và cách thành phố Ninh Bình khoảng 20 km, cách Hà Nội trên 100 km về phía nam.

Khu chùa Bái Đính cổ tương truyền là do thiền sư Nguyễn Minh Không xây dựng dưới thời nhà Lý. Ngôi chùa đã được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào năm 1997. Khu chùa Bái Đính mới được xây dựng tại đồi Ba Rau, gần chùa Bái Đính cổ. Chùa mới bắt đầu được xây dựng vào năm 2003 để chào đón sự kiện 1000 năm Thăng Long – Hà Nội. Ngôi chùa mới là sự mô phỏng lại chùa cổ nhưng quy mô lớn hơn và hiện được xem là ngôi chùa lớn nhất Đông Nam Á.

Núi Bái Đính nằm trong không gian Phật giáo qua các triều đại. Nó nằm trên dải đất áp kề trung tâm Phật giáo thời Đinh – Tiền Lê và buổi đầu của nhà Lý. Trong không gian thiêng của cố đô Hoa Lư và sau này là một không gian thiêng của các đền, chùa, miếu mạo được xây dựng tiêu biểu có thể kể đến: Am Tiên (động thờ Phật thời Lý); Viên Quang Tự và đền thánh Nguyễn Minh Không (hai di tích này nay thuộc hai xã Gia Tiên và Gia Thắng, huyện Gia Viễn); chùa Địch Lộng (nằm ở xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn); đền Vực Vông (nằm ở dãy núi phía đông bắc Bái Đính thuộc thôn Diêm Thượng, làng Chi Phong, Trường Yên, Hoa Lư); chùa Bích Động (thuộc thôn Đạm Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư); chùa Kim Cương – tháp Hiền Diệu (thôn Áng Sơn, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư); đền Thái Vi (thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư).

Không gian thiêng của quần thể chùa Bái Đính còn được biểu hiện ở thế đất lập chùa. Người xưa chọn thế đất dựng chùa không chỉ là để hướng về cõi hư vô mà còn hướng về nơi sinh sôi nảy nở. Theo quan niệm truyền thống, đất tốt là đất bên trái trống không hoặc có sông hồ bao bọc, bên phải cao dày, trước mặt có minh đường và phía sau có núi áp kề. Chùa Bái Đính cổ nằm trên đỉnh núi Đính – tượng dương, chùa Bái Đính mới dưới chân núi – tượng âm. Chùa được xây dựng theo

thuyết phong thủy cổ “tiền thủy hậu sơn”: phía trước nhìn gần là Hồ Đàm Thị, nhìn xa có sông Hoàng Long; phía sau có núi Cửa Ui, núi Long Ân và núi Trư Sơn.

Ngoài ra, chùa Bái Đính còn mang giá trị văn hóa tâm linh sâu sắc. Theo tương truyền trong dân gian do có vị trí đặc địa, núi Bái Đính từ xa xưa đã từng là không gian lễ bái, phong hầu bái tướng. Nơi đây từng nằm trong không gian thiêng của trung tâm Phật Giáo từ thời Đinh – Tiền Lê, đặc biệt khi chùa Bái Đính cổ được Quốc sư Nguyễn Minh Không xây dựng dưới triều đại nhà Lý thì đây đã thực sự trở thành một không gian thiêng của tôn giáo, tín ngưỡng, thu hút đông đảo nhân dân địa phương và các vùng lân cận đến chiêm bái, cầu khẩn. Chùa Bái Đính cổ là nơi thờ cả Phật – Thần – Tiên. Động thờ Phật (hay còn được gọi là chùa Hang) nằm trong hang Sáng, tương truyền trong động trước kia có rất nhiều tượng Phật nhưng do hang sâu, hơi nước của động đá vôi nên không còn nữa. Sau này, người ta đúc tượng Phật bằng nguyên khối mạ vàng để thờ. Chùa Bái Đính cổ thờ thần Cao Sơn, thánh Nguyễn Minh Không và Tam tòa Thánh Mẫu. Chùa là biểu tượng tiêu biểu, tập trung và rực rỡ nhất của sự dung hòa tôn giáo và tín ngưỡng dân gian của người Việt: Đạo Phật, Đạo Giáo và Đạo Mẫu.

Sự kết hợp các giá trị tín ngưỡng trong không gian của quần thể chùa Bái Đính đã đạt đến đỉnh cao trong tín ngưỡng tâm linh của người Việt, đáp ứng các yếu tố đời sống con người với cõi tâm linh, vừa thờ các vị thánh thần, vừa thờ Phật, nhằm giải tỏa tâm lý của con người. Chùa Bái Đính cổ là sự dung hòa của tôn giáo và tín ngưỡng dân gian của người Việt bao đời nay, bên cạnh thờ Phật, ngôi chùa còn thờ Thần – Tiên. Chùa Bái Đính mới lại được coi là trung tâm mới của Phật giáo ở nước ta thế kỷ XXI. Đây vừa là sự tiếp nối vừa là sự phát triển đến đỉnh cao của yếu tố tâm linh ở Ninh Bình nói riêng và cả nước nói chung, nó còn là biểu tượng rực rỡ của văn hóa tâm linh trong thời đại mới. Đặc biệt năm 2011, chùa Bái Đính diễn ra sự kiện văn hóa tâm linh lớn, đó là đại lễ cung nghinh đón “Ngọc Xá Lị”. Sự kiện này càng làm tăng giá trị về yếu tố văn hóa tâm linh tại quần thể chùa Bái Đính, tạo điều kiện thuận lợi để loại hình du lịch tâm linh ra đời và phát triển.

2.2. Thực trạng khai thác hoạt động du lịch tôn giáo tại Ninh Bình

2.2.1. Sản phẩm du lịch tôn giáo tại Ninh Bình

Di tích lịch sử - văn hóa là tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hóa lâu đời của dân tộc, là những chứng tích vật chất phản ánh sâu sắc nhất về đặc trưng văn hóa, cội nguồn và truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước hào hùng của dân tộc Việt Nam đồng thời là bộ phận cấu thành kho tàng di sản văn hóa nhân loại.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có 1499 di tích văn hóa trong đó 210 di tích được xếp hạng cấp tỉnh, 79 di tích cấp quốc gia trong đó có 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt. Các điểm di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu như: nhà thờ đá Phát Diệm; chùa Bái Đính. Đây được coi là những điểm nhấn quan trọng trong phát triển du lịch tôn giáo của tỉnh Ninh Bình, thu hút lượng khách lớn, góp phần nâng cao đời sống cộng đồng, phát triển kinh tế địa phương.

Tuy nhiên, việc phát triển du lịch tại các điểm di tích tôn giáo của tỉnh Ninh Bình vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:

Những điểm du lịch lớn, có giá trị tôn giáo tiêu biểu như: nhà thờ đá Phát Diệm, chùa Bái Đính được sự quan tâm đầu tư, tôn tạo và quy hoạch đã trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút hàng triệu lượt khách tham quan hàng năm. Nhưng bên cạnh đó một số di tích khác cũng có giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh thì chưa được khai thác tương xứng với tiềm năng nên chủ yếu chỉ thu hút được cộng đồng địa phương đến hành lễ. Khách du lịch hầu như không có hoặc rất ít đến những di tích lịch sử - văn hóa này như: Chùa Địch Lộng, Chùa Phúc Chính, Chùa Bích Động., nhà thờ Đổ. Điều này có lẽ là do các di tích lịch tôn giáo này quy mô không lớn, thiếu sự đầu tư tôn tạo di tích, hệ thống giao thông đi lại còn hạn chế nên khó liên kết với các điểm du lịch hấp dẫn khác. Vì vậy du lịch ở đây chưa thực sự phát triển.

Công tác vệ sinh môi trường nhiều nơi vẫn chưa được chú ý: rác thải của cộng đồng và khách du lịch không được thu gom kịp thời, vị trí, hình dáng và màu sắc của nhiều thùng rác chưa hợp lý và phù hợp với không gian cảnh quan như tại chùa Bái Đính, chùa Bích Động...

Các dịch vụ cơ bản tại các điểm du lịch như chụp ảnh, bán hàng lưu niệm, phục vụ nhu cầu ăn uống, nghỉ ngơi, phát triển với số lượng khá nhanh nhưng chưa đa dạng và chuyên nghiệp. Các mặt hàng lưu niệm như quần áo, các loại vòng, đồ chơi trẻ em, mũ, dép, bánh kẹo, phần lớn mang tính phổ thông, thiếu sự khác biệt và dấu ấn thương hiệu cho từng điểm đến do đó chưa tạo được ấn tượng thu hút khách du khách mua sắm.

Tại nhiều điểm di tích, đội ngũ thuyết minh viên còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của du khách. Chùa Bái Đính là điểm di tích quốc gia đặc biệt, là một trong những trọng điểm du lịch tôn giáo của tỉnh Ninh Bình nên số lượng và chất lượng thuyết minh viên được đảm bảo. Tuy nhiên, hoạt động hướng dẫn chủ yếu phục vụ khách nội địa, phần lớn khách quốc tế đến tham quan không sử dụng hướng dẫn tại điểm. Bên cạnh đó, nội dung bài thuyết minh tập trung giới thiệu về sự kiện lịch sử, nhân vật (những thông tin du khách dễ dàng tìm kiếm thông qua phương tiện thông tin đại chúng) mà chưa thực sự chú ý thuyết minh những nét độc đáo trong kiến trúc, điêu khắc và tạo hình tại của ngôi chùa. Do đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện đội ngũ thuyết minh viên chưa có sự quản lý chặt chẽ, hoạt động tự phát theo khả năng của cộng đồng nên chất lượng về chuyên môn và nghiệp vụ còn rất hạn chế. Nhà thờ đá Phát Diệm là một công trình kiến trúc tôn giáo độc đáo. Đến đây, du khách sẽ được tìm hiểu nét độc đáo trong kiến trúc, lịch sử hình thành nhà thờ, giáo lý Thiên Chúa giáo thông qua sự hướng dẫn của các cha xứ. Tuy nhiên số lượng các cha xứ làm thuyết minh còn hạn chế, khó đáp ứng được hết nhu cầu của đoàn khách vào những dịp cao điểm.

Để khắc phục, trong thời gian vừa qua, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình đã tổ chức đào tạo và cấp giấy chứng nhận cho 36 thuyết minh viên tại Bái Đính. Bên cạnh những điểm du lịch văn hóa lớn trên, tại các điểm di tích khác, phần lớn khách du lịch tự tham quan khám phá hoặc tìm hiểu dưới sự thuyết minh khái quát của hướng dẫn viên suốt tuyến.

Du lịch phát triển góp phần tạo công ăn việc làm và thu nhập cho cộng đồng địa phương. Dù vậy, hoạt động tham gia du lịch của cộng đồng địa phương tại các

điểm chưa mang tính bền vững, vẫn còn hiện tượng chèo kéo (tại Bái Đính), ăn xin (nhà thờ đá Phát Diệm, chùa Nhất Trụ - cố đô Hoa Lư).

Các chương trình du lịch tôn giáo ở Ninh Bình hầu như mới khai thác ở mức độ thấp. Đa phần là các chương trình mới chỉ dừng lại ở tham quan, chiêm bái, hành lễ, tìm hiểu cội nguồn tôn giáo, văn hóa, kiến trúc... mà chưa có những hoạt động mang sắc thái riêng, đặc trưng, hấp dẫn của loại hình du lịch tôn giáo như: những khóa thiền, yoga, khí công hoặc những chuyến hành hương, cầu bái, hành lễ có quy mô tổ chức bài bản, để đáp ứng nhu cầu của du khách tôn giáo. Do đó, du lịch tôn giáo tại Ninh Bình nhiều khi được hiểu là du lịch lễ hội, du lịch văn hóa. Sản phẩm của du lịch tôn giáo nhiều khi cũng được đồng nghĩa với sản phẩm du lịch lễ hội, du lịch văn hóa.

Bảng 2.1: Một số chương trình du lịch tôn giáo và du lịch tôn giáo kết hợp đang được khai thác tại Ninh Bình

T T	Chương trình	Thời gian	Phương tiện
1	Tham quan khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính	Trong ngày	Ô tô
2	Hà Nam - Tam Cốc – Bích Động – Nhà thờ đá Phát Diệm – Hà Nam	Trong ngày	Ô tô
3	Hà Nội - Tam Cốc - Bích Động – Bái Đính - Hà Nội	Trong ngày	Ô tô
4	Hà Nội - Bái Đính - Kênh Gà – Vân Trình – Hà Nội	Trong ngày	Ô tô
5	Tham quan Bái Đính – Vân Long	Trong ngày	Ô tô
6	Tham quan Bái Đính – Tam Cốc Bích Động	Trong ngày	Ô tô
7	Tham quan Bái Đính – Tràng An	Trong ngày	Ô tô
8	Quảng Ninh - Phát Diệm – Tràng An – Cố đô Hoa Lư – Kênh Gà - Quảng Ninh	2ngày/1đêm	Ô tô
9	Hà Nội - Cúc Phương – Hồ Đồng Chương – Bái Đính – Hoa Lư – Hà Nội	2ngày/1đêm	Ô tô
10	Hà Nam – VQG Cúc Phương – Bái Đính – Vân Long - Hà Nam	2ngày/1đêm	Ô tô
11	Hải Phòng - Tràng An – Bái Đính – Hoa Lư – Tam Cốc Bích Động – Phát Diệm – Hải Phòng	2ngày/1đêm	Ô tô
12	Hà Nội - Kênh Gà – động Vân Trình – Vân Long – nhà thờ đá Phát Diệm –Tràng An– Bái Đính – Hoa Lư – Hà Nội	3ngày/2đêm	Ô tô

2.2.2. Khách du lịch tôn giáo

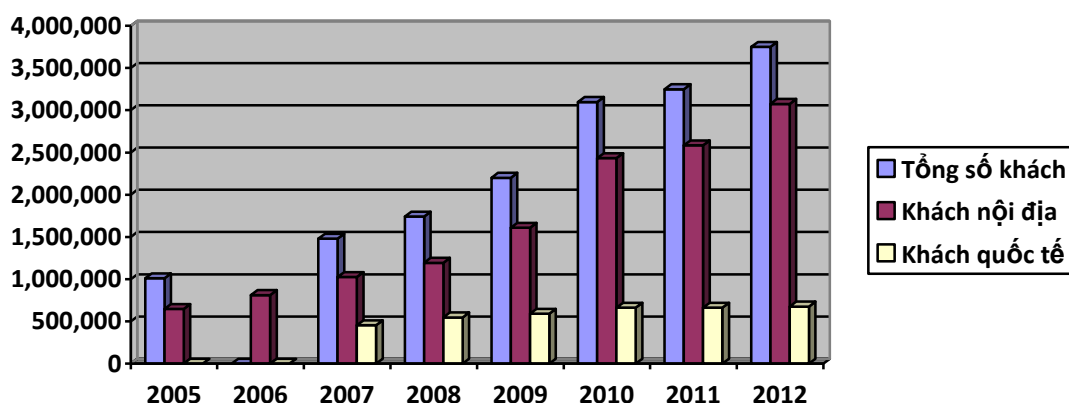
2.2.2.1. Số lượng khách du lịch tôn giáo

Trong những năm gần đây, do có sự đầu tư lớn và đưa vào khai thác một số điểm du lịch mới mà ngành du lịch Ninh Bình có bước phát triển nhanh. Lượng khách du lịch đến với Ninh Bình ngày một tăng. Điều này có thể thấy qua bảng số liệu khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn từ năm 2005 – 2013.

Bảng 2.2: Số lượng khách du lịch đến Ninh Bình giai đoạn từ năm 2005-2013
(Đơn vị: Lượt khách)

Năm	Tổng số khách	Khách nội địa	Khách quốc tế
2005	1.010.700	648.400	362.300
2006	1.186.988	811.971	375.017
2007	1.480.362	1.025.753	454.609
2008	1.741.602	1.193.464	548.138
2009	2.199.975	1.608.572	591.403
2010	3.096.589	2.433.305	663.284
2011	3.247.888	2.584.724	663.164
2012	3.750.000	3.074.430	675.570
2013	4.398.767	3.877.219	512.548

(Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình)



Biểu đồ 2.1: Số lượng khách du lịch Ninh Bình giai đoạn từ năm 2005 -2012

(Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình)

Qua bảng số liệu thống kê và biểu đồ về lượng khách đến Ninh Bình từ năm 2005 đến năm 2012, có thể thấy: số lượng khách du lịch đến Ninh Bình tăng nhanh và liên tục. Trong giai đoạn 2005- 2013, lượng khách tăng gấp 4,3 lần từ 1.010.700 lượt khách (năm 2005) lên tới 4,398,767 lượt khách (năm 2013), với mức tăng bình quân khoảng 21,9%/năm. Trong đó, chủ yếu là khách du lịch nội địa tăng gần 4,7 lần và hàng năm vẫn chiếm khoảng trên 70% trong tổng số lượng khách du lịch đến Ninh Bình.

Tuy nhiên, số lượng du khách gia tăng không đều nhau ở các năm. Có sự chênh lệch về số lượng du khách này là do giai đoạn từ năm 2009 - 2010 có sự gia tăng đột biến về số lượng khách đến với các điểm du lịch mới được đưa vào phục vụ du lịch như khu du lịch Tràng An – Bái Đính. Đồng thời Ninh Bình cũng là tỉnh được quan tâm đầu tư và lựa chọn là điểm đến du lịch trong đại lễ kỷ niệm nghìn năm Thăng Long - Hà Nội (10/2010), nên cũng có sức hấp dẫn đối với khách du lịch. Đặc biệt số lượng khách nội địa năm 2010 tăng nhanh chóng (tăng 51,2% so với năm 2009).

Số lượng khách du lịch tôn giáo phụ thuộc nhiều vào số lượng khách đến các điểm du lịch tôn giáo trên địa bàn tỉnh nên số lượng này chỉ mang tính tương đối. Một số điểm du lịch của tỉnh có sự kết hợp của tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn như khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, quần thể du lịch sinh thái Tràng An – Bái Đính... nên khó có thể phân định rõ ranh giới giữa khách du lịch tôn giáo và các loại hình du lịch khác. Thêm vào đó khách du lịch đến Ninh Bình thường đi với mục đích kết hợp chứ ít đi du lịch tôn giáo thuần túy.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối năm 2007 đầu năm 2008 có ảnh hưởng đến mọi quốc gia, mọi vùng lãnh thổ nhưng lượng khách đến Ninh Bình trong thời gian này vẫn tăng. Nguyên nhân là do năm 2008 một số các điểm du lịch mới được đưa vào khai thác như khu du lịch sinh thái Tràng An, khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính đã có sự thu hút khách du lịch. Tuy nhiên tính mùa vụ trong du lịch có ảnh hưởng đáng kể tới số lượng khách du lịch đến Ninh Bình. Thời điểm tập trung đông khách du lịch là khoảng thời gian tháng Giêng đến tháng Ba hàng

năm với loại hình du lịch lễ hội kết hợp tham quan các danh lam, thắng cảnh. Đặc biệt lễ hội chùa Bái Đính luôn có sự gia tăng đột biến về số lượng khách vào mùa hội so với các thời gian khác trong năm.

Qua khảo sát với đối tượng là 200 khách du lịch nội địa đến Ninh Bình thì chủ yếu khách đến Ninh Bình với hoạt động du lịch sinh thái chiếm 55,5% số lượt lựa chọn, tiếp theo là hoạt động du lịch tôn giáo chiếm 30% số lượt lựa chọn. Các hoạt động du lịch còn lại có tỷ lệ tương đối đồng đều và thấp.

Đối với khách quốc tế, đa số họ lựa chọn cả hai hoạt động du lịch sinh thái và hoạt động du lịch tôn giáo (hoạt động du lịch văn hóa). Tuy nhiên khách quốc tế tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất. Các hoạt động du lịch khác chiếm tỷ lệ không cao.

Như vậy, qua kết quả điều tra có thể thấy hoạt động du lịch sinh thái và hoạt động du lịch tôn giáo là hai hoạt động được du khách quốc tế và nội địa lựa chọn nhiều nhất khi đến Ninh Bình. Trong đó, hoạt động du lịch tôn giáo vẫn chiếm một vai trò quan trọng bởi trong các điểm du lịch của tỉnh luôn hàm chứa không nhỏ các giá trị văn hóa.

Hoạt động du lịch tôn giáo được khách lựa chọn, quan tâm là một dấu hiệu tốt cho du lịch Ninh Bình phát huy được giá trị văn hóa trong hoạt động du lịch, góp phần đa dạng hóa loại hình du lịch, thu hút khách du lịch gia tăng trong thời gian tới.

2.2.2.2. Thị trường khách du lịch tôn giáo

a) Thị phần khách du lịch tôn giáo

Hiện nay thị trường nguồn khách nội địa chủ yếu của Ninh Bình là trung tâm du lịch Hà Nội, trung tâm du lịch Quảng Ninh - Hải Phòng và một số địa phương lân cận như Nam Định, Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An... Phần lớn khách nội địa đến Ninh Bình là cán bộ công chức, viên chức nhà nước trong độ tuổi từ 25 - 50 tuổi, với mục đích du lịch thuần túy, thời gian lưu trú qua đêm ngắn. Khách du lịch nội địa chủ yếu đến từ những thị trường cách Ninh Bình khoảng trên dưới 100km, do đó khách thường tham quan trong ngày là chủ yếu, ít lưu trú qua đêm.

Theo kết quả điều tra, khảo sát về đối tượng khách du lịch đến Ninh Bình, thì khách du lịch biết đến Ninh Bình chủ yếu qua các kênh thông tin sau:

Bảng 2.3: Hình thức tìm kiếm thông tin về du lịch Ninh Bình của khách nội địa

(ĐVT: %)

Khách nội địa đến du lịch Ninh Bình qua nguồn thông tin			
		Tần suất	Tỷ lệ %
Nguồn thông tin	<i>Internet</i>	67	33,5
	<i>Trung tâm du lịch</i>	36	18,0
	<i>Người quen, người thân</i>	77	38,5
	<i>Nguồn khác</i>	20	10,0
Tổng		200	100

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình, 11/2013)

Theo bảng thống kê, khách biết đến du lịch Ninh Bình qua kênh thông tin người thân, người quen chiếm tỷ lệ 38,5% và Internet cũng chiếm tỷ lệ cao chiếm 33,5%, qua trung tâm du lịch chiếm 18% còn lại là qua các kênh thông tin khác. Kết quả này cho chúng ta thấy khách du lịch nội địa đến Ninh Bình thường tìm thông tin thông qua giới thiệu của người thân sống tại Ninh Bình hoặc đã từng đến du lịch tại Ninh Bình.

Bảng 2.4: Hình thức tìm kiếm thông tin du lịch Ninh Bình của khách quốc tế

(ĐVT: %)

Khách quốc tế biết đến Ninh Bình qua nguồn thông tin			
		Tần suất	Tỷ lệ %
Nguồn thông tin	<i>Internet</i>	58	58
	<i>Trung tâm du lịch</i>	37	37
	<i>Người thân/người quen</i>	22	22
	<i>Nguồn khác (sách du lịch, tạp chí du lịch...)</i>	20	20

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình, 11/2013)

Qua kết quả khảo sát khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình, có thể nhận thấy họ biết đến Ninh Bình chủ yếu thông qua internet, chiếm tỷ lệ khá cao 58%; 37% khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình qua các trung tâm du lịch; 22% qua người thân, người quen; 20% qua các nguồn khác. Như vậy, kênh xúc tiến hiệu quả nhất đối với khách du lịch quốc tế vẫn là qua internet và trung tâm du lịch.

Cũng theo kết quả nghiên cứu điều tra về thị trường khách du lịch của các khách sạn nhà hàng trên địa bàn tỉnh: khách đến từ châu Âu chủ yếu là từ các quốc gia như Pháp, Đức, Australia, Anh. Khách đến từ châu Á chủ yếu là Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông. Để các hoạt động xúc tiến du lịch có hiệu quả, cần phải nghiên cứu kỹ đối tượng khách du lịch các thị trường này, từ đó có các kênh xúc tiến thích hợp.

Bên cạnh nguồn khách đến Ninh Bình thì thời gian lưu trú của khách du lịch đến với Ninh Bình cũng là vấn đề cần lưu tâm.

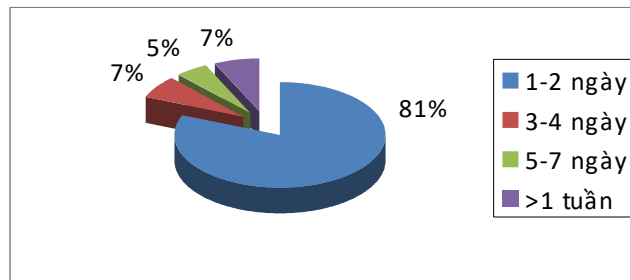
Bảng 2.5: Thời gian lưu trú của khách du lịch đến Ninh Bình

(ĐVT: ngày)

Năm	Tổng số ngày khách lưu trú	Khách trong nước	Khách quốc tế
2005	88.200	76.706	11.440
2008	246.197	210.273	35.925
2009	324.465	275.999	48.466
2010	356.038	284.310	71.728
2011	376.237	300.895	75.342

(Nguồn: Niên giám thống kê, Cục thống kê Ninh Bình)

Có thể thấy số ngày lưu trú của du khách đến Ninh Bình qua các năm từ năm 2005 – 2011 luôn có sự tăng trưởng liên tục, cả ở thị trường khách trong nước và khách quốc tế. Tuy nhiên so với số lượng khách đến thì số ngày khách lưu trú tại Ninh Bình chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Năm 2011 có hơn 3,2 triệu lượt khách mà số ngày lưu trú mới là 376.237 ngày. Điều này cho thấy số lượng du khách lưu trú tại Ninh Bình còn rất hạn chế. Đặc biệt qua khảo sát đối tượng khách quốc tế có thời gian lưu trú tại Ninh Bình cho thấy:



Biểu đồ 2.2: Thời gian lưu trú của khách quốc tế đến Ninh Bình

(ĐVT: Ngày)

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình, 11/2013)

Như vậy, khách quốc tế có thời gian lưu trú tại Ninh Bình chủ yếu từ 1-2 ngày chiếm 81% . Còn các thời gian từ 3- 4 ngày, 5- 7 ngày và hơn 1 tuần chiếm tỷ lệ nhỏ và khoảng 5% - 7%. Nguyên nhân là đại đa số khách du lịch quốc tế sang Việt Nam đi theo tour của các công ty du lịch, nên thời gian lưu trú tại Ninh Bình không nhiều. Ngoài ra, do Ninh Bình có khoảng cách gần với các thị trường du lịch lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, v.v... nên lượng khách lựa chọn lưu trú tại Ninh Bình không nhiều. Hơn nữa, khoảng cách di chuyển giữa các điểm du lịch trong tỉnh tương đối ngắn, điều này dẫn đến thời gian dành cho các chương trình du lịch giảm xuống đáng kể. Bên cạnh đó, mức độ đa dạng của dịch vụ bổ sung còn hạn chế, chưa đủ sức lưu giữ khách lâu hơn. Bởi vậy, Ninh Bình cần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, bổ sung thêm các dịch vụ vui chơi giải trí, xây dựng các chương trình du lịch đặc thù... thì trong thời gian tới Ninh Bình mới có thể kéo dài thời gian lưu trú của khách, tăng doanh thu từ hoạt động du lịch.

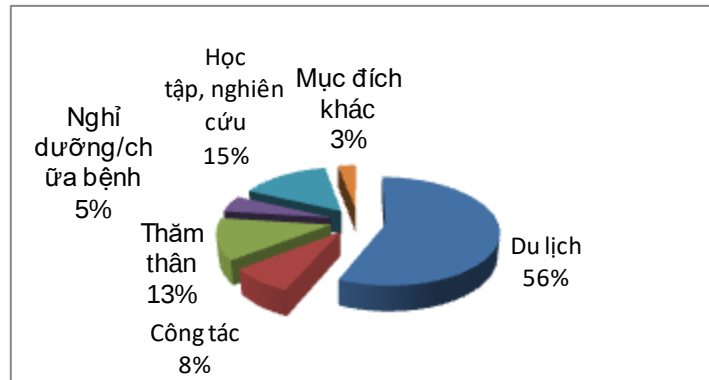
b) Mục đích chuyến đi của khách du lịch tôn giáo tại Ninh Bình.

Khách du lịch tôn giáo tại Ninh Bình có mục đích chuyến đi chủ yếu là mục đích du lịch tôn giáo thuần túy, các mục đích kết hợp khác như kết hợp công tác, học tập, nghiên cứu, chữa bệnh... chiếm tỷ lệ nhỏ.

Bảng 2.6: Mục đích của khách du lịch nội địa đến Ninh Bình

Mục đích	Tần suất(lượt lựa chọn)	Tỷ lệ(%)
Đi du lịch	113	56,5
Đi công tác	16	8,0
Thăm người thân/ người quen	25	12,5
Nghỉ dưỡng, chữa bệnh	10	5,0
Học tập, nghiên cứu	30	15,0
Mục đích khác	6	3,0
Tổng	200	100

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình, 11/2013)



Biểu đồ 2.3: Cơ cấu mục đích khách du lịch nội địa đến Ninh Bình

(Đơn vị tính: %)

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình, 10/2013)

Qua số liệu khảo sát cho thấy khách du lịch nội địa đến Ninh Bình chủ yếu là mục đích du lịch thuần túy, chiếm 56,5% trong tổng số khách du lịch được hỏi. Ngoài ra khách du lịch đến Ninh Bình còn với mục đích khác, trong đó có kết hợp với mục đích học tập, nghiên cứu chiếm 15%; đi thăm thân chiếm 12,5%; đi công tác chiếm 8%; đi nghỉ dưỡng, chữa bệnh chiếm 5%; các mục đích khác chiếm 3%.

Do khách du lịch nội địa đi du lịch với mục đích du lịch thuần túy chiếm ưu thế lớn nên chất lượng dịch vụ du lịch cần được quan tâm, đáp ứng tốt nhu cầu của khách du lịch phổ thông, đồng thời cũng cần đa dạng hóa các loại dịch vụ để đáp ứng được các mức chi phí khác nhau của du khách. Với du khách có mục đích du lịch

thuần túy, nhu cầu đặc trưng vẫn là lựa chọn điểm đến hấp dẫn và tiêu dùng những dịch vụ phù hợp với khả năng thanh toán.

Tuy nhiên, với đối tượng khách quốc tế đến Ninh Bình thì mục đích đi du lịch lại có sự khác biệt so với khách nội địa. Điều này được thể hiện thông qua bảng mục đích chuyến đi của khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình.

Bảng 2.7: Mục đích chuyến đi của khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình
(ĐVT: %)

Mục đích	Tỷ lệ
Đi du lịch	73
Đi công tác	13
Thăm người thân/ quen	1
Nghỉ dưỡng, chữa bệnh	2
Học tập, nghiên cứu	11

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình, 10/2013)

Qua khảo sát 100 đối tượng khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình thì mục đích đi du lịch thuần túy vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất 73%. Ngoài ra khách du lịch quốc tế đến với Ninh Bình còn có mục đích đi công tác là 13%; mục đích học tập nghiên cứu là 11%. Các mục đích khác chiếm một tỷ lệ không đáng kể.

Như vậy mục đích du lịch thuần túy của khách du lịch quốc tế và khách du lịch nội địa có sự tương đồng với nhau. Tuy nhiên với khách quốc tế, mục đích chuyến đi là học tập, nghiên cứu và công tác chiếm tỷ lệ cao hơn so với khách nội địa. Một trong những nguyên nhân đó là do khách quốc tế là thương nhân sang Việt Nam tìm cơ hội thị trường mới.

2.2.3. Doanh thu và cơ cấu doanh thu du lịch tôn giáo

2.2.3.1. Doanh thu

*Bảng 2.8: Doanh thu và nộp ngân sách của ngành du lịch Ninh Bình
giai đoạn từ năm 2005 -2013*

(ĐVT: Triệu đồng)

Năm	Doanh thu toàn ngành Du lịch	Nộp ngân sách
2005	63.180	7.463
2006	87.997	8.633
2007	109.012	10.512
2008	162.100	16.150
2009	250.130	25.350
2010	551.427	55.000
2011	655.239	65.500
2012	778.957	70.800
2013	897. 446	89.500

(Nguồn: Niên giám thống kê, Cục thống kê Ninh Bình, tháng 10/2013)

Doanh thu và nộp ngân sách của ngành du lịch Ninh Bình trong giai đoạn từ năm 2005 – 2013 có mức độ tăng trưởng nhanh và liên tục. Trong vòng 9 năm doanh thu của toàn ngành du lịch tăng gấp 14,2 lần và nộp ngân sách tăng gấp 11,9 lần. Trong giai đoạn này, ngành du lịch Ninh Bình có mức phát triển nhanh chóng doanh thu tăng bình quân 43,5% /năm. Đặc biệt giai đoạn từ năm 2009 – 2010 mức doanh thu từ du lịch Ninh Bình tăng trưởng vượt bậc đạt 120,4% và giai đoạn thấp nhất là từ năm 2010- 2011 đạt 18,8%. Sở dĩ có mức tăng trưởng vượt bậc về doanh thu này là do cơ chế chính sách và các sự kiện đặc biệt đã thu hút số lượng khách du lịch đến Ninh Bình năm 2010 tăng mạnh 40,7% so với năm 2009.

Doanh thu từ các loại hình du lịch chỉ mang tính chất tương đối và có sự phụ thuộc vào các điểm du lịch. Trong đó doanh thu từ du lịch tôn giáo tại Ninh Bình chủ yếu được thể hiện thông qua doanh thu của các điểm du lịch tôn giáo. Hiện nay,

doanh thu từ du lịch tôn giáo của Ninh Bình chiếm tỷ lệ khá đáng kể trong tổng doanh thu toàn ngành du lịch như doanh thu năm 2010 của khu du lịch chùa Bái Đính là 209.200 triệu đồng, năm 2011 của khu du lịch Tam Cốc – Bích Động là 80.016 triệu đồng, nhà thờ đá Phát Diệm là 150. 230 triệu đồng. (*Nguồn: Niên giám thống kê, Cục thống kê Ninh Bình tháng 1/ 2012*). Như vậy, doanh thu của du lịch tôn giáo Ninh Bình cũng chiếm vai trò khá quan trọng trong doanh thu toàn ngành du lịch.

2.2.3.2. Cơ cấu doanh thu

Bảng 2.9: Số liệu chi tiêu của khách du lịch đến Ninh Bình từ năm 2005 - 2011

(ĐVT: Triệu đồng)

Năm	Khách nội địa		Khách quốc tế	
	Bình quân 1 lượt khách	Bình quân 1ngày khách	Bình quân 1 lượt khách	Bình quân 1ngày khách
2005	0,44	0,26	1,60	0,77
2008	0,64	0,40	2,74	1,36
2009	1,04	0,49	3,82	1,61
2010	1,33	0,69	4,06	1,91
2011	1,1	0,61	3,66	1,89

(*Nguồn: Niên giám thống kê, Cục thống kê Ninh Bình*)

Qua bảng số liệu chi tiêu của khách du lịch đến Ninh Bình, có thể thấy: mức chi tiêu của khách du lịch tại Ninh Bình qua các năm từ năm 2005 - 2011 đều tăng lên, riêng có năm 2011 là giảm so với năm 2010. Tuy nhiên mức chi tiêu của khách du lịch tại Ninh Bình còn ở mức thấp. Năm 2011 chi tiêu của một lượt khách nội địa là 1,1 triệu, khách quốc tế là 3,66 triệu đồng. Mức chi tiêu này chủ yếu dành cho các dịch vụ cơ bản như lưu trú, ăn uống và đi lại. Chi tiêu của khách có giảm sút vào năm 2011, một phần là do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và suy giảm kinh tế. Du khách đi du lịch đã buộc phải cắt giảm chi tiêu cho các dịch vụ lưu trú, ăn uống và bổ sung.

*Bảng 2.10: Cơ cấu chi tiêu bình quân một ngày khách du lịch
đến Ninh Bình năm 2009*

(ĐVT: %)

Các mục chi tiêu	Khách nội địa (%)	Khách quốc tế (%)
Thuê phòng	19,8	29,7
Ăn uống	40,4	27,2
Đi lại	12,1	11,2
Tham quan	3,9	3,0
Mua hàng hóa	13,6	19,3
Vui chơi	5,4	2,9
Y tế	0,8	0,9
Dịch vụ khác	4,0	5,8
Tổng	100	100

(Nguồn: Niên giám thống kê, Cục thống kê Ninh Bình)

Trong cơ cấu chi tiêu bình quân một ngày của khách du lịch đến Ninh Bình, mức chi tiêu chủ yếu dành cho các nhu cầu cơ bản đó là lưu trú, ăn uống và đi lại chiếm khoảng 70% trong cơ cấu chi tiêu một ngày của khách. Trong đó với khách nội địa là 72,3% và khách quốc tế là 68,1%.

Tuy nhiên có sự khác biệt trong cơ cấu chi tiêu của khách nội địa và khách quốc tế. Với khách nội địa chi tiêu dành cho ăn uống chiếm tỷ lệ rất lớn (40,4%). Các nhu cầu khác chiếm tỷ lệ thấp hơn như mua sắm, tham quan và vui chơi giải trí...

Nhưng với khách quốc tế, sự chênh lệch trong cơ cấu chi tiêu ít hơn. Chi tiêu dành cho nhu cầu ăn uống và lưu trú gần như tương đương nhau. Chi tiêu cho nhu cầu mua hàng hóa của khách quốc tế lớn hơn khách nội địa, chiếm 19,3%. Đây cũng là một trong những cơ sở để ngành du lịch Ninh Bình có thể đề ra các giải pháp nhằm thu hút khách du lịch quốc tế như: tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ mua sắm để phục vụ du khách tốt hơn.

Chỉ tiêu của khách du lịch ở các điểm du lịch tôn giáo tại Ninh Bình nhìn chung giống cơ cấu chỉ tiêu của khách du lịch nói chung tới Ninh Bình. Mức chỉ tiêu của du khách khi đến Ninh Bình với các dịch vụ vui chơi và dịch vụ khác còn ở mức thấp là do Ninh Bình chưa có nhiều các cơ sở vui chơi giải trí, các dịch vụ bổ sung còn nghèo nàn, nên sức hấp dẫn, thu hút khách du lịch còn hạn chế.

2.2.4. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật

2.2.4.1. Số lượng và phân loại cơ sở kinh doanh lưu trú.

Hệ thống cơ sở lưu trú ở Ninh Bình đáp ứng phát triển du lịch liên tục tăng trong thời gian gần đây và được thể hiện ở bảng số lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

*Bảng 2.11: Số lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
từ năm 2009 đến năm 2013.*

STT	ĐỊA ĐIỂM	SỐ LƯỢNG CƠ SỞ LƯU TRÚ				
		Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	TP Ninh Bình	52	100	119	132	138
2	Thị xã Tam Điệp	16	17	18	23	23
3	Huyện Yên Mô	6	6	6	6	6
4	Huyện Nho Quan	5	13	18	22	22
5	Huyện Hoa Lư	20	25	24	29	29
6	Huyện Gia Viễn	6	18	18	36	42
7	Huyện Kim Sơn	3	7	10	10	10
8	Huyện Yên Khánh	-	-	11	14	14
9	Toàn tỉnh	108	187	224	272	284

(Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình, năm 2012)

Qua bảng số lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ năm 2009 đến năm 2013 có thể nhận thấy: số lượng cơ sở lưu trú tăng liên tục từ năm 2009 đến năm 2013. Năm 2009, tổng số cơ sở lưu trú của tỉnh là 108. Năm 2010 tăng gấp

1,73 lần so với 2009 (từ 108 tăng lên 187 cơ sở). Năm 2011 tăng gấp 2,07 lần so với 2009 là 224 cơ sở. Năm 2013 số lượng cơ sở lưu trú tiếp tục tăng lên 2,62 lần so với năm 2009. Cơ sở lưu trú của tỉnh có sự phân bố không đồng đều giữa các địa phương, trong đó thành phố Ninh Bình chiếm tỷ lệ lớn nhất: năm 2009 chiếm 48,1%; năm 2010 chiếm 53,4%; năm 2011 chiếm 53,1%, năm 2012 và 2013 chiếm 48,5%

Hiện nay trong tổng số 284 cơ sở lưu trú trên phạm vi toàn tỉnh có 128 cơ sở chưa được thẩm định chất lượng, 156 cơ sở đã được đánh giá xếp hạng. Trong đó, khách sạn 1 sao là 10 cơ sở, khách sạn 2 sao là 27 cơ sở, khách sạn 3 sao là 1 cơ sở, khách sạn 4 sao là 2 cơ sở.

Tuy nhiên, việc đáp ứng có hiệu quả của cơ sở lưu trú, khách sạn phục vụ phát triển du lịch Ninh Bình vẫn là vấn đề cần được quan tâm. Bởi lẽ chất lượng dịch vụ du lịch của tỉnh còn có những mặt hạn chế. Dịch vụ vui chơi, giải trí còn yếu chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của du khách. Một số nhà hàng ở Ninh Bình chất lượng chưa đảm bảo. Tính trung bình ngày lưu trú của khách những năm qua không tăng mà chỉ giữ ở ngưỡng từ 1,1 đến 1,2 ngày, nhất là lưu trú của khách quốc tế.

Bên cạnh đó, số lượng cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh đều có quy mô vừa và nhỏ, chủ yếu thuộc sự quản lý của tư nhân. Tổng số buồng phòng khách sạn của tỉnh là 4.141 buồng, trong đó số cơ sở dưới 20 buồng chiếm đa số, tỷ lệ khoảng 60%. Các cơ sở lưu trú này hầu hết có diện tích nhỏ, thiếu dịch vụ, thiếu tính chuyên nghiệp trong thiết kế, bài trí, trang trí, trình độ quản lý và phục vụ, trang thiết bị nội thất chưa đồng bộ. Phần lớn các cơ sở lưu trú do chủ đầu tư tự quản, ít quan tâm, chú trọng đến đào tạo bồi dưỡng trình độ quản lý, nghiệp vụ và ngoại ngữ cho người lao động. Một số cơ sở có kinh doanh dịch vụ bổ sung như massage, tắm hơi, karaoke... nhưng chất lượng phục vụ chưa ngang tầm với hệ thống buồng, phòng ngủ, ảnh hưởng tới chất lượng phục vụ khách. Chất lượng của các cơ sở lưu trú còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch thương gia.

Bảng 2.12: Một số cơ sở lưu trú tiêu biểu tại Ninh Bình

STT	Tên khách sạn	Xếp hạng	Địa chỉ
1	Emeralda	Chưa thẩm định	Gia Vân – Gia Viễn – Ninh Bình
2	Hoàng Sơn Peace	Chưa thẩm định	Quảng trường 1 – Ninh Khánh – Tp Ninh Bình
3	Ninh Bình Legend	4 sao	Tiền Đồng – Ninh Khánh – Ninh Bình
4	The Vissai Ninh Bình	4 sao	Đường Trần Hưng Đạo – TP Ninh Bình
5	Yến Nhi	3 sao	Ninh Hải – Hoa Lư – Ninh Bình
6	Thế Long	2 sao	Ninh Hải – Hoa Lư – Ninh Bình
7	Quang Dũng	Chưa thẩm định	Ninh Phong – Ninh Bình
8	Hoa Lư	2 sao	Đường Trần Hưng Đạo – P. Tân Thành – Tp Ninh Bình
9	Non Nước	2 sao	Đường 6 - P. Đông Thành – Tp Ninh Bình
10	Thủy Anh	2 sao	Trương Hán Siêu – P. Phúc Thành – Tp Ninh Bình

(Nguồn: *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình, năm 2012*)

2.2.4.2. Số lượng và chất lượng phục vụ cơ sở kinh doanh ăn uống

Hiện nay các nhà hàng ở Ninh Bình đang ngày càng tăng lên về số lượng và nâng cao về chất lượng. Hệ thống nhà hàng phân bố rải rác khắp cả tỉnh theo các điểm tham quan du lịch. Tuy nhiên số lượng lớn nhà hàng hiện đại, quy mô vẫn tập trung nhất ở địa bàn thành phố Ninh Bình. Những nhà hàng này đã và đang nâng cao chất lượng phục vụ thể hiện qua việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thẩm mỹ và sự đa dạng trong thực đơn.

Bên cạnh các nhà hàng độc lập, trong hầu hết các khách sạn lớn đều có nhà hàng để phục vụ du khách lưu trú như: khách sạn Hoa Lư; khách sạn Quang Dũng;

khách sạn Hoàng Sơn; khách sạn Emerald... Thực đơn trong mỗi nhà hàng tùy theo sở trường của từng đơn vị kinh doanh bao gồm cả các món ăn Âu, Á và các đặc sản địa phương. Tuy nhiên các món Á vẫn là thực đơn phổ biến trong các nhà hàng ở Ninh Bình. Thực đơn của các nhà hàng đã góp phần quảng bá, giới thiệu về các đặc sản địa phương như: cơm cháy, thịt dê, rượu Kim Sơn, mắm tép Gia Viễn...

Bảng 2.13: Một số nhà hàng phục vụ du lịch tại Ninh Bình

TT	Tên nhà hàng	Địa chỉ
1	Hoàng Long	Đường Tràng An – Đông Thành – TP Ninh Bình
2	Hoàng Giang	Trường Yên – Hoa Lư – Ninh Bình
3	Cúc Phương	VQG Cúc Phương – Nho Quan – Ninh Bình
4	Tam Cốc	Ninh Hải – Hoa Lư – Ninh Bình
5	Kim Tuyến	Gia Xuân – Gia Viễn – Ninh Bình
6	Hương Mai	Đường Trần Hưng Đạo – TP Ninh Bình
7	Linh Trang	Ninh Khánh – Hoa Lư – Ninh Bình
8	Ba cửa	Tràng An – Trường Yên – Hoa Lư – Ninh Bình
9	Đức Dê	Đoàn Kết – Ninh Phong – TP Ninh Bình
10	Ngọc Minh	Ninh Khánh – Ninh Bình
11	Đất sét	Khu đô thị mới – TP Ninh Bình
12	Trường Giang	Phường Đông Thành – TP Ninh Bình
13	Trâu vàng	Đường Trần Hưng Đạo – TP Ninh Bình
14	Hoa Lư	Khách sạn Hoa Lư – Ninh Bình

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình, 11/2013)

2.2.4.3. Mạng lưới giao thông và phương tiện giao thông vận tải.

Hệ thống giao thông Ninh Bình trong những năm gần đây đã được xây dựng khá hợp lý và thuận lợi cho sự phát triển du lịch của tỉnh. Hiện nay, các tuyến đường từ tỉnh xuống huyện được nâng cấp, rải nhựa, ô tô có thể đi tới tất cả các xã trong tỉnh. Toàn tỉnh có khoảng 2.278 km đường bộ, 496 km đường sông với các tuyến quan trọng nối liền thành phố với các huyện thị và tỏa đi các xã. Mạng lưới

giao thông ở Ninh Bình phân bố tương đối đồng đều bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy.

Đối với hệ thống đường bộ, Ninh Bình là một điểm nút giao thông quan trọng Bắc – Nam. Tất cả các huyện, thành phố, thị xã đều có đường quốc lộ đi qua: QL 1A, QL 10, QL12A, QL12B, QL45... Hiện đang có 3 dự án đường cao tốc đi qua Ninh Bình được triển khai như: đường cao tốc Ninh Bình - Cầu Giẽ; đường cao tốc Ninh Bình - Vinh và đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh.

Tuy mạng lưới giao thông đường bộ đã được cải thiện tốt hơn trước nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch. Hệ thống đường nội thị còn yếu kém, nhiều tuyến đường đến trung tâm thành phố cần phải được cải tạo và mở rộng nhất là tuyến quốc lộ 1A từ Gián Khẩu đến thành phố Ninh Bình. Đây là tuyến giao thông huyết mạch trong giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các tỉnh phía Bắc và phía Nam. Tuyến đường giao thông nông thôn, đường liên thôn, liên xã tuy đã được nâng cấp nhưng cần chú ý đến các tuyến đường vào các xã vùng sâu, vùng xa.

Ninh Bình có khoảng 90 chiếc cầu, trong đó cầu bê tông cốt thép là 73 chiếc với tổng chiều dài là 1.553 m, cầu thép là 10 chiếc với tổng chiều dài là 299m, có khoảng 7 chiếc cầu tạm với tổng chiều dài là 144,5 m. Tuy nhiên hệ thống cầu đường bộ còn nhiều khổ cầu hẹp, trọng tải thấp. Bên cạnh đó một số cầu yếu gây nguy hiểm cho người qua lại. Vì vậy cần có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp đáp ứng nhu cầu vận tải và phát triển du lịch trong tương lai. (*Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình từ năm 2007 -2015, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch*)

Mặt khác, Ninh Bình lại nằm trên tuyến đường sắt Bắc - Nam có chiều dài 19km với 4 ga (ga Ninh Bình, ga Cầu Yên, ga Gềnh và ga Đồng Giao), thuận lợi trong vận chuyển hành khách và hàng hoá, nhất là vận chuyển vật liệu xây dựng. Hệ thống đường sắt cao tốc đang được quy hoạch, thiết kế và khi đi vào hoạt động sẽ tạo thuận lợi lớn trong phát triển của tỉnh.

Hệ thống sông ngòi ở Ninh Bình khá dày đặc như: sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Vạc... Giao thông đi lại dễ dàng đã tạo điều kiện cho Ninh Bình phát triển du lịch và xúc tiến tài nguyên du lịch của Ninh Bình.

Hệ thống đường thủy gồm 22 tuyến sông trong đó Trung ương quản lý 4 tuyến (sông Đáy, sông Hoàng Long, sông Vạc và kênh nhà Lê) với tổng chiều dài gần 364,3 km. Có 3 cảng chính do trung ương quản lý là cảng Ninh Bình, cảng Ninh Phúc và cảng Cầu Yên. Cảng K3 (nhà máy nhiệt điện Ninh Bình) cũng đã được nâng cấp thành cảng chuyên dụng. Các bến xếp dỡ hàng hoá, ụ tàu, khu neo tránh tàu thuyền nằm trên các bờ sông và cửa sông.

Cơ sở hạ tầng du lịch từng bước được đầu tư, nâng cấp, đặc biệt là ở các khu du lịch trọng điểm như: Khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, khu du lịch sinh thái Tràng An, khu di tích lịch sử - văn hóa Cố đô Hoa Lư, khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính, khu du lịch sinh thái hồ Đồng Chương, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long. Hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy đến các khu du lịch, điểm du lịch được tập trung nâng cấp, làm mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của khách du lịch. Tiêu biểu như: hoàn thành đổ bê tông, trải nhựa, trồng cây hai bên đường Tràng An đoạn đường từ Quốc lộ 1A đến Chùa Bái Đính; hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng nhà đón tiếp, bến xe, bến thuyền Tràng An; đổ bê tông, trải nhựa, trồng cây hai bên đường từ Quốc lộ 1A đến Chùa Bích Động; hoàn thành việc đổ bê tông đường từ Bái Đính đi Cúc Phương... Tỉnh đã cho tiến hành nạo vét 15/18 thung hang, tạo hai tuyến du lịch đường thủy trong Khu quần thể danh thắng Tràng An và xây dựng mới 13 nhà vệ sinh đạt chuẩn tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn.

Các dự án lớn được đầu tư từ nguồn vốn Nhà nước như: Dự án xây dựng sân lễ hội phía trước đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ Vua Lê Đại Hành; dự án bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử văn hoá Cố đô Hoa Lư; dự án Cổng thành Hoa Lư... được tỉnh tập trung chỉ đạo, đảm bảo tiến độ kế hoạch. Ngoài ra, tỉnh đang tập trung chỉ đạo thực hiện các dự án lớn khác như: dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đường bao hào nước vùng bảo vệ đặc biệt Cố đô Hoa Lư; dự án Khu

Công viên văn hoá Tràng An; dự án xây dựng quảng trường và tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế tại thành phố Ninh Bình.

Cùng với mạng lưới giao thông thuận lợi, hệ thống các phương tiện giao thông tại Ninh Bình cũng ngày một đa dạng và hiện đại. Đa dạng loại hình giao thông dẫn đến đa dạng loại hình phương tiện vận chuyển như: ô tô, tàu hỏa, xe máy, xích lô, thuyền bè, các phương tiện sử dụng sức kéo như xe trâu, xe ngựa... Tuy nhiên loại phương tiện vận chuyển phổ biến nhất vẫn là ô tô.

Hiện nay, tại Ninh Bình đã có một số hãng taxi và kinh doanh vận chuyển như: công ty TNHH Taxi Ninh Bình; công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình; công ty cổ phần vận tải ô tô Minh Long; tập đoàn Xuân Thành...

2.2.4.4. Kinh doanh các dịch vụ bổ sung khác.

a) Hệ thống cửa hàng lưu niệm và trung tâm mua sắm

Nếu như trước đây khách du lịch thường chủ yếu chi tiêu cho các dịch vụ cơ bản trong mỗi chuyến du lịch như ăn, ở, đi lại thì ngày nay khách du lịch có xu hướng tăng chi tiêu cho các dịch vụ bổ sung như: mua sắm, làm đẹp, vui chơi giải trí... Vì vậy hệ thống các cửa hàng lưu niệm và trung tâm mua sắm có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tạo sự hứng thú cho du khách tại mỗi điểm du lịch.

Cửa hàng lưu niệm chủ yếu bày bán các sản phẩm đặc trưng mang tính vùng, miền, dân tộc, thậm chí là những đặc sản của từng địa phương. Đây là một trong những yếu tố thu hút sự chú ý của du khách. Các cửa hàng này chủ yếu tập trung tại các điểm du lịch như: Tam Cốc – Bích Động, Bái Đính, Cúc Phương, Phát Diệm, Tràng An, Hoa Lư... Các mặt hàng bày bán chủ yếu là tranh, ảnh, đồ gốm, những đồ thủ công mỹ nghệ có hình dáng nhỏ nhắn, đơn giản.

Nếu các điểm du lịch lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Nẵng... khách du lịch có cơ hội mua sắm ở các trung tâm thương mại với các mặt hàng đa dạng và phù hợp với nhiều đối tượng khách, đặc biệt là khách có thu nhập cao. Ở Ninh Bình, trung tâm thương mại lớn vẫn chưa thực sự phát triển. Đây là một trong những hạn chế của tỉnh trong việc hấp dẫn khách du lịch và tăng khả năng chi tiêu của khách trong thời gian lưu lại Ninh Bình.

b) Hệ thống các cơ sở phục vụ vui chơi giải trí

Vui chơi giải trí là nhu cầu bổ sung của du khách trong mỗi chuyến du lịch. Các hoạt động vui chơi giải trí rất đa dạng như: thể thao, làm đẹp, bar, cà phê, xem phim, ca nhạc và các hoạt động văn hóa nghệ thuật khác... Các cơ sở vui chơi giải trí vừa thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch vừa mang lại một nguồn doanh thu lớn cho doanh nghiệp, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch tại địa phương.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch, UBND tỉnh đã khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp xây dựng các nhà hàng cao cấp, các cơ sở dịch vụ du lịch tại khu trung tâm thành phố Ninh Bình như: vũ trường New life, nhà hàng Hoàng Long, nhà hàng Cung Đình Ngọc Minh (thành phố Ninh Bình), nhà hàng Hoàng Giang, nhà hàng Xanh (huyện Hoa Lư)...; dự án đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa thể thao, vui chơi giải trí Đông Thành (thành phố Ninh Bình)...

Bên cạnh đó có thể kể đến Sân Golf Hoàng Gia, Bể bơi Quang Dũng, The Vissai, Hoàng Sơn, các quán bar, các câu lạc bộ billar... Những cơ sở này tuy quy mô còn nhỏ nhưng đã phần nào đáp ứng nhu cầu của du khách và người dân địa phương.

Bảng 2.14: Một số cơ sở vui chơi giải trí tại Ninh Bình

T T	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ
1	Bar	Hoàng Long	P. Đông Thành – TP Ninh Bình
2	Siêu thị	Đông Thành	P. Đông Thành – TP Ninh Bình
3	Siêu thị	Hapro Mart	Đường Lương Văn Thăng – TP Ninh Bình
4	Chợ	Chợ Rồng	Đường Vân Giang – TP Ninh Bình
5	CLB bia	Duy Minh	Đường Xuân Thành – TP Ninh Bình
6	CLB bia	Tân Thành	Đường Xuân Thành – TP Ninh Bình
7	Quán cà phê	Sắc màu	TP. Ninh Bình
8	Quán cà phê	Hoàng Long	P. Đông Thành – TP Ninh Bình
9	Rạp chiếu phim	Rạp chiếu phim Ninh Bình	Đường 1B – P.Nam Thành – TP Ninh Bình
10	Nhà hát	Nhà hát chèo Ninh Bình	Đường Lê Hồng Phong – TP Ninh Bình
11	Sân Golf	Hoàng Gia	Yên Mô – Ninh Bình
12	Bể bơi	Quang Dũng, Hoàng Sơn, The Vissai	Ninh Bình
13	Siêu thị	Big C	Đường Trần Nhân Tông, xã Ninh Phúc, TP. Ninh Bình

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch văn hóa tỉnh Ninh Bình, 11/2013)

2.2.5. Nguồn nhân lực

2.2.5.1. Số lượng nguồn nhân lực.

Đến nay cùng với sự phát triển du lịch của tỉnh, ngày càng có nhiều các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch xuất hiện, nguồn lao động trong ngành du lịch Ninh Bình cũng đã có bước tăng trưởng đáng kể về số lượng.

Bảng 2.15: Nguồn nhân lực du lịch Ninh Bình giai đoạn từ năm 2005 – 2011

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
	Lao động du lịch	Người	5.750	5.900	6.150	6.800	7.500	8.550	10.100
1	Trong đó:	Người							
2	Lao động tại các đơn vị kinh doanh du lịch	Người	650	916	960	1.075	1.359	1.892	2.201
3	Lao động tham gia các dịch vụ du lịch tại các khu, điểm du lịch	Người	5.100	4.984	5.190	5.725	6.141	6.658	7.899
4	Thu nhập bình quân 1lao động/tháng	VNĐ	750	800	1.200	1.600	1.900	2.200	2.500

(Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình, năm 2011)

Tính đến hết năm 2011, số lượng lao động ngành du lịch Ninh Bình tăng gần gấp đôi so với năm 2005. Thu nhập của lao động du lịch cũng tăng lên gấp 3,5 lần so với năm 2005. Tốc độ tăng trưởng lao động trong giai đoạn này là 11,97%, trong khi tốc độ tăng trưởng của ngành là 23,9%. Có thể thấy, trong giai đoạn này, sự tăng trưởng về nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu về số lượng.

Năm 2012, ước tính nhân lực trong ngành du lịch Ninh Bình có khoảng trên 11.000 người, trong đó số lượng lao trực tiếp khoảng 2.300 người; gián tiếp khoảng 8.700 người)

2.2.5.2. Chất lượng nguồn nhân lực.

*Bảng 2.16: Trình độ đội ngũ lao động du lịch Ninh Bình
giai đoạn từ năm 2005 – 2011*

Năm	Tổng lao động	Trình độ chuyên môn			Lao động phổ thông
		Đại học và trên đại học	Cao đẳng và trung cấp	Công nhân	
2005	5.750	0,61%	4,17%	8,34%	86,88%
2006	5.900	1,4%	6,64%	9,49%	82,47%
2007	6.150	1,46%	7,9%	9,91%	80,73%
2008	6.800	1,39%	7,5%	9,36%	81,75%
2009	7.500	1,33%	7,46%	11,33%	79,88%
2010	8.500	1,41%	8,47%	11,17%	78,95%
2011	10.100	1,48%	8,91%	12,48%	77,13%

(Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình, năm 2011)

Tính đến năm 2011, số lao động có trình độ nghiệp vụ (Đại học, cao đẳng, trung cấp) đã tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2005. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo, sử dụng được ngoại ngữ phục vụ công việc cũng có bước tăng trưởng đáng kể. Đặc biệt là từ năm 2009 trở lại đây, công tác đào tạo lao động du lịch đã được quan tâm đúng mức. Ngành du lịch đã có nhiều nỗ lực trong việc đào tạo, đào tạo lại lực lượng lao động trực tiếp trong ngành và bồi dưỡng kiến thức du lịch cộng đồng cho người dân địa phương tham gia làm du lịch như: nhân dân xã Ninh Hải tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch tại khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, bà con nhân dân xã Gia Sinh, Gia Vân tham gia làm dịch vụ du lịch tại Khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính và khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long...

2.2.6. Công tác tổ chức, quản lý

Thực hiện Nghị Quyết TW5 (khoá 8) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và thực hiện Luật di sản văn hoá, những năm qua Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể trong tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến việc tổ chức thực hiện Luật di

sản văn hoá, tạo bước chuyển về nhận thức, vai trò, vị trí của di sản văn hoá trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác quản lý quy hoạch, bảo vệ, sưu tầm, trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị văn hoá của các di tích lịch sử và danh thắng được quan tâm và đã đạt những kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Đến nay, Ninh Bình đã có 79 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia trong đó có 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 210 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Tỉnh cũng đã xây dựng được 2 nhà Bảo tàng (Bảo tàng tỉnh Ninh Bình và Bảo tàng thị xã Tam Điệp)

Từ năm 2006 đến năm 2010, tỉnh Ninh Bình đã có các dự án trùng tu, tu bổ các di tích xếp hạng đã xuống cấp với tổng số vốn là 53.900.000.000 đồng. Trong đó vốn đầu tư và phát triển là 49.900.000.000 đồng cho các di tích như: Di tích đền thờ Nguyễn Công Trứ (Kim Sơn), di tích đền Thung Lá (Gia Viễn), di tích đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng (Gia Viễn), di tích động Hoa Lư (Gia Viễn), di tích đền Trùng Thượng (Gia Viễn), di tích đền Văn Giáp (Yên Khánh). Vốn sự nghiệp là 4.900.000.000 đồng cho các di tích như: Di tích chùa Phúc Nhạc (Yên Khánh), khu căn cứ cách mạng Quỳnh Lưu (Nho Quan), di tích đền Thượng và chùa Phúc Long, di tích chùa và động Hoa Sơn, di tích chùa tháp và đền thờ Đinh Tiên Hoàng (Yên Mô)...

Năm 2011, trong chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao 14.600.000.000 đồng cho việc tu bổ di tích.

Đặc biệt ngày nay, khách du lịch quốc tế và ngay cả khách du lịch trong nước thường quan tâm nhiều hơn đến giá trị xác thực của di sản. Những di tích còn giữ được nhiều nét nguyên bản thường có giá trị hấp dẫn nhiều hơn đối với du khách. Thực tế hiện nay có những di tích được trùng tu, tôn tạo theo hướng làm mới đã đánh mất đi sự hấp dẫn khách du lịch. Có những di tích được tôn tạo nhưng không chú ý đến chi tiết, đặc biệt là những chi tiết nội thất. Chẳng hạn như một ngôi đền được tôn tạo thường tạo dáng mái ngói cong cổ kính, nhưng bên trong lại nhìn rõ những dầm bê tông nặng nề chống đỡ. Hoặc các ban thờ của đình miếu, chùa chiền thường được xây bằng xi măng, mặt được lát bằng gạch men...

Bên cạnh đó, một số di tích được bảo tồn và quy hoạch để phát triển du lịch nhưng quá trình quy hoạch đó lại phá vỡ cảnh quan ban đầu, tạo ra sự thiếu đồng bộ. Cụ thể như việc quy hoạch các tuyến đường tham quan, đi lại trong khu di tích không phù hợp với tính chất lịch sử của di tích, các công trình phụ trợ được xây dựng không tách biệt với phạm vi bảo vệ tuyệt đối của di tích đặc biệt là các điểm bán hàng. Một số dự án quy hoạch không chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường khu vực di tích: môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất, tình hình nước thải, chất thải rắn, tình hình quản lý khu di tích, tình hình trật tự trị an khu vực...

UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó “... *Chú trọng khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể như các lễ hội dân gian, hát chèo, hát xẩm, ca trù, các làn điệu dân ca và rúi nước...*”

Thực hiện chương trình mục tiêu “*Bảo tồn các giá trị văn hoá phi vật thể*” những năm qua tỉnh đã quan tâm đến công tác nghiên cứu, sưu tầm các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu như: Sưu tầm và phát hành tập sách “Truyền thuyết Hoa Lư”, “Kinh đô Hoa Lư thời Đinh - Tiền Lê”, “Hát chầu văn”, “Hát xẩm”... Việc triển khai sưu tầm các giá trị văn hoá phi vật thể đã góp phần nâng cao nhận thức, niềm tự hào cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cho thế hệ trẻ, từ đó xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá của dân tộc trong thời kỳ hội nhập.

Công tác trùng tu, tôn tạo di tích được thực hiện rộng rãi trên phạm vi toàn tỉnh đặc biệt tập trung vào các di tích đã được xếp hạng. Hàng năm tỉnh có các dự án đầu tư cho việc tu bổ di tích tại các điểm du lịch quan trọng. Đây là một trong những hoạt động quan trọng góp phần quan trọng trong việc tránh xuống cấp của tài nguyên du lịch văn hóa nói chung.

Bên cạnh những mặt tích cực, công tác bảo tồn, phát huy giá trị tài nguyên du lịch Ninh Bình vẫn còn một số mặt hạn chế như:

Công tác kiểm kê và lập hồ sơ xếp loại di sản đã được tiến hành nhưng chưa theo hệ thống một cách khoa học, tốn nhiều thời gian.

Công tác trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa vật thể được thực hiện thường xuyên nhưng đôi khi không phù hợp với giá trị nguyên bản về mặt kiến trúc, điều khắc dẫn đến làm mất giá trị của tài nguyên.

Một số di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng tại các địa phương bị xuống cấp nhưng công tác trùng tu còn chậm trễ làm ảnh hưởng tới chất lượng của công trình.

Nguồn cán bộ văn hóa của các địa phương có trình độ chuyên môn chưa cao, chưa am hiểu hết các kiến thức về di sản nên trong quá trình quản lý còn nhiều bất cập.

Cộng đồng dân cư một số địa phương chưa có ý thức trong việc giữ gìn và phát huy giá trị của tài nguyên du lịch. Ngoài ra, nhiều tệ nạn vẫn còn nên ảnh hưởng trực tiếp tạo ra hình ảnh xấu tới hoạt động du lịch tại các điểm đến du lịch như: ăn xin, mê tín dị đoan, trộm cắp, chèo kéo du khách...

2.3. Đánh giá về hoạt động khai thác loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình

2.3.1. Những kết quả tích cực

- *Về nguồn nhân lực du lịch tôn giáo:* Với dân số đông, phần đông ở độ tuổi lao động và dân số trẻ chiếm đa số, Ninh Bình có thế mạnh về thị trường lao động nói chung và đối với phát triển du lịch tôn giáo nói riêng. Người Việt Nam có truyền thống lao động cần cù, chăm chỉ khéo léo, nhanh nhạy, tiếp thu yếu tố mới và đặc biệt có tinh thần thân ái, nhiệt tình, mến khách và sẵn sàng làm việc mọi lúc mọi nơi. Đây là thế mạnh đối với phát triển du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Ninh Bình nói riêng.

Trường Đại học Hoa Lư của Ninh Bình đã đào tạo mã ngành Việt Nam học từ năm 2007. Nhờ đó, đã đóng góp cho thị trường lao động du lịch Ninh Bình một đội ngũ lao động làm du lịch có trình độ cao phù hợp với loại hình du lịch văn hóa góp phần vào việc phát triển du lịch tỉnh nhà.

- *Về chính sách phát triển du lịch:* Theo Nghị quyết số 15 - NQ/TU về định hướng phát triển du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2020 tầm nhìn 2030, Ninh Bình sẽ đưa du lịch trở thành ngành kinh tế tổng hợp, ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đảm

bảo sự phát triển bền vững và xác định du lịch văn hóa và du lịch sinh thái là hai loại hình du lịch thế mạnh của vùng.

- *Về kinh nghiệm phát triển du lịch thời gian qua:* Những kinh nghiệm được rút ra trong quản lý, vượt qua khó khăn, thách thức trong điều kiện thiếu vốn, công nghệ, cạnh tranh gay gắt, bối cảnh quốc tế có nhiều biến động sẽ trở thành bài học ý nghĩa trong giai đoạn mới.

Những thành quả phát triển du lịch trong giai đoạn vừa qua về đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, nguồn nhân lực du lịch, những ấn tượng hình ảnh về du lịch tôn giáo Ninh Bình tích lũy nhiều năm xúc tiến quảng bá du lịch cũng như những cảm nhận của du khách khi đến du lịch tại Ninh Bình đã và đang tạo sức mạnh tăng trưởng cho giai đoạn tới.

Đầu tư của giai đoạn trước đến nay đang được phát huy hiệu quả. Giai đoạn vừa qua kết cấu hạ tầng du lịch được quan tâm hỗ trợ đầu tư của tỉnh và thu hút được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở lưu trú và dịch vụ phát triển nhanh, chất lượng được nâng lên.

- *Về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tôn giáo:* Tỉnh Ninh Bình trong những năm qua đã chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng.

Hệ thống cơ sở lưu trú và ăn uống được phân bố đều tại các điểm du lịch và trung tâm thành phố về cơ bản đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách từ bình dân cho đến cao cấp, sang trọng. Bên cạnh hệ thống nhà nghỉ, các khách sạn và khu nghỉ dưỡng cao cấp đã được hình thành nhằm thỏa mãn một phần nhu cầu của tập khách thu nhập cao, mang lại nguồn doanh thu lớn cho hoạt động du lịch. Cơ sở lưu trú tại Ninh Bình rất đa dạng về loại hình như: Khách sạn, nhà nghỉ, nhà sàn, resort, homestay, lều trại... phù hợp với từng loại hình và khu du lịch cụ thể. Nhiều cơ sở lưu trú mới được xây dựng nên trang thiết bị hiện đại, kiến trúc đẹp và đảm bảo yêu cầu về vệ sinh. Trong từng cơ sở lưu trú cũng đang từng bước đa dạng hóa các loại dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của du khách tại điểm du lịch từ các dịch vụ cơ bản

đến dịch vụ bổ sung. Hệ thống nhà hàng cũng đang góp phần tích cực trong việc đáp ứng khách và mang lại nguồn thu cho hoạt động du lịch với sự phong phú trong các món ăn đặc biệt là các đặc sản địa phương. Nhiều nhà hàng có kiến trúc độc đáo được xây dựng mang bản sắc văn hóa dân tộc cả về hình thức lẫn nội dung. Đây là một trong những yếu tố thu hút sự chú ý và hấp dẫn du khách.

Hệ thống giao thông ngày càng được mở rộng, hoàn thiện và tu bổ. Các loại hình phương tiện giao thông đa dạng bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy đã tạo thuận lợi trong quá trình vận chuyển, lưu thông hành khách góp phần tăng nhanh lượng khách du lịch tới Ninh Bình. Hệ thống giao thông kết nối các điểm du lịch cũng được đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa giúp thời gian di chuyển giữa các điểm này được rút ngắn, tạo sự thoải mái cho du khách. Từ đó có thể tăng thêm các điểm du lịch trong một chương trình du lịch tại địa phương. Sự đa dạng trong loại hình phương tiện giao thông đã tạo sự hứng thú cho du khách đặc biệt là sự tham gia của thuyền nan, xe đạp, xe trâu, kayak, xe điện... tại một số điểm du lịch.

Hệ thống điện nước và thông tin liên lạc đã được phổ cập khắp các địa phương trong tỉnh từ thành phố đến nông thôn. Khách du lịch tôn giáo có thể tìm hiểu về điểm đến hay truyền thống văn hóa của Việt Nam ngay tại phòng khách sạn thông qua Internet. Sự phổ cập của mạng Internet là cần thiết và đáp ứng xu thế hiện đại hóa trong lĩnh vực du lịch.

Hệ thống các cơ sở cung ứng dịch vụ bổ sung bước đầu được đầu tư xây dựng như: siêu thị, sân golf, bể bơi, beauty salon, các câu lạc bộ thể thao... phần nào đã thỏa mãn nhu cầu của du khách.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

- *Về quản lý và khai thác tài nguyên du lịch:* Tài nguyên, môi trường du lịch đang có nguy cơ bị suy thoái do những bất cập trong quản lý, bảo vệ và khai thác. Mặc dù, tài nguyên du lịch tôn giáo của Ninh Bình rất phong phú, độc đáo, đầy tiềm năng phát triển hơn so với các tỉnh khác song lại thiếu vốn đầu tư phát triển, việc quản lý và bảo vệ tài nguyên còn nhiều hạn chế, mâu thuẫn trong quản lý và khai thác tài nguyên dẫn đến tình trạng chưa phát huy được thế mạnh của tài nguyên du

lịch nơi đây. Ninh Bình vẫn chỉ là 1 điểm du lịch tham quan thuần túy, nhiều tiềm năng du lịch chưa được quy hoạch và khai thác hiệu quả.

- Về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật:

Hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tôn giáo Ninh Bình cũng gặp những hạn chế nhất định như:

Hệ thống cơ sở hạ tầng về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của du khách đến Ninh Bình. Tuy nhiên các phương tiện giao thông vận tải chưa được đầu tư hiện đại hóa nhiều, số lượng còn hạn chế dẫn đến hiện tượng cháy xe vào mùa du lịch, giá cả tăng cao. Những phương tiện di chuyển tại điểm du lịch như thuyền không được làm mới nên không đảm bảo tính mỹ quan. Hệ thống thu gom và xử lý rác thải không thường xuyên nên ảnh hưởng tới môi trường cảnh quan nói chung và tại các điểm du lịch nói riêng.

Các cơ sở lưu trú và ăn uống được xây dựng một cách nhanh chóng, tuy nhiên hầu hết là các nhà nghỉ và khách sạn nhỏ ít có sức hấp dẫn với khách du lịch có khả năng chi trả cao. Bên cạnh đó là hệ thống nhà hàng còn nhỏ lẻ, hầu hết các nhà hàng chỉ tập trung vào thực đơn là đặc sản địa phương, thực đơn chưa phong phú không thỏa mãn nhu cầu của du khách nhất là khách quốc tế. Có thể nói các cơ sở lưu trú và ăn uống tại Ninh Bình mới chỉ đáp ứng về mặt số lượng, chưa đảm bảo về chất lượng phục vụ, mức độ vệ sinh an toàn thực phẩm, tính chuyên nghiệp còn thấp, thiếu tính cạnh tranh và khả năng lưu giữ khách.

Ngoài ra, một số khách sạn có quy mô lớn, hiện đại nhưng chưa hoàn thiện và chưa được thẩm định chất lượng lại có hành vi tự treo biển xếp hạng sao gây tâm lý nghi ngờ cho khách du lịch, ảnh hưởng không tốt tới hoạt động du lịch của tỉnh. Phần lớn các cơ sở lưu trú đều do chủ đầu tư tự quản, ít quan tâm, chú trọng đến đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản lý, nghiệp vụ, ngoại ngữ cho người lao động. Do vậy, chất lượng dịch vụ lưu trú còn yếu. Bên cạnh đó, còn có bất cập trong công tác quản lý xây dựng các cơ sở kinh doanh du lịch. Việc xây dựng mang tính tự phát, không theo quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn nên thiếu cơ sở cao cấp, thừa cơ sở chất lượng thấp, trung bình, sức hấp dẫn và hiệu quả kinh doanh thấp, như kinh doanh các dịch vụ massage, tắm hơi, karaoke... chất lượng phục vụ không

ngang tầm với hệ thống buồng, phòng ngủ. Ngoài ra, các dịch vụ ăn uống, các món ăn đặc sản như thịt dê, cơm cháy, nem,... chỉ được tập trung ở một số điểm rải rác, cơ sở nhỏ lẻ mà chưa được mở rộng ở các cơ sở lưu trú, các điểm du lịch, không đáp ứng được nhu cầu về ẩm thực.

Ninh Bình được xác định là một thành phố du lịch trong tương lai nhưng các cơ sở mua sắm cho khách du lịch còn thiếu nhiều, không có trung tâm mua sắm lớn tại thành phố. Hệ thống các cửa hàng lưu niệm thì lặp lại về sản phẩm, không có tính đặc trưng địa phương gây sự nhàm chán cho du khách. Ngoài ra giá cả các sản phẩm ở đây cũng khá cao, tạo tâm lý không thoải mái cho khách du lịch. Ngoài những sản phẩm thủ công mỹ nghệ địa phương, các mặt hàng khác không có sức hấp dẫn.

Hoạt động du lịch Ninh Bình nói chung và du lịch tôn giáo nói riêng cần nhiều hơn nữa các cơ sở vui chơi giải trí. Số lượng các cơ sở vui chơi giải trí ở đây còn ít chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch, thiếu sự hấp dẫn đối với khách lưu lại Ninh Bình. Cần đa dạng hóa các hoạt động vui chơi giải trí, các địa điểm nghỉ dưỡng, chữa bệnh...đặc biệt là các hoạt động liên quan đến văn hóa địa phương như: nhà hát, rạp chiếu phim giúp du khách tìm hiểu về văn hóa Việt Nam và văn hóa Ninh Bình.

Vì vậy trong thời gian tới, Ninh Bình cần chú trọng hơn nữa trong việc xây dựng, hoàn thiện và đa dạng hóa các cơ sở lưu trú, ăn uống và dịch vụ bổ sung để đảm bảo sự phát triển đồng bộ, bền vững của ngành du lịch.

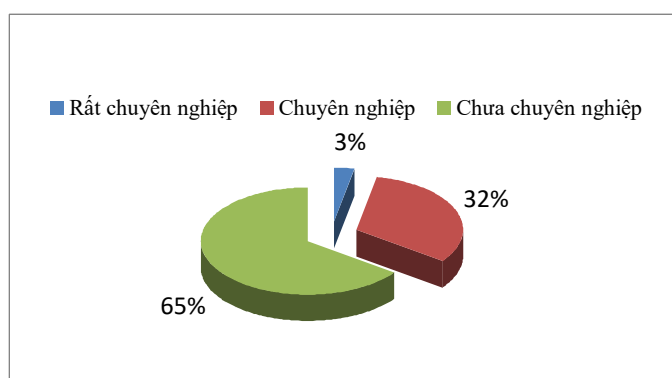
- *Về phát triển sản phẩm và thị trường*: Ngoài một số tour sẵn có thì hiện nay, nội dung của các tour du lịch tôn giáo ở Ninh Bình do các công ty, đại lý lữ hành cung cấp vẫn còn khá nghèo nàn thậm chí “đếm trên đầu ngón tay”. Đặc điểm giữa các điểm tham quan tại khu du lịch ngắn và rất ngắn nên các công ty lữ hành thường tổ chức các đoàn tham quan tại khu du lịch chỉ thực hiện đi về trong ngày không lưu trú qua đêm. Quá trình phát triển sản phẩm chưa được nghiên cứu bài bản vì vậy chất lượng và giá trị hàm chứa trong sản phẩm thấp, còn nghèo nàn, ít sáng tạo, thiếu tính độc đáo, thiếu đồng bộ, thiếu liên kết. Kết quả là sản phẩm, dịch vụ du lịch có hàm lượng giá trị gia tăng thấp, sản phẩm trùng lặp, suy thoái nhanh. Du khách sẽ không có cơ hội lựa chọn theo sở thích của mình.

- *Về nguồn nhân lực du lịch tôn giáo:* Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác phát triển nguồn nhân lực du lịch thời gian qua so với yêu cầu về tính chuyên nghiệp của ngành dịch vụ hiện đại và hội nhập, toàn cầu hóa thì nhân lực du lịch chưa đáp ứng kịp về kỹ năng chuyên nghiệp.

Lực lượng lao động du lịch tuy đông đảo nhưng tỷ lệ được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp du lịch thấp, hơn nữa chất lượng đào tạo du lịch còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới về tính chuyên nghiệp, kỹ năng quản lý, giao tiếp bằng ngoại ngữ còn yếu. Các công ty lữ hành ở Ninh Bình chủ yếu tập trung khai thác đối tượng khách nội địa chứ chưa có công ty lữ hành chuyên khai thác đối tượng khách quốc tế.

Du lịch tăng trưởng đã tạo ra nhiều việc làm mới cho xã hội. Tuy nhiên, số lượng lao động trong các lĩnh vực kinh doanh du lịch không ổn định. Đối với loại hình du lịch tôn giáo, số lượng lao động nhiều nhất vào thời điểm các tháng đầu năm khi khách du lịch đến với Ninh Bình tham gia du lịch lễ hội và du lịch tôn giáo.

Đáng chú ý là qua phỏng vấn 200 khách nội địa tại các điểm du lịch tôn giáo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình về trình độ lao động cho thấy: có tới 65% khách đánh giá trình độ của nhân viên du lịch ở Ninh Bình là chưa chuyên nghiệp; 32% khách đánh giá là chuyên nghiệp và chỉ có 6% khách đánh giá là rất chuyên nghiệp. Như vậy trình độ lao động du lịch Ninh Bình vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch nội địa.

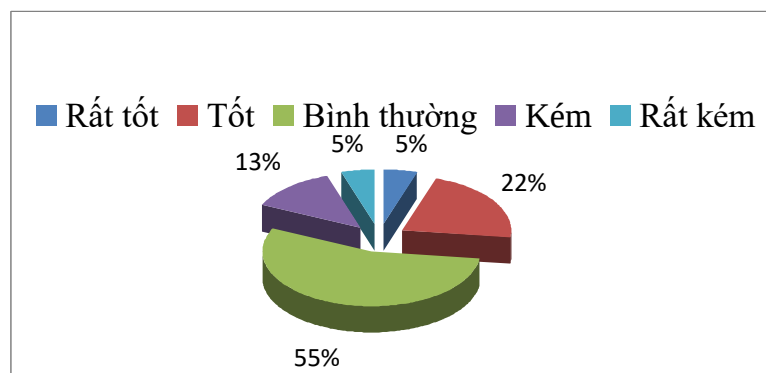


Biểu đồ 2.4: Đánh giá của khách nội địa về trình độ lao động du lịch Ninh Bình

(ĐVT: %)

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình,)

Bên cạnh đó 100 khách du lịch quốc tế được hỏi về chất lượng nhân lực du lịch Ninh Bình cũng có đánh giá như sau:



Biểu đồ 2.5: Đánh giá về chất lượng nhân lực du lịch Ninh Bình của du khách quốc tế

(ĐVT: %)

(Nguồn: Kết quả điều tra tại các điểm du lịch tôn giáo tỉnh Ninh Bình)

Qua biểu đồ trên cho thấy chỉ có 5% khách quốc tế đánh giá chất lượng nhân lực du lịch Ninh Bình rất tốt, 22% đánh giá tốt và 55 % đánh giá là bình thường; chiếm 18% đánh giá kém và rất kém. Kết quả này cho thấy, khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình còn chưa hài lòng về chất lượng nhân lực du lịch Ninh Bình. Họ chưa hài lòng đối với nguồn nhân lực du lịch Ninh Bình ở các điểm như: khả năng ngoại ngữ chưa tốt, khách nước ngoài hay bị chèo kéo, hàng hóa bị thách giá lên rất nhiều; đòi tiền tip một cách thiếu văn hóa... khiến cho du khách cảm thấy không thoải mái, hài lòng.

- *Về công tác bảo tồn các di tích tôn giáo:* Công tác kiểm kê và tôn tạo chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Nguồn cán bộ văn hóa của các địa phương có trình độ chuyên môn chưa cao, chưa am hiểu sâu sắc các kiến thức về di sản nên trong quá trình quản lý còn nhiều bất cập. Việc phát triển du lịch tôn giáo chủ yếu tập trung vào lợi thế tài nguyên sẵn có, ít có cơ sở vui chơi giải trí để đa dạng hóa hoạt động du lịch. Cộng đồng dân cư một số địa phương chưa có ý thức trong việc giữ gìn và phát huy giá trị của tài nguyên du lịch. Các di sản văn hóa của Ninh Bình được đưa vào hoạt động du lịch một cách tích cực song chưa phát huy tối ưu vai trò của các công ty du lịch trong công tác bảo tồn tài nguyên.

Một trong những đặc điểm của du lịch văn hóa tại Ninh Bình là phát triển dựa vào cộng đồng do yếu tố xen ghép và hòa quyện giữa tài nguyên du lịch và cộng đồng dân cư. Nhưng hầu hết người dân tham gia làm du lịch chưa qua các lớp đào tạo về nghiệp vụ du lịch, do vậy nhận thức, hiểu biết về du lịch và giao tiếp ứng xử trong quá trình phục vụ khách du lịch còn nhiều hạn chế làm ảnh hưởng xấu tới hình ảnh và chất lượng phục vụ tại các khu, điểm du lịch trong tỉnh.

- Về văn hóa ứng xử của lao động du lịch tại các điểm du lịch tôn giáo Ninh Bình

Trong phát triển du lịch, Ninh Bình vẫn còn tồn tại những hành vi thiếu “tính văn hóa” của một số người làm du lịch, gây thất vọng cho du khách. Tại các điểm du lịch tôn giáo, bên cạnh thái độ niềm nở là thái độ thiếu nhiệt tình, hay miễn cưỡng khi đón tiếp khách du lịch. Đặc biệt, phổ biến ở nhiều điểm cung cấp dịch vụ du lịch đó là sự phân biệt giữa khách quốc tế và khách nội địa. Khách quốc tế bao giờ cũng được đón tiếp rất chu đáo và rất nhiệt tình. Điều này thể hiện sự không chuyên nghiệp của lao động làm dịch vụ. Để có thể phát triển du lịch bền vững tính chuyên nghiệp là một yêu cầu cần thiết và có ý nghĩa to lớn.

Thuyết minh viên tại các khu du lịch tôn giáo được đào tạo thiếu chuyên nghiệp, bài thuyết minh mới dừng lại ở các thông tin chung, diễn đạt vắn vể, không đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu của các đối tượng khách du lịch tôn giáo muốn nghiên cứu, tìm hiểu văn hóa.

Đội ngũ chèo thuyền, chụp ảnh ở các khu du lịch là một lực lượng lao động du lịch đông đảo. Mặc dù đã học các lớp về nghiệp vụ du lịch, cách ứng xử với khách du lịch vẫn còn hiện tượng đòi tiền tip, chụp ảnh trước rồi bắt khách trả tiền sau... khiến cho một số du khách mất thiện cảm khi đến Ninh Bình.

2.3.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân chất lượng nguồn nhân lực du lịch tôn giáo Ninh Bình chưa cao do du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có liên quan đến nhiều ngành, nghề chuyên môn, thêm vào đó là sự phát triển không ổn định từ khi thành lập đến nay dẫn đến xáo trộn cơ cấu, bộ máy tổ chức, chức năng nhiệm vụ, thiếu tính kế thừa trong hoạt động của ngành. Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch chưa thực sự

được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về phát triển nguồn nhân lực ngành du lịch mặc dù đã được quan tâm, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Hiện nay, Ninh Bình chưa xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu của nguồn nhân lực của ngành du lịch. Các sở, ban ngành liên quan như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ; Sở Lao động và Thương binh xã hội, Cục Thống kê tỉnh đều chưa có số liệu chính xác về dữ liệu của nguồn nhân lực du lịch tỉnh Ninh Bình nói chung và loại hình du lịch tôn giáo nói riêng.

Thêm vào đó, việc làm và thu nhập của người lao động chưa cao, chưa thực sự tương xứng với đặc thù lao động của ngành, tính chuyên môn hoá trong công việc của người lao động cũng còn bất cập (một lao động phải làm nhiều việc, làm không đúng chuyên môn) do vậy cũng ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng đội ngũ.

Trong khi đó các giá trị văn hóa truyền thống là yếu tố nòng cốt đảm bảo tính hấp dẫn của các chương trình du lịch tôn giáo thì chính việc thiếu hụt nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực văn hóa đang là một cản trở trong việc nâng cao chất lượng của các chương trình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình.

Tiểu kết chương 2

Như vậy, hoạt động du lịch tôn giáo trong thời gian qua tại Ninh Bình đã và đang được khai thác một cách tích cực. Khách du lịch và các tín đồ Phật tử đến chiêm bái, thưởng ngoạn đều là những người có tâm hướng thiện. Những người dân địa phương tham gia làm dịch vụ du lịch tại chùa Bái Đính, nhà thờ đá Phát Diệm đã có ý thức trong giao tiếp ứng xử với khách du lịch, qua đó gây được thiện cảm với du khách. Trong hoạt động quản lý, Ban điều hành bước đầu được hình thành và thực hiện chức năng tổ chức, quản lý các hoạt động trong khu du lịch. Ban hành có quy chế hoạt động, quản lý điều hành như: hướng dẫn khách tham quan; điều hành các tổ dịch vụ (chụp ảnh, xe ôm, bán hàng...), đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong khu vực.

Bên cạnh những mặt tích cực, do điều kiện khu du lịch chùa Bái Đính hiện nay vừa xây dựng vừa đón khách nên hoạt động du lịch tôn giáo tại đây không tránh khỏi còn những tồn tại, thiếu sót. Ban điều hành chưa thực hiện tốt chức năng quản

lý, điều hành, chưa quán xuyến được các hoạt động tại khu du lịch nhất là vào thời gian lễ hội. Việc đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường còn nhiều hạn chế: hiện tượng ăn xin, trộm cắp, móc túi, cướp giật tài sản của du khách cả trong và ngoài khu vực chùa còn khá phổ biến; môi trường trong khu du lịch chưa đảm bảo, nhất là ở khu vực bán hàng...

Trong chương 2 tác giả đã làm rõ một số thực trạng hoạt động khai thác loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình như: thực trạng sản phẩm, thực trạng doanh thu, thị trường khách, công tác quản lý... Đồng thời cũng đã nêu được những điểm mạnh, điểm yếu của du lịch Ninh Bình và cho thấy nguyên nhân của sự thiếu sót trong công tác khai thác loại hình du lịch tôn giáo tại đây. Đây chính là cơ sở để tác giả đưa ra một số kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm tăng cường việc quản lý khai thác loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình trong chương 3.

Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ LOẠI HÌNH DU LỊCH TÔN GIÁO TẠI NINH BÌNH

3.1. Quan điểm và định hướng của Đảng, Nhà nước về tôn giáo

3.1.1. Quan điểm và định hướng của Đảng, Nhà nước

Ngay sau khi được thành lập (1930), Đảng ta đã nhận thức được Việt Nam là quốc gia có nhiều tôn giáo. Tuy mỗi tôn giáo có những đặc điểm riêng nhưng đều giống nhau ở chỗ cùng tồn tại trong lòng dân tộc. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới (1986), các tôn giáo của Việt Nam có sự phục hồi, phát triển nhanh chóng và có nhiều tác động trực tiếp tới tình hình kinh tế - xã hội và an ninh, trật tự ở các địa phương. Nhận rõ điều đó, Đảng ta đã kịp thời tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác tôn giáo, trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện những chủ trương, chính sách đối với tôn giáo, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

Quan điểm tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta được xây dựng một mặt dựa trên quan điểm cơ bản của học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo; mặt khác căn cứ vào đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; Tinh thần đó được Đảng và Nhà nước ta thể hiện bằng hệ thống chính sách phù hợp với từng giai đoạn cách mạng. Cụ thể như sau:

Một là, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

Hai là, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia.

Ba là, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Lấy mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền, nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Công tác vận động quần chúng các tôn giáo nhằm động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất Tổ quốc thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

Bốn là, công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nước ta hiện nay có hàng chục triệu tín đồ, chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo, phân bố ở mọi vùng, miền, địa phương trong cả nước. Vì vậy, công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và nhiều cấp, nhiều ngành.

Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo là lực lượng tham mưu nòng cốt. Tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo cần được củng cố, kiện toàn, nhất là ở những địa bàn trọng điểm có đông đồng bào tôn giáo. Công tác tôn giáo thực chất là công tác vận động quần chúng.

Năm là, vấn đề theo đạo và truyền đạo.

Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận, hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo,.. của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Việc truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

3.1.2. Định hướng phát triển du lịch tôn giáo của tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình là tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch tôn giáo. Du lịch Ninh Bình đã có bước phát triển khá nhanh, đang dần trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng các mối quan hệ, hợp tác của tỉnh, làm thay đổi hình ảnh Ninh Bình trong nhận thức của bạn bè trong nước và quốc tế. Tuy nhiên kết quả đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế như: hiệu quả hoạt động kinh doanh du lịch còn thấp, chất lượng dịch vụ chưa cao; khách lưu trú, đặc biệt là khách quốc tế còn rất thấp; quản lý nhà nước về du lịch đặc biệt là trật tự, vệ sinh môi trường các khu, điểm du lịch còn hạn chế. Vì vậy để thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển hơn nữa, Tỉnh ủy đã có nhiều nghị quyết, kế hoạch về phát triển du lịch như Nghị quyết số 03/NQ-TU ngày 18/12/2001... Đặc biệt là Nghị quyết số 15/NQ-TU ngày 13/7/2009 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về phát triển du lịch đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã thể hiện quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn tỉnh trong công tác phát triển du lịch Ninh Bình trong thời gian tới.

Trong Nghị quyết số 15/NQ-TU, Tỉnh ủy đã xác định quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch Ninh Bình đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 như sau:

a) Quan điểm

- Xác định du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp. Phát triển du lịch là trách nhiệm của các cấp, các ngành và của mỗi người dân.

- Phát triển du lịch bền vững, từng bước đưa du lịch sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nhiều ngành, nhiều lĩnh vực cùng phát triển.

- Coi trọng tính hiệu quả, tập trung đầu tư vào các lĩnh vực lưu trú, vui chơi giải trí, làng nghề, mua sắm, ẩm thực... nhằm thu hút khách du lịch, kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách để tăng thu nhập từ du lịch.

- Phát triển du lịch phải gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với an ninh, quốc phòng và giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa người dân địa phương với doanh nghiệp kinh doanh du lịch và Nhà nước.

- Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động, nâng cao vai trò quản lý nhà nước về du lịch; gắn phát triển du lịch với giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo.

b) Mục tiêu

- Huy động các nguồn lực, tập trung khai thác hợp lý tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn, xây dựng Ninh Bình trở thành một trong những trung tâm du lịch trọng điểm của cả nước.

- Phấn đấu đến năm 2015 đón 5.000.000 lượt khách du lịch trở lên (6 tháng đầu năm 2013 đã đón khoảng 3.600.000 lượt khách), trong đó có 1.000.000 lượt khách quốc tế; thu hút 900.000-1.000.000 trở lên khách lưu trú tại Ninh Bình, trong đó có 350.000-400.000 khách quốc tế. Từ năm 2015 trở đi, tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân 10%/năm.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng cho du lịch, đặc biệt chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở lưu trú từ 3 sao trở lên. Ưu tiên đầu tư xây dựng các khách sạn, khách sạn nghỉ dưỡng (Resort) từ 3-5 sao. Phấn đấu đến năm 2015, tổng số khách sạn, khách sạn nghỉ dưỡng từ 3-5 sao tăng thêm so với năm 2008 là 20 khách sạn với 2.500 phòng. Đồng thời quan tâm đúng mức việc phát triển các làng

du lịch, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê để phát triển loại hình du lịch ở nhà dân (Homestay).

- Hoàn chỉnh đầu tư xây dựng và phương thức quản lý các khu du lịch lớn. Từ nay đến năm 2015 tập trung hoàn chỉnh khu Tràng An, chùa Bái Đính, Cố đô Hoa Lư và sông Sào Khê, Kênh Gà-Vân Trình, khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, sân golf, khu du lịch hồ Đồng Thái, Tam Cốc-Bích Động, Thung Nắng, Hang Bụt...

- Đào tạo nghề và tạo việc làm cho người lao động: đến năm 2015, lao động trực tiếp trong ngành du lịch là 8.000-10.000 người; lao động gián tiếp là 20.000 người. Thu nhập từ du lịch đến năm 2015 đạt 1.500 tỷ đồng, các năm tiếp theo tăng trưởng bình quân 15%/năm. Thu nhập từ du lịch năm 2020 trở đi chiếm trên 10% GDP toàn tỉnh.

Các chủ trương, đường lối, chính sách phát triển du lịch của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình chính là cơ sở pháp lý quan trọng cho phát triển du lịch đặc biệt là hoạt động du lịch tôn giáo trong thời gian tới có những đột phá mới. Căn cứ những định hướng này, trên cơ sở khảo sát thực tế tại địa phương và tham khảo một số tỉnh bạn, tác giả xin được đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm tăng cường quản lý loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình.

3.2. Một số giải pháp tăng cường quản lý du lịch tôn giáo tại Ninh Bình

3.2.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho khách du lịch tôn giáo

Những vấn đề tiêu cực trong hoạt động tôn giáo ngày nay cho thấy, bên cạnh việc tăng cường công tác tổ chức, quản lý hoạt động tôn giáo thì việc nâng cao ý thức người tham gia hoạt động này có vai trò quyết định. Công tác tuyên truyền, giáo dục thường xuyên sẽ giúp cho người tham gia du lịch tôn giáo nhận thức sâu sắc về mục đích, ý nghĩa của hoạt động tôn giáo, tự giác thực hiện những nếp sống văn minh, điều chỉnh hành vi ứng xử đúng đắn.

Tuyên truyền ý thức đối với khách du lịch nhằm nâng cao ý thức của họ trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường tại khu du lịch cũng như ý thức của họ khi tham gia

du lịch tâm linh như: không sử dụng quá nhiều vàng mã, đồ lễ, không tham gia vào các hoạt động mê tín dị đoan...

3.2.2. Xây dựng và tạo hành lang pháp lý cho phát triển loại hình du lịch tôn giáo

Tại Ninh Bình, nhiều điểm du lịch có các cơ sở tôn giáo đã và đang tổ chức các hoạt động, cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu của khách du lịch tôn giáo. Tuy vậy, trong quá trình tổ chức thực hiện nhiều vấn đề còn nảy sinh như vấn đề an toàn an ninh cho khách du lịch, vấn đề môi trường, vấn đề lợi dụng các hoạt động mê tín dị đoan và các vấn đề chất lượng và giá cả dịch vụ liên quan.

Trong suốt những năm qua, Đảng và Nhà nước đã thể hiện chính sách nhất quán, tôn trọng tự do tôn giáo, tín ngưỡng. Đây chính là một căn cứ quan trọng để phát triển và khai thác tốt loại hình du lịch tôn giáo tại Việt Nam. Để phát triển loại hình và tổ chức quản lý các hoạt động liên quan, vấn đề nghiên cứu thực trạng phát triển loại hình và tổ chức du lịch tâm linh, tạo hành lang pháp lý phù hợp là cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh đó là việc ban hành các văn bản quy phạm về du lịch tôn giáo và hoạt động tín ngưỡng, lễ hội để quản lý các hoạt động du lịch tâm linh một cách tổng thể, bền vững, tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển du lịch tôn giáo tại Ninh Bình. Việc các doanh nghiệp kinh doanh một số loại hình tâm linh như Thiền, hành hương... cũng cần có những cơ sở pháp lý để triển khai kinh doanh. Điều này cho thấy, vai trò quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch, tôn giáo là rất quan trọng.

3.2.3. Phát triển loại hình du lịch tôn giáo một cách bền vững nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống dân tộc

Hiện nay, du lịch tôn giáo với tư cách là một loại hình của du lịch tâm linh đang có xu thế phát triển mạnh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đã có những mặt trái như vấn đề lợi dụng để hành nghề mê tín dị đoan, lạm dụng tâm lý khách du lịch trong quá trình tham gia các hoạt động sinh hoạt tôn giáo để làm kinh tế, chặt chém kiếm lời, việc cảnh quan môi trường bị xâm hại, vệ sinh môi trường không được

đảm bảo, ý thức của khách du lịch chưa cao. Vì vậy, để hướng tới sự phát triển bền vững của loại hình này thì cần có những điều chỉnh kịp thời, đúng hướng.

Để khai thác tốt loại hình này thì các thánh tích, công trình phải được quy hoạch, đảm bảo các hoạt động tôn giáo được vận hành đúng theo đạo pháp đồng thời tạo điều kiện thuận lợi nhất cho du khách. Những nơi có thắng cảnh đẹp, là di tích tôn giáo lâu đời thì không chỉ là điểm thu hút khách du lịch mà còn là nơi tổ chức các hoạt động tôn giáo để khách du lịch mỗi khi đến sẽ cảm nhận được đầy đủ các giá trị văn hóa, tôn giáo để khi ra về sẽ hướng nhiều hơn tới một cuộc sống lành mạnh, thánh thiện đúng với những gì mà các giá trị tôn giáo hướng đến. Kiến trúc các công trình thánh tích phải phù hợp với giá trị vốn có mang được những yếu tố cổ kính, cổ sơ hạ tầng phải sạch sẽ, tiện nghi.

Hiện nay, một số người lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, lễ hội để hành nghề mê tín dị đoan, tổ chức cờ bạc gian lận, trục lợi từ lễ hội, gây lãng phí thời gian, phung phí tiền bạc vào vàng mã và lễ vật... Cùng với đó là những hành vi ứng xử thiếu văn hóa nơi công cộng, nâng giá bắt chẹt khách, xâm hại các công trình văn hóa, gây ùn tắc giao thông. Khâu tổ chức một số hoạt động lễ hội phần lễ nặng hơn phần hội, các trò vui chơi có thưởng thực chất là cờ bạc công khai, móc túi du khách còn nhiều mà những trò vui mang tính giải trí lành mạnh thì ít... Vì thế, nét đẹp của hoạt động tôn giáo, lễ hội cũng bị giảm đi phần nào.

Để đảm bảo cho các hoạt động tín ngưỡng tôn giáo, lễ hội vui tươi lành mạnh, cơ quan chức năng cần phối hợp chặt chẽ chính quyền các địa phương, các cấp cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội. Cần ngăn chặn tích cực và triệt để các hoạt động mê tín dị đoan, tệ nạn cờ bạc, chống mọi biểu hiện thương mại hóa hoạt động du lịch tôn giáo bằng việc đặt nhiều hòm công đức, các khoản thu phí không hợp lý, trái quy định. Tổ chức và quản lý tốt hoạt động tôn giáo là thiết thực bảo vệ và phát huy giá trị của các di sản văn hóa cổ truyền, góp phần vun đắp bản sắc văn hóa dân tộc.

3.2.4. Nghiên cứu, xây dựng mô hình và giải pháp tổ chức quản lý, khai thác loại hình du lịch tôn giáo có hiệu quả

- Một số nguyên tắc quan trọng trong xây dựng mô hình và giải pháp quản lý, phát triển du lịch tâm linh:

+ Khẳng định vai trò và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở các cấp, theo đó cần có Tổ chức quản lý chuyên trách về du lịch tại các điểm du lịch tôn giáo với hạt nhân là các di tích gắn với tôn giáo.

+ Tăng cường vai trò của các tổ chức tôn giáo trong hoạt động quản lý du lịch tôn giáo, theo đó trong mô hình tổ chức quản lý du lịch tôn giáo cần có sự tham gia đầy đủ của đại diện các tổ chức tôn giáo.

Chiều theo nguyên tắc trên và căn cứ vào thực tiễn hoạt động du lịch tôn giáo, mô hình quản lý được xem là có hiệu quả là thành lập Ban quản lý di tích danh thắng với sự tham gia của các thành phần: quản lý chính quyền địa phương, quản lý nhà nước về du lịch, đại diện tổ chức giáo hội quản lý thánh tích, đại diện cộng đồng. Trong Ban quản lý cần có bộ phận chuyên trách về du lịch với các nhiệm vụ chính sau:

* Xây dựng chiến lược và kế hoạch dài hạn về hoạt động khai thác du lịch tôn giáo của điểm đến du lịch với hạt nhân là di tích danh thắng gắn với tôn giáo. Chiến lược phát triển này cần phù hợp với định hướng phát triển của du lịch quốc gia và của địa phương nơi có điểm di tích danh thắng.

* Xây dựng quy chế quản lý hoạt động du lịch tôn giáo phù hợp về hoạt động quản lý văn hóa, hoạt động tín ngưỡng, các quy định về quản lý hoạt động du lịch và quy định quản lý các hoạt động chuyên ngành có liên quan trình Ban quản lý di tích danh thắng thông qua và ban hành.

* Thay mặt Ban quản lý là đối tác với các doanh nghiệp lữ hành trong việc xây dựng phát triển các sản phẩm du lịch tôn giáo của điểm đến trên cơ sở khai thác có hiệu quả các giá trị tôn giáo.

* Là bộ phận thường trực, thay mặt Ban quản lý di tích danh thắng phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức quản lý hoạt động du lịch tôn giáo, đặc biệt

trong mùa lễ hội đảm bảo hoạt động du lịch tâm linh được vận hành đúng quy chế quản lý, đảm bảo quyền lợi cho du khách, hạn chế thấp nhất các tiêu cực nảy sinh.

- Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch tôn giáo:

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và ý nghĩa của du lịch tôn giáo với tư cách là một loại hình du lịch văn hóa đặc thù. Phải có sự quán triệt sâu sắc trong nhận thức của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể các cấp về trách nhiệm đối với công tác quản lý và tổ chức.

+ Không được coi nhẹ việc quản lý của nhà nước đối với lễ hội. Bên cạnh đó, cần nhận thức sự biến đổi của lễ hội cổ truyền là một yếu tố khách quan trong đời sống văn hóa hiện nay.

+ Đẩy mạnh nghiên cứu xu hướng biến đổi của lễ hội tôn giáo và tổ chức sự kiện nhằm dự báo sát với thực tiễn.

3.2.5. Phát triển bộ máy, đội ngũ quản lý về văn hóa, lễ hội, du lịch tôn giáo

Các nhà hoạch định, quản lý vĩ mô phải có nghiên cứu, đánh giá khách quan, cơ bản, toàn diện về nhu cầu du lịch tâm linh. Đầu tiên là phải nghiên cứu đánh giá khách quan, cơ bản, toàn diện về nhu cầu tâm linh – tinh thần của người dân Việt Nam tiến tới hoạch định đường lối chính sách phát triển du lịch đúng đắn, phù hợp với tình hình và điều kiện cụ thể của các địa phương. Trên cơ sở nghiên cứu về nhu cầu du khách, cần đánh giá tiềm năng, nguồn lực về mọi mặt để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu tâm linh của du khách ở các địa phương để từ đó xây dựng chính sách, đường lối phát triển cho phù hợp với tình hình thực tế. Cần nghiên cứu kỹ nhu cầu của đối tượng khách du lịch tâm linh nói chung, du lịch tôn giáo nói riêng. Trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu của du khách cần đánh giá tiềm năng, nguồn lực về mọi mặt để có thể đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu tâm linh của du khách ở các địa phương từ đó xây dựng hệ thống chính sách, hoạch định đường lối phát triển cho phù hợp.

3.2.6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhân lực

** Phát triển chương trình, nội dung đào tạo nguồn nhân lực du lịch tôn giáo:*

Trên cơ sở tiêu chuẩn các chức danh lao động du lịch, xây dựng và đưa vào áp dụng khung chương trình; nội dung bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, ngoại ngữ đối

với từng đối tượng.

Xây dựng và đưa vào áp dụng khung chương trình; nội dung đào tạo đối với các chuyên ngành đào tạo phù hợp với đặc điểm riêng của ngành du lịch tỉnh Ninh Bình song vẫn đảm bảo yêu cầu mặt bằng chung của khu vực.

Cụ thể hóa số lượng, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, nghĩa vụ, quyền lợi...đối với các cá nhân và tổ chức. Đây là công việc phải được tiến hành xuyên suốt quá trình hoạt động của tất cả các ban quản lý để có một cơ cấu thích hợp, hiệu quả, tránh chồng chéo, chồng chéo.

Hàng năm, ngành du lịch Ninh Bình cần phối hợp với các trường đại học, các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động và các đơn vị đào tạo lao động du lịch tôn giáo tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ du lịch, hướng dẫn viên, thuyết minh viên, các lớp tập huấn marketing và xúc tiến du lịch... nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch của Ninh Bình.

* Đào tạo giảng viên chuyên ngành du lịch và văn hóa du lịch

Có các chính sách khuyến tài, thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ về giảng dạy tại các cơ sở đào tạo của Ninh Bình.

Cử cán bộ giảng viên chuyên ngành về văn hóa và du lịch (Trường Đại học Hoa Lư...) đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài.

* *Đào tạo nhân lực du lịch tôn giáo theo nhu cầu xã hội:*

Đào tạo theo nhu cầu xã hội là xu hướng tất yếu của nền giáo dục hiện đại. Để thực hiện mục tiêu này, nhất thiết phải đánh giá nhu cầu xã hội về đào tạo nguồn nhân lực. Đặc biệt, trong điều kiện hiện nay, nguồn nhân lực du lịch Ninh Bình chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Nhu cầu đào tạo được xác định từ các đơn vị sử dụng lao động, nguồn cung của các đơn vị đào tạo. *Trường Đại học Hoa Lư cần liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp du lịch* thực hiện đào tạo theo nhu cầu, theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp du lịch Ninh Bình. Sự liên kết này nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho các cơ sở đào tạo nghề du lịch, đồng thời đảm bảo nguồn cung du lịch chất lượng cao cho ngành du lịch Ninh Bình. Các cơ sở đào tạo nghề du lịch cử giảng viên và sinh viên đến thực tập, thực tế tại các doanh nghiệp du lịch nhằm nâng cao

kiến thức và kỹ năng thực tế cho giảng viên và sinh viên. Các cơ sở đào tạo nghề du lịch ký thỏa thuận hợp tác cung ứng nguồn nhân lực du lịch cho các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn vừa đảm bảo đầu ra cho sản phẩm đào tạo vừa đảm bảo chất lượng lao động cho các doanh nghiệp du lịch. Sự liên kết này sẽ giúp các doanh nghiệp du lịch đảm bảo nguồn nhân lực kế cận từ việc chọn lựa những sinh viên đúng tiêu chuẩn của doanh nghiệp khi còn ngồi ghế nhà trường, để kịp thời hỗ trợ, bồi dưỡng. Đồng thời, các doanh nghiệp du lịch Ninh Bình còn có được một lực lượng lao động part – time để giải quyết tình trạng thiếu nguồn lực trong thời gian hiện tại.

** Nâng cao chất lượng đội ngũ lao động phục vụ trực tiếp:*

Đối với quản lý doanh nghiệp du lịch: Xác định đây là lực lượng lao động nắm vai trò chủ đạo trong phát triển du lịch Ninh Bình nói chung và du lịch tôn giáo nói riêng. Vì vậy, cần tập trung vào các hình thức đào tạo dài hạn; tham quan nghiên cứu trong và ngoài nước để trang bị những kiến thức, chủ trương, chính sách của Nhà nước, của ngành, những vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh du lịch, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Cần chú trọng bồi dưỡng kiến thức về quản trị kinh doanh du lịch, đảm bảo cho các cán bộ quản lý đều có trình độ đại học chuyên ngành, một số có trình độ sau đại học, có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học, có khả năng nghiên cứu, nắm bắt tình hình, đề xuất trong chỉ đạo, điều hành. Bên cạnh đó, đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận bằng cách đưa vào tham gia công tác quản lý để bồi dưỡng.

Để làm tốt công tác này, ngành du lịch Ninh Bình nói chung cần phối hợp chặt chẽ với các viện nghiên cứu, các trường đại học để tổ chức các khóa đào tạo với những nội dung có tính thực tiễn và chuyên môn cao. Ưu tiên ngân sách được cấp cho việc học tập, tham quan nghiên cứu để các nhà quản lý và điều hành du lịch của địa phương có cơ hội học tập, giao lưu, tiếp thu kinh nghiệm.

Đối với nguồn nhân lực xúc tiến du lịch của Ninh Bình

Ngày nay, thị trường khách du lịch của Ninh Bình đã mở rộng đến nhiều quốc gia. Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch được quan tâm hơn, các công cụ xúc tiến

được sử dụng ngày càng đa dạng và đã đem lại những kết quả đáng kể. Tuy nhiên, hiện nay, đội ngũ lao động làm công tác xúc tiến, quảng bá du lịch còn thiếu, chưa được đào tạo chuyên sâu. Đa phần, những người làm công tác này được đào tạo từ nhiều chuyên ngành rất khác nhau: ngoại ngữ, kinh tế, văn hóa, công nghệ thông tin... Những người học chuyên ngành du lịch, văn hóa thiếu các kỹ năng về lập kế hoạch, hoạch định chi phí, thiết kế, công nghệ; người có chuyên ngành kinh tế lại ít quan tâm đến các giá trị văn hóa, ít quan tâm đến sự phát triển bền vững... Người làm công tác xúc tiến du lịch vừa phải biết cách tổ chức, vừa phải có ý tưởng để quảng bá được hình ảnh và sản phẩm du lịch một cách hiệu quả; vừa cần có kỹ năng quản lý dự án, vừa phải ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin... Do vậy, một yêu cầu cấp bách hiện nay là gấp rút bồi dưỡng nghiệp vụ, kể cả đào tạo lại đội ngũ, nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ làm công tác xúc tiến quảng bá. Đây là giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ chuyên nghiệp hóa hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch trong thời gian trước mắt.

Để phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch theo lĩnh vực hẹp như xúc tiến du lịch thì rất khó. Vì vậy, trong khung chương trình đào tạo các chuyên ngành như “quản trị khách sạn – nhà hàng”, “Hướng dẫn viên du lịch”... cần kết hợp thêm những học phần cung cấp kiến thức về PR, marketing, tổ chức sự kiện, công nghệ thông tin... hoặc cử cán bộ làm công tác xúc tiến du lịch đi học tập kinh nghiệm tại tỉnh bạn và nước ngoài. Các trường đào tạo về du lịch nên kết hợp lý thuyết và thực tế. Vì đây là công việc đòi hỏi người lao động phải tự học hỏi là chính, ngoài những kiến thức về du lịch người làm công tác du lịch cần những kỹ năng về giao tiếp, về lập kế hoạch, thiết lập các mối quan hệ... Mỗi nhân viên trong ngành du lịch cần nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của mình trong tổ chức để từ đó có những cố gắng, phấn đấu trong công việc cũng như trau dồi vốn kiến thức, ngoại ngữ, khả năng giao tiếp... để phục vụ khách tốt hơn. Nhằm nuôi dưỡng và đào tạo thế hệ hướng dẫn viên du lịch tôn giáo tương lai, các trường cao đẳng, đại học cần thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hóa Ninh Bình,

các cuộc thi ngoại ngữ để kích thích tinh thần học tập, nâng cao chất lượng học tập và giảng dạy nhằm cung cấp cho ngành du lịch Ninh Bình nguồn nhân lực dồi dào.

Thay đổi nhận thức về vai trò của hoạt động xúc tiến du lịch trong sự phát triển của du lịch Ninh Bình nói chung và loại hình du lịch tôn giáo nói riêng là việc làm cần thiết. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình cần phối hợp với các doanh nghiệp du lịch trong tỉnh tổ chức các lớp học ngắn hạn về các kỹ năng quản lý dự án, hoạch định chiến lược, ngoại ngữ, tin học... cho các cán bộ và người lao động làm công tác xúc tiến du lịch của tỉnh. Mở những lớp bồi dưỡng ngắn hạn tập trung vào chủ đề thực tiễn là xúc tiến du lịch văn hóa Ninh Bình hoặc giới thiệu về các thị trường trọng điểm của Ninh Bình.

Thường xuyên tổ chức hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo về xúc tiến du lịch nhằm bổ sung kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến quảng bá.

Ban quản lý các khu, điểm du lịch, ủy ban nhân dân các xã có tài nguyên du lịch cần phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Ninh Bình mở các lớp giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng giao tiếp của người dân địa phương và những người tham gia công tác tại các khu, điểm du lịch và các doanh nghiệp du lịch. Bởi chính họ là gương mặt và là kênh thông tin quảng bá du lịch Ninh Bình một cách hữu hiệu nhất.

Đối với đội ngũ hướng dẫn viên và lao động trực tiếp trong du lịch: lễ tân, buồng, bàn... Cung cấp những kiến thức toàn diện về các khu, điểm du lịch tôn giáo, đặc biệt là khu du lịch được công nhận là di sản đặc biệt cấp quốc gia, di sản thế giới cho đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên và các lao động du lịch trực tiếp khác. Từ đó, đóng góp cụ thể cho việc quản lý tại các khu điểm du lịch, điểm du lịch văn hóa và khắc phục những khó khăn do tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của hoạt động du lịch, đồng thời cải thiện chất lượng thông tin tại điểm đến cho du khách.

Cần nâng cao trình độ cho đội ngũ thuyết minh viên du lịch tại điểm và thường xuyên rà soát loại trình độ của đội ngũ lao động phục vụ khách, đặc biệt là đối với các đơn vị khối tư nhân phải làm tốt công tác tuyển chọn lao động có tay

ngành cũng như có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ cho lao động của cơ sở mình. Kiên quyết xử lý, thu hồi giấy phép kinh doanh đối với các đơn vị vi phạm sử dụng lao động không đủ tiêu chuẩn.

Bên cạnh đó, phối hợp với các trường trung cấp nghiệp vụ và trung tâm dạy nghề để tổ chức các khóa đào tạo nghề khách sạn – du lịch và ngoại ngữ cho lao động của các cơ sở này. Hình thức phù hợp là đào tạo ngắn hạn và đào tạo tại chỗ. Nguồn kinh phí chủ yếu lấy từ kinh phí đào tạo của các đơn vị kinh doanh và học phí của học viên.

3.2.7. Quy hoạch hạ tầng, quản lý hoạt động dịch vụ và cơ sở vật chất kỹ thuật tại địa điểm du lịch tôn giáo

Để khai thác một cách có hiệu quả và bền vững loại hình du lịch tôn giáo cần tập trung vào những giải pháp sau:

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống đường giao thông nối liền các tuyến, điểm du lịch

Trong những năm qua, Ninh Bình đã đầu tư xây mới và nâng cấp nhiều tuyến đường trong phạm vi toàn tỉnh. Tuy nhiên hệ thống giao thông vận tải vẫn cần được tiếp tục đầu tư làm hiện đại hóa đặc biệt là các tuyến đường nằm tại các khu du lịch trọng điểm, các tuyến đường kết nối các xã vùng sâu, vùng xa. Hoàn thiện hệ thống đường giao thông nối liền các tuyến, điểm du lịch sẽ tạo thuận lợi cho du khách trong quá trình đi du lịch. Đây là cơ hội để du khách có thể tăng số lượng điểm tham quan tại Ninh Bình. Bên cạnh đó, các phương tiện giao thông vận tải cũng cần đa dạng hóa, nâng cao về mặt số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu của khách du lịch vào mùa cao điểm.

- Xây dựng hệ thống cơ sở lưu trú và nhà hàng có chất lượng cao

Hệ thống cơ sở lưu trú và nhà hàng của Ninh Bình tăng nhanh qua các năm và có số lượng đáng kể nhưng vẫn chủ yếu là các khách sạn quy mô nhỏ chưa đạt chuẩn nên thiếu sức hấp dẫn khách du lịch. Do đó tỉnh cần quy hoạch các cơ sở lưu trú, nhà hàng tại các khu, điểm du lịch một cách hợp lý, tránh hiện tượng quá tập trung ở khu vực thành phố và thiếu ở các khu du lịch khác. Hệ thống khách sạn có

chất lượng cao từ 3 sao trở lên cần tiếp tục đầu tư mở rộng nhằm thu hút các tập khách du lịch có thu nhập cao đến Ninh Bình. Việc xây dựng cơ sở lưu trú tại các khu du lịch nên kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, có sự hài hòa với cảnh quan và môi trường tự nhiên. Bên cạnh việc hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ lao động trong các khách sạn, nhà hàng cũng cần được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để có phong cách phục vụ chuyên nghiệp.

- Đa dạng hóa các cơ sở vui chơi giải trí

Hiện nay, dịch vụ vui chơi giải trí của Ninh Bình còn khá hạn chế. Khách du lịch lưu trú tại đây chưa có nhiều cơ hội để lựa chọn và hưởng thụ các dịch vụ vui chơi, giải trí. Tỉnh nên tiếp tục có chính sách thu hút khuyến khích đầu tư để đa dạng hóa các loại hình dịch vụ này tại các khu du lịch đặc biệt là khu vực thành phố như: trung tâm thương mại, club, chợ đêm, công viên giải trí trung tâm, hệ thống các cơ sở bán đặc sản địa phương, các dịch vụ giải trí liên quan đến nghệ thuật biểu diễn truyền thống như: hát chèo, ca trù, xẩm... Một điểm du lịch được xem là hấp dẫn khi biết kết hợp giữa giá trị tài nguyên du lịch phong phú, độc đáo với các dịch vụ vui chơi đa dạng. Vì vậy tỉnh cần nhiều hơn nữa các cơ sở vui chơi, giải trí nhằm thỏa mãn nhu cầu của du khách trong chuyến du lịch, tăng tính hấp dẫn của điểm đến du lịch.

3.2.8. Phối hợp 5 bên để xây dựng các sản phẩm du lịch tôn giáo phù hợp

(Cơ quan quản lý văn hóa, du lịch; Giáo hội, chức sắc tôn giáo; Công ty lữ hành; Cư dân bản địa; Các đơn vị tổ chức cung ứng dịch vụ du lịch tại điểm đến).

Muốn xây dựng và khai thác tốt loại hình du lịch tôn giáo cần có các chương trình du lịch đặc sắc, ấn tượng thông qua liên kết bắt buộc với 5 thành tố:

- Cơ quan quản lý văn hóa, du lịch*
- Giáo hội, chức sắc tôn giáo*
- Công ty lữ hành*
- Cư dân bản địa*
- Các đơn vị tổ chức cung ứng dịch vụ du lịch tại điểm đến*

Muốn làm được như vậy cần xây dựng quy chế hoạt động chặt chẽ, thống nhất, và phối hợp hành động vì lợi ích chung trong đó sẽ có lợi ích của các cá nhân, doanh nghiệp. Đó chính là sự thống nhất, phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau để tạo nên sức mạnh tập thể vì lợi ích chung của ngành, của địa phương.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị đối với Đảng, Nhà nước, Chính phủ

Để góp phần khai thác hiệu quả du lịch tôn giáo cho tương xứng với tiềm năng và nguồn lực sẵn có, Đảng, Nhà nước, Chính phủ cần phải có những thay đổi căn bản trong tư duy và hành động của những người hoạch định và tổ chức hoạt động du lịch. Những nhà xây dựng và quản lý đường lối chính sách phát triển phải xem xét lại những chính sách hiện hữu, đánh giá đúng một cách khách quan những khó khăn và thuận lợi, thực trạng của đời sống tinh thần nhân dân, tâm tư, tình cảm nguyện vọng, ước muốn của người dân để xây dựng chính sách cho phù hợp

3.3.2. Kiến nghị đối với sở, ban ngành VH-TT-DL

Cần có sự phối hợp trong công tác triển khai kế hoạch phát triển du lịch, huy động mọi nguồn nhân lực và vật lực cho phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch tôn giáo với tư cách là một loại hình du lịch văn hóa; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác phát triển du lịch ở các địa phương; công tác quản lý bảo vệ các tài nguyên du lịch; tổ chức các hoạt động nâng cao chuyên môn nghiệp vụ du lịch cho cộng đồng tham gia hoạt động du lịch...

3.3.3. Kiến nghị đối với Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình

UBND tỉnh Ninh Bình cần tiếp tục nghiên cứu, ban hành các văn bản định hướng chỉ đạo phát triển bền vững du lịch Ninh Bình nói chung và du lịch tôn giáo nói riêng, trong đó chú trọng nhiều hơn nữa đến công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ phục vụ du lịch để thu hút khách kéo dài thời gian lưu lại ở Ninh Bình.

3.3.4. Kiến nghị đối với chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương cần chú ý đến công tác bảo vệ, quản lý tài nguyên du lịch; tổ chức triển khai phát triển du lịch luôn theo đúng chủ trương định hướng; chú

trọng đến công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức của cộng đồng địa phương tham gia phát triển du lịch để người dân hiểu du lịch không chỉ là một sinh kế mà còn là một phương thức bảo tồn gìn giữ các giá trị văn hóa, quảng bá hình ảnh quê hương đất nước tới bạn bè khắp năm châu. Cụ thể là:

Chính quyền địa phương cần phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ban quản lý các khu du lịch tổ chức các đợt học tập kiến thức chuyên môn cụ thể mở lớp trao đổi nghiệp vụ du lịch cho tất cả cộng đồng do các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp có uy tín tổ chức. Các khóa đào tạo chủ yếu về dịch vụ khách hàng, kỹ năng hướng dẫn khách tham quan và kiến thức về điểm đến cho các hướng dẫn viên thôn, bản, đặc biệt khuyến khích hướng dẫn viên là người địa phương (nông dân, người lái đò, thợ thủ công...); đào tạo các kỹ năng đón tiếp, làm buồng phòng và bảo trì, quảng bá, kế toán, hiểu về khách du lịch...cho điều hành dịch vụ nhà dân. Tập huấn về kiến thức chuyên môn du lịch từ việc đón tiếp, đến việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ và cung cấp các loại hình du lịch tại địa phương có thể khai thác để phục vụ khách như du lịch lễ hội, du lịch leo núi, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề...

Tổ chức cho người dân đi tham quan học hỏi kinh nghiệm ở một số địa phương thành công trong việc phát triển du lịch. Để đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm, đối tượng được cử đi học tập kinh nghiệm là người đứng đầu các hội, nhóm, câu lạc bộ như hội trưởng phụ nữ, hội trưởng cựu chiến binh... hay một số người làm du lịch giỏi có tiếng nói trong cộng đồng địa phương. Đặc biệt, khách du lịch quốc tế đến Ninh Bình ngày càng tăng, vì vậy, trình độ ngoại của người dân địa phương cần được cải thiện đặc biệt đối với hướng dẫn viên tại điểm. Bồi dưỡng ngắn hạn cho cộng đồng địa phương về ngoại ngữ là một giải pháp hiệu quả đúng đắn để nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch. Các lớp học này được tổ chức ngắn hạn khoảng 1 – 3 tháng, chủ yếu hướng tới đối tượng là thanh niên tại địa phương để đạt được hiệu quả cao nhất.

Chính quyền địa phương nên thông qua các tổ chức đoàn thể như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân... để tổ chức các buổi sinh hoạt giáo dục ý thức của

người dân địa phương, giáo dục họ để họ hiểu được lợi ích to lớn của việc phát triển du lịch tại địa phương. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch trong quá trình tham gia của cộng đồng vào các hoạt động du lịch trên địa bàn. Đây là hình thức giáo dục mang lại hiệu quả cao đồng thời tiết kiệm được chi phí. Phải làm cho cộng đồng hiểu, giá trị tài nguyên đó mang đến sự sinh tồn cho họ, từ đó nâng cao nhận thức và huy động cộng đồng địa phương tham gia vào phát triển du lịch.

Tập huấn chương trình pháp luật có liên quan đến luật và các văn bản có liên quan đến du lịch, luật bảo vệ tài nguyên và môi trường,... thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề cho cộng đồng các thôn, làng, xã... Xây dựng hệ thống các quy định, nội quy của khu du lịch, tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng của làng, xã.

Thi hành biện pháp xử lý thích đáng với những hành vi vi phạm các quy định của khu du lịch nhằm răn đe người dân địa phương.

Chia sẻ lợi ích từ nguồn thu du lịch để hỗ trợ, phát triển cộng đồng: hỗ trợ xây dựng các cơ sở phúc lợi chung của cộng đồng như trạm y tế, nhà văn hóa, nâng cấp, sửa sang nhà cửa đường xá, cầu cống... Điều này vừa mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương vừa góp phần giữ gìn nét đẹp văn hoá, thuần phong mỹ tục, đảm bảo sức hấp dẫn riêng biệt của từng di tích mà khách du lịch tôn giáo quan tâm.

Tăng cường sự phối hợp với các tổ chức đoàn thể và một số cơ quan chức năng để đẩy mạnh sự tham gia của đông đảo tầng lớp nhân dân trong cộng đồng, để quá trình thực hiện mang lại những hiệu quả thiết thực và lâu dài.

3.3.5. Kiến nghị đối với các doanh nghiệp du lịch

Các doanh nghiệp du lịch, lữ hành trong tỉnh cần có nhiều tour du lịch tôn giáo đưa vào khai thác trong thời gian tới. Đặc biệt chú trọng đến việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, thực hiện các chương trình mang đúng đặc trưng của du lịch tôn giáo

Cần chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường bằng cách: thực hiện đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ với các doanh nghiệp du lịch trong và ngoài tỉnh để có thể hợp tác trong kinh doanh, tìm kiếm thị trường tiềm năng cho

hoạt động du lịch tôn giáo sau này. Đồng thời, các doanh nghiệp cần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, các tour du lịch của mình. Tổ chức các chương trình du lịch mang đúng nghĩa của du lịch tôn giáo như: đưa các món chay tịnh vào trong dịch vụ ăn uống, có sự phối hợp với sự trợ trì tại các thánh tịnh, nhà thờ... nhằm giảng giải cho du khách những lễ nghi của đạo Phật...

Các doanh nghiệp cần tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách du lịch như: các trang thiết bị văn phòng, hệ thống các xe du lịch... Đồng thời cần đẩy mạnh đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên có trình độ chuyên môn, năng lực trong hoạt động du lịch nói chung và hoạt động du lịch tôn giáo nói riêng. Hướng dẫn viên phải có sự hiểu biết về tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, những giáo lý, những điều cấm kỵ của các tôn giáo...

3.3.6. Kiến nghị đối với người dân địa phương

- Nhân dân địa phương khi tham gia hoạt động du lịch cần phải được đào tạo về du lịch cộng đồng và du lịch tôn giáo để họ có thái độ và cách ứng xử phù hợp với du khách. Từ đó từng bước nâng cao nhận thức và thái độ phục vụ của họ đối với khách du lịch, gây được thiện cảm với du khách trong và ngoài nước.

Cộng đồng dân cư nên tham gia tích cực vào việc cung cấp các dịch vụ bổ sung như chụp ảnh, bán đồ lưu niệm, các dịch vụ vận chuyển như cho thuê xe đạp, dịch vụ xe trâu... Đây là các hoạt động nhằm đa dạng sản phẩm du lịch của khu du lịch, đồng thời sự có mặt của các dịch vụ này sẽ tạo nên nét độc đáo, riêng có của du lịch Ninh Bình và riêng từng địa phương, thu hút khách du lịch đến với Ninh Bình ngày càng đông hơn.

Cộng đồng dân cư góp vốn đầu tư và tổ chức thi công hệ thống đường xá nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng tại một số điểm du lịch phục vụ khách đi lại và tham quan.

Người dân cần quan tâm tới việc giám sát các hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn tài nguyên nhân văn và góp phần quan trọng bảo vệ môi trường, giảm bớt ô nhiễm do du lịch gây nên.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở quan điểm, định hướng phát triển du lịch Việt Nam, định hướng phát triển du lịch tôn giáo của tỉnh Ninh Bình và các điều kiện, khả năng, thực trạng khai thác du lịch tại các di tích tôn giáo tiêu biểu, để khai thác có hiệu quả loại hình du lịch tôn giáo cần phải có những chính sách, kế hoạch cụ thể đẩy mạnh khai thác tất cả các nguồn tài nguyên du lịch hiện có nhằm tạo được những sản phẩm du lịch có chất lượng, hấp dẫn, thu hút đông đảo khách du lịch. Các tour được thiết lập đến các di tích trên cũng cần phải tiến hành thử nghiệm, có thời gian theo dõi để điều chỉnh sao cho phù hợp với các điều kiện, nguồn lực.

Trong chương 3, tác giả cũng đã trình bày những giải pháp, đề xuất, kiến nghị đối với các cấp ngành, cơ quan chức năng, đặc biệt là Sở văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Ninh Bình nhằm tăng cường quản lý loại hình du lịch tôn giáo tại các điểm du lịch trong đề tài nghiên cứu. Trong đó, nhấn mạnh đến việc phối hợp chặt chẽ 5 bên để xây dựng các sản phẩm du lịch tôn giáo phù hợp (*Cơ quan quản lý văn hóa, du lịch; Giáo hội, chức sắc tôn giáo; Công ty lữ hành; Cư dân bản địa; Các đơn vị tổ chức cung ứng dịch vụ du lịch tại điểm đến*). Đặc biệt là công tác tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch điểm đến Ninh Bình. Mặt khác, cũng cần đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, chất lượng phục vụ du lịch. Tất cả đều nhằm tạo ra một thương hiệu cho du lịch Ninh Bình, một thành phố du lịch trong tương lai được nhiều người biết tới, có sức thu hút mạnh đối với du khách trong và ngoài nước.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về du lịch tôn giáo, đặc biệt qua đánh giá thực trạng phát triển du lịch tôn giáo ở Ninh Bình trong thời gian qua chúng ta có thể thấy rằng Ninh Bình là tỉnh có tiềm năng to lớn về du lịch nói chung và du lịch tôn giáo nói riêng. Điều này càng minh chứng cho sự đúng đắn của Nghị quyết số 15 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, xem du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, phát triển du lịch là nhiệm vụ quan trọng của các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hoạt động khai thác loại hình du lịch tôn giáo của tỉnh nhà vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế vốn có. Các nguyên nhân khách quan và chủ quan được nêu ra ở đây là sự chưa đồng bộ của hạ tầng cơ sở phục vụ du lịch, các sản phẩm du lịch còn đơn điệu, đặc biệt là chất lượng nguồn nhân lực du lịch tôn giáo cùng với công tác quản lý, điều hành có nhiều bất cập, chưa thực sự đáp ứng tốt yêu cầu thực tế đặt ra.

Để góp phần giải quyết các vấn đề trên, đề tài đã đưa ra hệ thống 8 giải pháp nhằm tăng cường quản lý loại hình du lịch tôn giáo tại Ninh Bình như: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho khách du lịch tôn giáo, xây dựng và tạo hành lang pháp lý cho phát triển loại hình du lịch tôn giáo, phát triển loại hình du lịch tôn giáo một cách bền vững nhằm bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống dân tộc, nghiên cứu, xây dựng mô hình và giải pháp tổ chức quản lý và khai thác loại hình du lịch tôn giáo có hiệu quả... Muốn vậy, cần phải vận dụng các giải pháp này một cách hệ thống, linh hoạt, đồng bộ với các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hy vọng rằng, đây sẽ là những tư liệu tham khảo bổ ích đối với công tác hoạch định chính sách phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình trong thời gian tới

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1957), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Thuận Hóa, Huế
2. Trần Thúy Anh (2000), *Thế ứng xử xã hội cổ truyền của người Việt châu thổ Bắc Bộ qua một số ca dao, tục ngữ*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội, Hà Nội
3. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
4. Trần Văn Giáp (1935), *Đạo lý Phật giáo và đạo lý Nho giáo ở Việt Nam, Trung Bắc tân văn*, Nxb Hà Nội
5. Mai Văn Hải (1998), *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
6. Nguyễn Duy Hình (2003), *Người Việt với Đạo giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
7. Vũ Ngọc Khánh (2001), *Đạo thánh ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội
8. Hữu Ngọc (1995), *Lãng du trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Thế giới
9. Thích Đức Nghiệp (1995), *Đạo Phật Việt Nam*, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh.
10. Nhất Thanh (2001), *Đất lề quê thói (Phong tục Việt Nam)*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
11. Lê Hữu Tầng (1993), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb KHXH
12. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Tp. HCM
13. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
14. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Miền Trung Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế

15. Chu Quang Trứ (2001), *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Mĩ thuật, Hà Nội
16. Nguyễn Tài Thư (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội
17. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng (1998), *Mĩ thuật của người Việt*, Nxb Mĩ thuật, Hà Nội
18. Nguyễn Minh San (1994), *Tiếp cận tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội
19. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
20. Trần Đức Thanh (2001), *Nhập môn khoa học du lịch*, Nxb Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
21. Trần Quốc Vượng (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
22. Lê Trung Vũ (1992), *Lễ hội cổ truyền Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội
23. Nhiều tác giả (2006), *Hỏi và đáp về cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội
24. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, *Pháp lệnh tôn giáo, tín ngưỡng*
25. George James Frazer (2007), *Cành vàng* (Người dịch Ngô Lâm Bình), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội
26. S.A.Tocarev (1994), *Các hình thức tôn giáo sơ khai và sự phát triển của chúng* (Người dịch: Lê Thế Thép), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

Tài liệu nước ngoài

27. Chris Ryan (2011), Tourism and Religious Sites, *Religious Tourism in Asia and the Pacific*, UNWTO, tr.110 – 124
28. Isaree Baedcharoen (2000), *Impacts of religious tourism in Thailand*, University of Otago.
29. Ian Yeoman (2008), *The Religious or Not so Religious Tourist in 2030*
30. Luc Citrinot (2011), Religious Tourism in South – East Asia, *Religious Tourism in Asia and the Pacific*, UNWTO, tr.25-46

31. R.Ray and ND Morpheth (2007), *Religions Tourism and Pilgrimage Management: an International Perspective*, Biddles Ltd, UK
32. Xu Fan (2011), Domestic and Outbound Religious Tourism, *Religious Tourism in Asia and the Pacific*, UNWTO, tr.99-110

Trang web:

1. <http://www.aseanreligious tours.com>
2. <http://dhammathai.org>
3. <http://www.myamartourism.org>
4. <http://www.mofa.gov.mm>
5. <http://www.ninhbinhtourism.com.vn:8080/modules.php?name=News&op=vi ewst&sid=23>
6. <http://www.ninhbinhtourism.com.vn:8080/modules.php?name=News&op=vi ewst&sid=1322>
7. <http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php?cat=202035&itemid=7634>
8. <http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php?cat=202030&itemid=7384>
9. <http://www.slideshare.net/hillarypjenkins/tourism-destination-marketing-part-2>
10. <http://spirittourism.com>